

SÔNG ĐẠO

Kỷ Hội 2019 • 2

SÔNG ĐẠO KỶ TỎI

Sống Đạo 2019•3 dành cho thời gian từ 15-4 đến 1-6- Kỷ Hội với các lễ Kỷ niệm Phật Đản, Chánh Phối sư Thượng Khai Thanh (19/5), nữ Giáo sư Võ Hương Yến (23/5). Về danh nhân văn hóa có Trần Cao Vân (17/5/DL) và Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (25/5/DL).

Sống Đạo kính thông báo, mời quý huynh tỷ viết bài và đón xem

Hạn nhận bài: 1/3/Kỷ Hội (05/4/2019)

ISBN 978-604-61-6032-8



SÁCH ẤN TỔNG

SÔNG ĐẠO



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

SÔNG ĐẠO

Kỷ Hợi 2019 • 2

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



THÔNG TIN LIÊN LẠC VỚI SỐNG ĐẠO

Bài viết gửi:

Hiền hữu NGUYỄN VĂN THỊNH 63 Hải Phòng,
TP. Đà Nẵng.

ĐT: 0988 201569

Email: **songdao@gmail.com**

Đặt và nhận Sống Đạo liên hệ BÙI NGỌC CHINH,
ĐT: 0912213277.

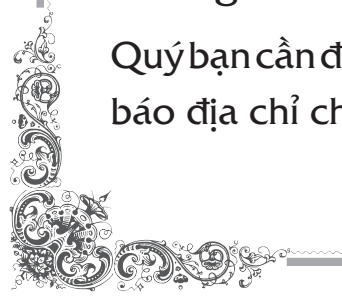
Quý Họ Đạo và chư đạo tâm công quả ấn tống
Sống Đạo chuyển khoản về LÊ HỒ PHƯƠNG LINH,
số tài khoản 100077429 Ngân Hàng Thương Mại
Á Châu (ACB) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

ĐT Phương Linh: 0904780384

Quý vị vui lòng gửi danh sách công quả ấn
tống Sống Đạo về chị NGUYỄN THỊ ANH,
ĐT: 0918705268. Email: **anhcn7@gmail.com**

Bài vở gửi cho Sống Đạo không gửi các nơi khác
và đã gửi nơi khác không gửi cho Sống Đạo.

Quý bạn cần đọc Sống Đạo qua email vui lòng thông
báo địa chỉ cho Sống Đạo: **songdao@gmail.com**.





NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Trảng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 024.37822845 - Fax: 024.37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
TS BÙI THANH HÀ

Biên tập
LÊ HỒNG SƠN

Trình bày
KIM TRÚC

Sửa bản in
CHÂU HỒE

Đơn vị liên kết: Ông **NGUYỄN HỒNG VĂN**
Địa chỉ: Cơ quan Phổ tế
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài,
63 Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng.

In 1.600 bản, khổ 15,8 x 24 cm,
tại Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng,
số: 420 Lê Duẩn, phường Chính Gián,
quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
ĐT: 0236. 3823371

Email: daprico@gmail.com
Số ĐKXB: 18-2019/CXBIPH/81-01/TC
Mã ISBN: 978-604-61-6032-8
QĐXB: 81/QĐ-NXBTG ngày 15/3/2019
In xong và nộp lưu chiểu quý 01/2019

Mục lục

- 4 Thư Sống đạo
- 5 Độ người cứu mình trên nền thanh tịnh.
- 6 Giáo sĩ phải ân cần giới trau tâm hạnh.
- 14 Tại sao tôi chọn Tôn giáo Cao Đài để khép mình tu học? *DuNguyen*
- 17 Ý nghĩa hai chữ Cao Đài. *Hồng Phúc*
- 34 Thầy chẳng quên ta, ta hằng tại. *Trương Duy*
- 44 Tư duy tích cực: Một ứng dụng hiện đại của chánh tinh tấn. *Trần Quốc Huân*
- 51 Linh Châu Tướng Châu: Pháp môn vi diệu của Đại Đạo. *Lê Vinh Tuấn*
- 97 Trở lại lòng. *Phạm Sĩ Dũng*
- 103 Phật tại Tây Thiên. *Ngọc Anh*
- 108 Tản mạn với Trí Huệ. *GS Thượng Văn Thanh*
- 114 Giàu mỏng toi. *Trúc Hạnh*
- 122 **Sáng tác:**
Trần Dã Sơn • Đỗ Thị Kết • Mai Hậu • Nguyễn Quốc Huân
- 126 Tuổi trẻ Thanh Long với lý tưởng phụng sự Đại Đạo *Lương Mai*
- Thông tin Tư liệu:**
- 135 Lễ Khánh thành nhà tu Trí Huệ.
- 137 Kiểm tra giáo trình 1 khóa tu tập Phổ Tế viên dự bị - Dương Đông 3
- 138 Chung sinh Đại chủng viện thánh Giuse TP. Hồ Chí Minh tìm hiểu về Đại Đạo
- 139 Thông báo.
- 140 Danh sách ấn tống



Thư Sống Đạo

Sau ngày đất nước thống nhất, các hoạt động tôn giáo lần lần phục hoạt. Nhiều nơi thờ tự được sửa chữa hoặc xây mới, lễ hội được dễ dàng, thông thoáng. Đồng thời các sinh hoạt về văn hóa, giáo dục, tôn giáo được phát triển.

Tài liệu sinh hoạt tu học Sống Đạo ra đời cùng chung trong bầu khí ấy. Cho dầu với hoàn cảnh của mình thì Sống Đạo chưa lớn mạnh bằng người nhưng Sống Đạo sẽ lớn hơn chính mình là điều tự nhiên. Thời gian qua, Sống Đạo đã tỏ ra như thế.

Loài người, ở phương vị cá nhân cũng như tổ chức tập thể thường định ra các thời điểm để phát triển. Chẳng hạn, với Đức Khổng Tử thì những mốc thời gian ấy là tam thập, tứ thập, ngũ thập... Nhà đạo kỳ ba, còn bảy năm nữa là đến tuổi bách niên.

Chắc chắn trong huynh tử đồng đạo chúng ta thế nào cũng có nhiều người suy nghĩ về thời điểm ấy, về thời gian bảy năm sẽ cán mốc một trăm tuổi của Đại Đạo.

Sống Đạo cũng có tâm trạng tương tự để lo cho chính mình, lo công quả thế nào nhằm tạo được những công trình cụ thể bằng trang chữ, bài viết và ấn phẩm giúp ích nhiều cho công cuộc giữ đạo và truyền đạo.

Mong quý huynh tử đồng cảm, hiệp tâm, hiệp lực với Sống Đạo trong hoài bão phụng đạo nói trên.

SỐNG ĐẠO



Độ người cứu mình trên nền thanh tịnh

“...Nên Thầy muốn cho các con từ nay trở đi lập pháp độ mình cứu người trên nền thanh tịnh. Hằng ngày soi rọi vào lòng mình, cố nguyện làm Tiên phụng sự cho Thầy, muốn cho được cái tâm thanh tịnh.”

“Vậy Thầy muốn các con nghe cho hiểu được lời Thầy, ngó cho rõ lẽ hư nên của cơ Tạo hóa. Muốn thế phải bởi đâu Thầy không dạy bày nhắc nhở. Vì con chưa đủ sức nghe hiểu ý Thầy.”

“Thầy cũng thường hiện bao Lễ Thật ở trước các con mà các con chưa hề thấy được là vì mắt các con yếu thần, tai con thiếu tuệ.”

“Thầy muốn con cảm thông và hăng hái những việc Thầy bày và được gần gũi bên Thầy.”

“Vi các con vô minh mà chẳng thấy Thầy, không nghe lời Thầy, mà các con loay hoay tìm kiếm chi mãi trong vòng thị phi náo nhiệt.”

“Vậy tóm lại, muốn cứu đời, độ mình là trước phải làm chủ cái lòng mình. Lòng không lung lay phóng tán thì hạo khí của Trời đất đến nhóm tụ nơi lòng mình. Lòng nương theo hạo khí mà sống, hòa nhịp với Thiên lý vạn hữu chúng sinh, cốt làm sao cho lòng thanh tịnh.”

“Thân đứng trước bao thử thách cám dỗ, bao khiêu khích đe dọa, bao nguy kịch khó khăn cũng không lay động lòng mình, thì lòng ấy đã được làm thầy của vạn hữu, làm chủ sự biến hóa mất còn.”

“Được vậy thì mới sửa cái hư, chữa cái tệ, khiến kẻ dữ làm lành, trừ các họa hại, gây cho nhân tâm một tinh thần bình đẳng vô ngã...” .

*THBT, 30-6-Canh Tý. Bài 290 Thánh truyền
Trung Hưng bản in 2017*



Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 29-11-ĐĐ. 34 (Kỷ Hội) (28-12-1959)

THI

THÁI độ thuần hòa cùng kẻ tu,
BẠCH minh minh bạch chớ lu bù.
KI(Ê)M toàn công hạnh ra hành đạo,
TINH tấn ngày ngày mới được phu.

Hỷ hỷ chư Thiên ân, hỷ hỷ chư thiện tín.
Giờ này, Lão vui mừng sự hiện diện của toàn bộ giáo sĩ,
tu sĩ được đồng đẳng thành tâm tuân mạng!
Chư hiền nam nữ tọa vị nghe dạy.

PHÚ

Đời đến thế chư Thiên ân cũng thấy,
Đạo ra vậy cả thầy liệu làm sao?
Buổi nguy toan cứu lấy đồng bào,
Thì giáo sĩ phải ân cần giỏi trau tâm hạnh đủ.
Lời giáo hóa độ tha tu kỷ, khuyên nữ nam chớ phụ.

Buổi Tam Kỳ Thầy phủ dụ mau giác ngộ lập công.
Muốn cho ai cũng chung hưởng cảnh thuần phong,
Thì nỗ lực lòng hiệp tác xây Đại đồng trong nội bộ.
Giữa nhau lấy tình thương đừng nên tạt đổ.

Sống tràn đầy ơn báo bổ, khỏi xấu hổ phận môn sanh. Gắng tu công
hưởng lấy phước từ lành.

Cơ tận độ THẦY dành cho giáo đồ phần thưởng trọng. Phải tuân
mạng, rao truyền Thánh ý,

Đừng mê đời kiêu sa dục vọng.
Uổng tuổi xanh một kiếp khó trông về.
Biết bao người còn đắm đuối say mê,
Ta phải tỉnh, tỉnh lên đi lo bề ân cần phổ độ.
Đã cảm thấu Đạo mầu, đừng thờ ơ mà xấu hổ.
Quanh theo THẦY ƠN vũ lộ gọi từ đây.

*

Kìa để mắt trông Nam Bắc Đông Tây.

Thiên hạ làm gì?

Đương bị vây trong vòng khói lửa.

Lửa đã cháy, cháy bùng thiêu cõi đời, còn đương thiêu, còn cháy nữa.

Cháy rực trời nhân loại, chết bữa bữa, lấy gì chữa cứu thoát tàn linh.

Ai đứng lên kêu gọi hòa bình, tranh độc lập tự do, cứu lấy mình, giải
quyết chung cho bốn biển.

Đời đã khổ cảnh lắm than, giọng khóc kêu muôn nhà ráo tiếng.

Nhờ ai đây thực hiện giải pháp tận độ cuối cùng.

Để cho người sớm được thung dung, đời thấy được vinh quang
hạnh phúc.

Để ai nấy biết biện phân trong đục.

Để năm châu hồi phục đồng cất khúc thái bình ca.

Sứ mạng này THẦY lập, pháp đã ban ra.

Chọn nước Việt, người Việt, lần ba làm dân nước Thánh.

Đề sưởi nóng cho quả tim đang lạnh.
Đề gào lên cho bá tánh nhận được sứ mạng an bình.
Gào thét lên mà tỉnh thức cả quần sinh.
Ai cũng được hồi minh, ai cũng toan khử ám.
Xốc gánh Đạo đang thiếu vai, đừng lãnh đạm.
Thương lấy thân đừng xúc phạm mà dọa A tỳ.
Quyền đã trao, pháp đã gấn, nào thanh cao, tua phải quyết lòng đi.
Gieo ánh sáng khắp nơi, mở vô vi Đại Đạo.
Đời tận diệt nhờ từ bi THẦY chuyển sang ngưỡn tái tạo. Hiệp lương
sanh, ban Thánh giáo, xây dựng Đạo để bảo tồn.
Nhờ Hồng ân trong buổi Thuần Khôn.
Cơ thịnh vượng khai môn đã tượng hình trong quái Phục. Nhất
Dương ẩn trong muôn ngàn đen đục,
Đề mạnh nha khắc phục vượng khí thái hòa.
Chư môn sanh đặt đức tin mà hồi hướng về CHA.
Làm trọn ý THẦY gần xa gọi ơn tái tạo

*

SỨ MẠNG TRUNG HUNG phải dưới trên xúm nhau hoài bão.
Sự nghiệp này chư hướng đạo trước đã dày công
Bởi vì đời mến Đạo quyết tiền phong.
Mở lối dọn đường dầu phải long đong, chết trên đoạn đầu dài, ngồi
trong khám tối.
Vi đời quản chi thân mai chiều lặn lội.
Bước đàn anh toan nổi gương sáng cần soi.

*

Đạo chinh nghiêng rồi rạc, bình tĩnh lại mà coi.
Một Thánh thể, một giáo quyền phải lẻ loi phân chia nhiều mảnh.
Trong nội bộ có phần nguội lạnh,
Ngoài nhân dân yếu mạnh quyết toan xô.
Nhựa thiêng liêng lẽ sống muốn đã khô.

Hàng ngũ dưới trên cơ hồ như tan rã.
Tình đồng đạo thiếu nồng nàn coi có phần toi tả.
Giữa phái chi nghiêng ngả ai còn biết nhìn ai.
Mỗi chân truyền vạn biệt thiên sai.
Cơ thống nhất kéo dài hết mười hai năm ba sáu.
Chư chức sắc vì nhân sinh đã bỏ nhiều giọt máu.
Nào Chi phái, các Hội Thánh hòa thân.
Thiệt buồn trông cho cảnh qua phân.
Nếu mãi vậy thì Hồng ân nhờ đâu được hưởng.
Quyền pháp không linh mới sinh nhiều ý tưởng.
Hóa muôn hình, muôn tướng, màu sắc pha ảnh hưởng thế gian.
Trông đàn chiên ngỡ ngác lang thang,
Xuôi ngược biết đâu, ai dẫn đoàn, ai gây còi bảo hộ?
Người thiện chí trông nội tình nội bộ.
Đứng sao yên, ngồi sao vững, làm sao không xấu hổ cho số phận
giáo quyền.
Trong đây thảm trạng chinh nghiêng.
Ngoài giáo phái đương tuyên truyền gây hoang mang dư luận.
Thế mà hướng đạo sao còn lững thững.
Danh Đạo lem, quyền Đạo yếu, muôn việc đời lụng khựng nói sao
xong.

*

Bây giờ đây ai là kẻ có lòng.
Quyết học Đạo tu thân mỗi mong ngày khai hóa.
Người thiện chí trung thành hiệp nhau tìm đường giải tỏa. Gánh
TRUNG HƯNG bô bá mở mang đều.
Ngọn đuốc Thần muốn sáng phải cần khêu.
Thuyền tế độ chống chèo lướt qua cơn sóng gió.
Gánh nghĩa vụ, kìa ai ôi còn đó!
Nợ râu mày sao chưa bày tỏ được tâm can.

Phải tiên phong mạnh mẽ lên đàng.

Kế tiếp chí oai phong trước đây của người hướng đạo.

*

Phản tu học phải gắng công chu đáo.

Phải thiết tha hoài bão dạ mộng nhật tư.⁽¹⁾

Trước làm trò, xứng đáng mới làm sư.

Muôn hạnh đủ đầy phong tư ra người giáo sĩ.

Người Giáo hội là Thiên thần, nào phải phạm phu thô bỉ.

Lời giáo quyền là linh sám, nào ai còn luận thị bàn phi.

Việc làm sự sống tình thương chứa ở lòng bác ái từ bi, công phu người giác ngộ.

*

Làm giáo sĩ là người tài công lái thuyền Phổ độ.

Người Thánh hiền cứu nạn cứu khổ cho thiên hạ khỏi lầm than.

Người mà THẤY sứ mạng trao ban,

Người mà Hội Thánh tương lai cột rường giáo hóa.

Người sáng suốt không lầm mê thóa mạ

Không riêng tư, không man trá, không làm chứng dối, không cầu thả mà thước mực đĩnh ninh.

*

Nên hôm nay, Lão mời các giáo sinh.

Thiết lập một khu quân điền hình khai thông đạo mạch.

Lời Lão dạy, nổi lòng đã biện bạch.

Khuyên gắng lên một tư cách đạo hạnh công bằng.

NGÂM

Cuộc đời như thể vàng trắng,

Đạo THẦY như nước sông Hằng chảy luôn

Chư đệ!

Hôm nay, Lão mời về đây, chắc chư đệ cũng thông cảm. Vì một lý do nào nên Đạo chia năm xẻ bảy mà SỨ MẠNG TRUNG HƯNG nơi

này mới được thành lập; thành lập ở chỗ lòng đầy nhiệt thành, lòng đầy tin cậy.

[...]

Những người cầm quyền pháp đứng đầu các cơ quan chưa thể lòng THẦY mà điều khiển. Nên việc làm, người phục vụ không đi đôi; giữa nhân sinh và chức sắc ít được dính liền, lời nói của giáo sĩ không tác động được lòng thiện tín.

Vì lý do chư giáo sinh được thụ huấn ở vài nơi chưa nhận chân sự học bằng cách luyện trí rèn lòng, tạo cho mình một đức tin có đủ hạnh Bồ Tát, tâm Bồ đề.

Trước là đề độ kỷ, độ kỷ cũng đồng thời độ tha. Độ tha đề mà tu kỷ, tu kỷ đề rồi độ tha.

Hai đường song tiến cần được nhận thức.

Nếu không phần độ tha thì không có nơi để lập công mà giải nghiệp trừ ác, tạo lấy địa vị Thiêng liêng hay lần chân trên thang Giáo hội. Phần này gọi là tích cực.

Không tu kỷ thì làm sao phá được vô minh, trừ được phiền não, dẹp được phàm tính mà tiếp ân sứ mạng, đón lấy điển lành. Phần này tuy nói là tiêu cực nhưng phần rất nên quan trọng. Phần này là phần tạo lấy vốn. Có vốn rồi mới đi ra ngoài mà độ người.

Nên nói rằng giáo lý, dầu các hiền có học mười năm hay hai mươi năm, cho chí suốt đời, dầu hay ho cho đến đâu, cho cao đến bậc nào mà cái thân không in theo, cái tâm không rạp được thì sự truyền Đạo cũng hóa thành vô dụng.

Đâu phải nói suông được, “nói thì có mưa gió thì không.” Lời tuy hay ho mà lòng trái lại, giữa cái miệng với cái lòng đã mâu thuẫn nhau. Mâu thuẫn là mầm của sự khổ sở, mầm chống chọi ganh tỵ nhau, nhỏ thì người này với người nọ, lớn thì nước đó nước kia.

Thế thì ta đem cái sở học mà dạy đời. Cái lời đó không phải ở đáy lòng tha thiết thốt ra, không phải con người hữu cảm, hữu giác mà chính lời nói phát ra ở cái loa bằng người, cũng như cái loa bằng kẽm.

Cái loa với tiếng nói không liên quan, cần thiết thì lời nói không phải phát ra bởi lòng.

Lòng dữ lời lành, lời hay ho lòng hư nát. Lời nói đó chứa bên trong một sự nghịch chống thì có đưa ra cho nhân sinh, gieo vào đầu óc người là gieo sự mâu thuẫn vậy.

Nên chi, người truyền Đạo cần được có cái lòng chân tu, cái lòng giác ngộ; lòng biết chuộng lẽ phải, mền đồng bào.

Vì công nghĩa, sợ quyền pháp sứ mạng thì mới làm được tác dụng, nói được tác động, mọi người hưởng ứng, mọi người hướng về.

Một người giáo sĩ được vậy, mười người giáo sĩ được vậy, trăm ngàn người được vậy, thế giới đâu còn tội ác, loài người đâu còn khổ đau.

Nên người giáo sĩ cần nhất là phải có một trình độ tu tiên, có phần giác ngộ về công nghĩa chân lý, có tình Bồ Tát, có hạnh Thánh hiền, xây nền đạo hạnh cho thân, mà tha thiết tu kỹ sửa lòng làm cốt chuẩn.

Đừng nên dùng giáo sĩ nói giỏi, nói suông, nói nhiều mà hành động trái ngược.

Vậy Lão khuyên chư giáo sinh nếu giác ngộ trở về đạo đức cần thấy mình phải tu; lấy sự tu làm nòng cốt, trung kiên; lấy sự sửa mình làm hạnh phúc, ghét điều lỗi, sợ điều ảo, biết xấu hổ những sự phạm pháp. Được vậy, có lòng hồi hướng, có đầy đức tin, có nguyện giải thoát, có tâm từ thiện xã hội, có ý hành công âm chất.

Thì người giáo sĩ nhờ công phu nội tâm mà ân điển tràn đầy, lương tri lương năng mở ra; còn làm còn hay, càng tu càng sướng.

Người giáo sĩ biết giác ngộ ôi!

Người giáo sĩ lo cho mình có một điều lỗi nhỏ mà sợ lây lấm đến quần chúng. Lo cho mình một cử chỉ, một lời nói, một hành động, một việc làm ngoài khuôn viên đạo pháp để gây tệ cho đời, không hóa hay mà hóa dở.

Nên người giáo sĩ cần tu, cần học. Học để tu, tu để học. Học cho nhiều, tu cho kỹ, suy nghĩ cho cùng, cực phải trả mà lãnh lấy sứ mạng độ đời.

Vậy chỉ có lòng yêu chuộng sự tu học là có lòng vì Đạo, vì nước cứu dân.

Đạo đương đứng giữa hoàn cảnh bên này xô, bên kia đẩy. Phật giáo, Công giáo, cả một thế lực to lớn chiếm về địa vị, chiếm về nhân tâm.⁽¹⁾

Người được vậy mà còn lo đêm lo ngày đào tạo giáo sĩ, mở mang xây dựng tu sĩ. Họ tranh từ bước từ giờ, thì Giáo hội ta không lo đào tạo sao được ngang hàng, sao phần đứng vững.

Nên sự đào tạo giáo sĩ là một việc cần. Mà cần nhất là có những người giác ngộ thiết tha vì dân, vì đời, vì Đạo.

Năm tới đây là một năm quyết liệt tranh thủ với thời gian xây dựng một cơ sở quyền pháp, một vị trí đạo đức, một nền tảng Phước thiện, một hàng ngũ giáo đồ, một thành phần giáo phẩm cho được khả dĩ đảm nhiệm sứ mạng, hoàn thành công cuộc Giáo pháp KHAI CỐ TẬN ĐỘ.

Nên mong rằng lòng giác ngộ ở chư hiền đệ, với một sự kêu gọi của Lão, nên thiết tha tận lực cùng Hội Thánh lo bao nhiêu việc đã dạy.

Làm sao cũng cần mỗi tháng gặp nhau để học hỏi xây dựng, gặp nhau để bảo trình công tác sự việc, gặp nhau để đặt các kế hoạch phương sở hoạt động, gặp nhau để xác nhận lại vấn đề và lãnh phần trách nhiệm đã ủy thác.

Lão chào chư đệ./

⁽¹⁾ Dạ mộng nhật tư: đêm ngày tư tưởng, nghĩ suy

⁽²⁾ Đàn cơ này vào tháng 12 năm 1959



Tại sao tôi chọn **Tôn giáo Cao Đài** để khép mình tu học?

DuNguyen

Trước đây hàng trăm năm, con người do không thể đến với nhau, không có thể nhìn thấy, học hiểu lẫn nhau một cách dễ dàng như ngày nay. Do đó người ta ở địa phương nào thì chỉ biết địa phương đó thôi. Tôn giáo ra đời cũng vì thế mà mang tính địa phương, rồi nhờ “khế lý, khế cơ” tôn giáo đem lại điều lợi ích cho loài người rồi truyền bá dần dần rộng ra trên toàn thế giới.

Ngày nay do điều kiện giao lưu dễ dàng, thậm chí qua mạng internet con người có thể “ngồi” nói chuyện với nhau không khác gì cùng ngồi với nhau một chỗ nên việc tu học cũng nhờ đó phổ biến rộng ra. Từ đó các tôn giáo có thể học hiểu giáo lý lẫn nhau, áp dụng điều hay lẽ phải lẫn nhau mà không có gì trở ngại.

Tôn giáo là trường học Đạo, trước hết là học cái **đạo đức làm người** và cao hơn nữa là học cái **Thiên chức làm người**, mà con vật thì không thể. Chỉ có con người mới hiểu được cái đạo đức để hành động theo cái đạo đức đã thấm nhuần, mà không sống bó hẹp theo bản năng như con vật, nên mới có chuyện trì hành tam công, thực hiện ngũ giới cấm, mười điều răn và các giới qui luật lệ tùy theo mỗi tôn giáo, cốt để hoàn thiện hóa con người, tiến lên làm người hoàn hảo, để trở thành người trọn lành, mà người đời tôn vinh là hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật!

Cũng vì lẽ ấy, ngày nay ở các nước tiến bộ có người một mình tham gia từ hai đến ba tôn giáo để tu học, nhưng vì giáo qui luật lệ của mỗi

tôn giáo ràng buộc, khó có thể một người hành tròn một lúc cho nhiều tôn giáo, nên thường chỉ một người tham gia vào một tôn giáo, nhưng thực tế cuộc sống mỗi người lại dung hòa, liên quan đến giáo lý của nhiều tôn giáo.

Tôn giáo Cao Đài đã đáp ứng được cái thực tế đó, vì giáo lý Cao Đài có tính khai phóng và tổng hòa các tôn giáo đã có trên hành tinh này, tiêu biểu nhất là ba nền tôn giáo “lớn”: **Phật, Tiên, Thánh** (Thích, Lão, Nho), mà “Đấng” đứng đầu được loài người mệnh danh là Đấng TẠO HÓA, hay còn gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đấng Chúa Cha, Là Thánh Allah (Allah is the ultimate and unique reality. He is the One God. The Eternal, the uncaused Cause of all being - Koran: 112),... là..., là..., tùy theo danh xưng của mỗi dân tộc .

Vì lẽ đó, DuNguyen tôi chọn tôn giáo Cao Đài để có điều kiện vươn ra ngoài tôn giáo mà mình đang tham gia tu học, để học hỏi và áp dụng những tinh ba của các tôn giáo khác, cho dù ở các tôn giáo đã hiện hữu hay còn ẩn tàng, bởi tôn giáo là con đường dẫn dắt chúng sanh đến điểm chung là ĐẠI ĐẠO (Đạo Lớn)!

Vạn giáo đồng nhất lý, tôn giáo vốn đồng tông. Người có tâm tìm cầu học ĐẠO không bỏ mình vào cái “vỏ ốc” tôn giáo của mình, mà để tâm hồn khai phóng ra xa mà tầm cầu chơn lý, hầu tu cho được cái thân tâm, hóa giải điều chưa biết, sửa mình sao cho ngày một trọn lành và hết lòng phụng sự tha nhân và xã hội, lấy đó làm mục tiêu lý tưởng cho hoài bão của mình; mong sao đời sống thế gian ngày càng thêm tốt tươi mạnh lành để nhân loại và muôn loài cùng chung hưởng mà không cầu mong gì khác, cho dù có đức Phật, đức Tiên,... cũng chỉ vì nhân loại, tha nhân. Cho cuộc sống thế trần được mạnh lành tốt tươi sánh cùng Thiên giới!

Nếu chúng ta vào tôn giáo Cao Đài mà chúng ta cho là đủ để vươn cao, vươn xa, vươn rộng ra thì cũng đúng; nhưng nếu cho là chỉ có tôn giáo Cao Đài mới đem lại lợi lạc quần sanh, thì chớ!!!

Tôn giáo Cao Đài với sứ mệnh TRUNG VẠN PHÁP, HUNG VẠN GIÁO, THÂN VẠN LOẠI, HÒA VẠN CHỦNG, SIÊU VẠN LINH; thế thì tôn giáo Cao Đài không hề muốn tôn giáo mình là “thống soái”. Bởi “hung vạn giáo” (là làm cho các tôn giáo cùng hưng thịnh) thì làm sao có cái chuyện muốn cho tôn giáo riêng mình?!!!

Cái câu: “*qui nguyên tam giáo*” là giúp cho các tôn giáo quay về cái gốc của mình, mà trước đây các Giáo Tổ đã dày công gầy dựng, để không làm lạc xa chánh pháp!

Ta có thể thôi sinh hoạt tôn giáo của mình nếu tôn giáo ta đang theo đuổi đi lạc xa chánh pháp, chứ ta tuyệt nhiên không bỏ ĐẠO; vì ĐẠO là điểm đến. Cũng như ta bỏ ngôi trường ta đang học, chứ ta quyết không bỏ học để phải không có kiến thức phụng thờ.

Người không có ĐẠO nơi thân dễ sa vào tội lỗi vì mê mờ, người có ĐẠO nơi thân luôn luôn sáng suốt vì làm gì cũng sợ sai đạo lý. Bởi trọng đạo lý nên người xưa cho dù không tham gia vào một tôn giáo nào nhưng họ sống có đạo lý, nên không khác gì người có tôn giáo và họ cũng đức Phật, đức Tiên, đức Thánh. Còn ngày nay, người có tôn giáo cũng chưa hẳn đã là người có ĐẠO, nếu không vượt lên, thoát ra cái “vỏ ốc” tôn giáo của mình!

Đạo Cao Đài có câu:

“Cao Đài không phải là Cao Đài mới là Cao Đài!”

Hoặc câu:

“Cao Đài là cái đài cao,

Vượt trên tất cả đón rào, ngăn che.”

Quả là câu Thánh giáo tuyệt vời trên cả cái tuyệt vời!

Vì lẽ đó tôi quyết định về với tôn giáo Cao Đài mà tôi không làm mất đi cái hạnh “*học trò*” của tôi đối với các tôn giáo khác.

Nguyện đem lòng thành kính này dâng lên các Tôn giáo và mong được học hỏi ở các tôn giáo để xứng đáng là môn đệ ĐỨC CAO ĐÀI, vì Đức Cao Đài đã dạy rằng:

*“Phật, Trời - Trời, Phật cũng là TA,
Nhánh nhóc chia ba cũng một GIÀ;
Thích, Đạo, Gia Tô TAY chưởng quản,
Thương dân xuống thế độ LẦN BA!”*

*Tỵ thời ngày mừng năm, tháng giêng,
năm Kỷ Hợi (2019)*



Ý NGHĨA HAI CHỮ *Cao Đài*

Hồng Phúc

Hai chữ Cao Đài bắt đầu hòa vào dòng ngôn ngữ Việt từ khi Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng trần qua huyền cơ diệu bút sử dụng như một tên tạm mượn (tá danh): “Cao Đài Tiên Ông” để mở ra con đường cứu độ toàn nhân loại trong buổi Hạ ngươn với tên gọi đầy đủ là “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” dưới hình thức một tôn giáo cũng dùng tên tạm mượn của vị Giáo Chủ khai sáng làm tên gọi: “Tôn giáo Cao Đài”.

Thật vậy, trước khi đạo Cao Đài được khai sinh, hai chữ Cao Đài không hề hiện hữu bất cứ ý nghĩa nào khác trong tiếng Việt. Cho đến tận ngày nay, hai chữ Cao Đài nếu có trong tự điển tiếng Việt cũng chỉ là tên gọi của một mối đạo xuất phát từ đất nước Việt Nam cùng với danh xưng của Đức Thượng Đế trong cơ cứu thế lần thứ ba “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” thể hiện tôn chỉ “Tam Giáo quy nguyên - Ngũ chi phục Nhứt nhắm đến tinh thần trùng



hưng Tam Giáo Đạo hầu cứu rỗi toàn linh như lời Thánh giáo:

“Thầy khai Đạo [trong] kỳ Hạ nguơn này là đúng theo vận số tam nguơn, sẽ trở về thượng nguơn phản cổ; thế nên, Thầy tá danh Cao Đài Tiên Ông, khai Tam Kỳ Đại Đạo, cốt là để trùng hưng Tam Giáo cho lý đạo được siêu mẫu mới có thể độ toàn linh sanh chúng.”⁽¹⁾

Dựa vào Thánh ý này, danh xưng “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” đã được giải thích⁽²⁾ như sau:

- “*Cao Đài*” - một khái niệm có nguồn gốc sâu xa từ Thánh Đạo - là một phạm trù rộng lớn, bao hàm toàn thể vũ trụ, vạn vật, con người, và bao gồm mọi mức độ xã hội nhân sinh, trong đó có các tôn giáo.

- “*Tiên Ông*” - một hình tượng có nguồn gốc từ Tiên Đạo - được dùng để biểu trưng cho một đạo quả cao trọng mà mỗi con người đều có thể đạt được bằng những nỗ lực tu học của chính bản thân mình.

- “*Cao Đài Tiên Ông*” có nghĩa là Ông Tiên của toàn thể vũ

trụ, của tất cả mọi người, của tất cả mọi tôn giáo. Ông Tiên đó vốn sẵn tiềm ẩn trong mỗi người.

- “*Đại Bồ Tát*” - một danh từ có nguồn gốc từ Phật Đạo - có nghĩa là người dấn thân vào cõi thế để cứu độ toàn thể chúng sinh, không chỉ riêng cho nhân loại, mà tất cả sinh linh trong vũ trụ.

- “*Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát*” có nghĩa là người tự cứu độ lấy mình bằng cách tự nỗ lực để làm thức tỉnh Phật Tính nội tại của chính mình, tự tu tiến để kiến tạo Thánh Thể trong chính bản thân mình, và sau đó, mang kết quả tu chứng của mình ra để cứu độ vạn linh.

- “*Ma Ha Tát*” - là một tính từ có nguồn gốc Phật Đạo - có nghĩa tâm đại từ đại bi.

- “*Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*” có nghĩa là Đấng tự hữu và hằng hữu khắp không gian và thời gian, cả bên trong lẫn bên ngoài vũ trụ vạn vật; Đấng ấy là Đấng cứu độ muôn đời của vạn linh.

Ra đời vào một thời điểm đặc biệt của chu kỳ vận hành của vũ trụ, đạo Cao Đài không phải để

⁽¹⁾ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Huân Cung Đàn, 15-10 Quý Mão (30-11-1963).

⁽²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, Nxb Tôn Giáo, 2008.

thêm vào các tôn giáo đã có, và cho dù là một tôn giáo được thiết lập từ sự huyền diệu vô vi qua cơ bút với những lời dạy từ cõi vô hình, nhưng giáo lý của Đạo không mang tính thần quyền, huyền hoặc, để người tín đồ thụ động ngồi chờ tha lực từ cõi hư vô, mà ngược lại luôn đặt trên nền tảng lý luận khoa học, triết học, luôn khế hợp với thời đại, để dẫn dắt con người tự chủ tìm ra những giải pháp hầu giải quyết những vấn đề mà thế giới loài người đang gặp bế tắc không chỉ trong đời sống tâm linh mà cả ở đời sống nhân sinh. Điều đó có nghĩa là người tín đồ Cao Đài phải là những người đạt tầm vóc trí huệ trên cả hai phương diện: giáo lý để thực hiện sứ mạng về mặt nhân sinh và đạo pháp để thực hiện sứ mạng về mặt tâm linh.

Như vậy, nếu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là đại cuộc cứu độ của của Đấng Toàn tri Toàn năng với trí tuệ cùng quyền năng cao tột không chỉ dẫn đưa con người thoát khỏi cơ tận diệt của thời mạt pháp, đồng thời giúp các Tiểu Linh quang thoát khỏi chốn sanh tử luân hồi, trở lại bến khởi nguyên; thì hai chữ Cao

Đài được Đức Thượng Đế sử dụng vừa làm tên gọi của một tôn giáo để hình thành nên một thực thể đạo cứu thế trong buổi cuối cùng của chu kỳ vũ trụ, lại vừa làm danh xưng của Ngài khi lâm trần mở Đạo, thì chắc chắn không thể chỉ có ý nghĩa đơn giản theo nghĩa đen của bài Thánh thi tứ tuyệt của Đức Chí Tôn giảng dạy trong một đàn cơ tại Cần Thơ vào năm 1972:

*Linh Tiêu nhất tháp thị Cao-Đài,
Đại Hội quần Tiên thử ngọc giai,
Vạn trượng hào quang từng
thử xuất;*

*Cổ nhân bửu cảnh lạc
Thiên-Thai.⁽³⁾*

Ngược lại, nhằm để có thể thực hiện công cuộc cứu độ toàn nhân loại trước khi kết thúc giai đoạn Hạ nguon, tái tạo cõi dinh hoàn, bắt đầu một chu kỳ mới của toàn vũ trụ, hai chữ Cao Đài phải dung chứa những ý nghĩa huyền nhiệm như là khẩu quyết có giá trị của một chiếc chìa khóa vạn năng có thể giúp cho con người mở ra cánh cửa huyền vi của Tạo Hóa, để con người bước vào lần phăng tìm ra yếu quyết tu hành, luyện đạo, đạt tâm tiến hóa siêu xuất thế gian.

⁽³⁾ *Lược giải: Nơi Điện Linh Tiêu trên thiên đình có một ngôi tháp gọi là Cao Đài. Quần Tiên thường nhóm đại hội ở trước bệ ngọc đỏ, hào quang muôn trượng do đó mà chiếu ra. Tên xưa của cảnh là “Lạc Thiên Thai”. (Cao Đài Giáo Sơ Giải của cụ Huệ Lương, tr.31).*

I. “CAO ĐÀI” LÀ CÁI ĐÀI CAO

*** Theo nghĩa từ nguyên:**

- Cao: là trái với thấp; không thể với tới được; khác thói tục-bậc thường

- Đài: kiến trúc cao, nhiều tầng, có thể nhìn ra 4 phía chiếm vị trí cao để người dễ nhận biết.

- Cao Đài: chỉ là cái đài cao.

Theo định nghĩa này, trong lĩnh vực tôn giáo, có một sự trùng hợp ngẫu nhiên, trong khắp các tín ngưỡng thuộc mọi nền văn minh Đông Tây kim cổ, đã xuất hiện nguyên lý của “chiếc đài cao” được biểu tượng hóa trong kiến trúc của mọi tôn giáo. Các kim tự tháp của các tôn giáo cổ đại tại Ai Cập và Pérou, những ngọn tháp nhiều tầng của các đền thờ Hindu, những ngọn tháp của các chùa Phật giáo, những tháp chuông của các nhà thờ Thiên Chúa giáo, những ngọn tháp của các đền thờ Hồi giáo,... đều là những cách thức biểu hiện khác nhau của cùng một chiếc đài cao hàm chứa khát vọng hướng thượng của nhân loại. ...Những chiếc đài cao ấy được mỗi tôn giáo dùng để biểu thị cho tầm kích to lớn và giá trị cao cả của công cuộc

cứu thế mà tôn giáo ấy hoằng hóa nơi thế gian.⁽⁴⁾

*** Theo Thánh giáo Cao Đài:**

Hai chữ Cao Đài cũng có ý nghĩa thông thường, đơn giản là chiếc đài cao, nhưng đặc biệt, đó là:

1/ Chiếc đài cao vượt trên mọi phân biệt, ngã chấp: Thể hiện qua sự giải thích của Đức Quảng Đức Chơn Tiên:

*“Cao Đài là cái đài cao,
Vượt lên tất cả đón rào ngăn che.
Thấy tỏ rõ mà nghe thấu suốt,
Có gì đâu hạn cuộc được ta;
Ngoài trời, Thượng Đế bao la,
Trong lòng vạn tượng cũng là
Chí Tôn.”⁽⁵⁾*

Cái đài cao, cao đến độ “*Vượt lên tất cả đón rào ngăn che*”, đó là độ cao không tính được bằng thước đo, là một chiếc đài cao có vô số tầng. Càng bước lên những tầng cao hơn, tầm nhìn của con người càng được rộng mở, nhận thức của con người càng được giải thoát ra khỏi những giới hạn chật hẹp của định kiến, phàm tâm, tư ngã, để nhìn thấy chân lý của vũ trụ, vạn vật, cũng như chứng nghiệm được chân lý trong chính

⁽⁴⁾ *Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, Nxb Tôn Giáo, 2008.*

⁽⁵⁾ *Đức Quảng Đức Chơn Tiên; Minh Lý Thánh Hội, 07-6 Tân Dậu (08-7-1981).*

bản thân mình. Đó là cái đài cao vượt lên tất cả sự ngăn cách, phân biệt mà con người đã tạo ra từ sự ngã chấp, thiên kiến, quyền lợi, vô minh... là những nguyên nhân làm cho con người quay lưng với nhau, mà không nhận ra rằng tất cả con người đều có cùng chung một cội nguồn Thượng Đế, có cùng giá trị nhân bản tạo nên từ tình thương vô biên trong đức háo sanh của Tạo Hóa, mặc dù có sự khác biệt về hoàn cảnh địa lý, sắc tóc màu da, trình độ tiến hóa, sự tín ngưỡng...

“Tuy những dân tộc loài người trên quả đất được phân biệt an định ở mỗi khuôn khổ vị trí và hoàn cảnh xã hội xa nhau, khác nhau, song sự xa cách, sự khác biệt ấy không phải là vấn đề cho con người quên mất nguồn gốc mình vốn một, quên mất bản chất mình là nhân từ như Thượng Đế che chở lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau giữa người và người, đồng thời sẵn sàng gìn giữ sự yên ổn cho bao loài hạ tiện khác đang sống dưới tầm mắt trí khôn của nhân loại.”⁽⁶⁾

2/ Chiếc đài cao tình thương:
Với hai chữ Cao Đài có nghĩa đài cao, Đức Thượng Đế muốn nhắn

nhủ, con người hãy bước lên đỉnh cao vượt khỏi những nấc thang phân biệt, chấp ngã,... để: *“Thấy tỏ rõ mà nghe thấu suốt”*. Bởi vì đây là chiếc đài cao của tình thương được xây dựng từ đức háo sanh của Tạo Hóa, đã được *Đức Chí Tôn xác nhận:*

“Thầy là Cha của sự thương yêu. Bởi sự thương yêu mới tạo thành thế giới và sanh sản các con, vậy các con sản xuất nơi sự thương yêu, là cơ thể của sự thương yêu đó.”

“Sự thương yêu là giếng bảo sanh của càn khôn thế giới. Có thương yêu, nhơn loại mới hòa bình, càn khôn mới an tịnh. Đặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, mới giữ bền cơ sanh hóa ...”⁽⁷⁾

“Hỡi các con! Trong tình Tạo Hóa, đức hiếu sinh, Thầy nhìn vạn vật với một sự thương yêu chan rười. Mặc dầu cảnh trần gian có biến đổi muôn hình vạn trạng, có sanh nhiều tội nghiệp đa đoan, có tạo nhiều phong ba bão tố, nhưng lòng Trời vẫn che, Đất vẫn chở.”⁽⁸⁾

3/ Chiếc đài cao trí huệ - minh triết: Con người chỉ có thể đạt đến

⁽⁶⁾ Trúc Lâm Thiền Điện, 17-7 Tân Hợi (06-9-1971).

⁽⁷⁾ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, đàn ngày 12-12 Kỷ Tỵ (11-01-1930).

⁽⁸⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-01 Nhâm Tý (29-02-1972).

trạng thái: “Thấy tỏ rõ mà nghe thấu suốt” khi có được Trí huệ hay Minh triết; nhưng muốn được như vậy, con người phải phục hồi cho chính mình tất cả những giá trị cao quý của một chủ thể tự do, không còn bị ràng buộc bởi dục vọng, không còn bị chi phối bởi vật chất và cũng không bị lệ thuộc thần quyền để tìm thấy hướng đi đúng với thiên lý nhưng không tách rời thế gian, để hòa nhập khoa học trở về cùng Đạo học, dẫn đưa nhân loại về đến bến bờ nhân bản-an lạc và tiến bộ, thành tựu một xã hội đại đồng thánh đức, trong đó con người tỏa sáng bởi đức Nhân, trí tuệ minh linh, thông thiên đạt địa, lại tràn đầy dũng khí uy nghiêm của đức trung chánh.

Đây chính là ý nghĩa hai chữ Cao Đài nhằm hình tượng hóa một chiếc đài cao của Trí huệ - Minh triết, nơi đó con người là sinh vật duy nhất được ngang hàng cùng Trời Đất trong thế Tam tài đồng đẳng, là chúa tể cai quản muôn loài, được thay Đấng Hóa Công thực hiện tiếp tục công cuộc hóa sanh và trường dưỡng nơi chốn hữu hình bằng đạo Tài thành, bớt chỗ dư, bồi chỗ thiếu, giữ gìn và tôn tạo những gì Tạo Hóa đã làm

ra, nhằm tạo dựng nơi thế gian một cuộc sống đầy đủ sự mỹ miều đẹp đẽ, với lời dạy của Đức Đông Phương Lão Tổ:

“Sứ mạng cao cả đã được đặt định cho loài thượng đẳng chúng sanh ở cõi này là sứ mạng vi nhân, được thay Trời mà quản cai muôn vật trong luật tắc hóa sanh sanh hóa và có đủ quyền năng tự giải thoát để tiến hóa.”⁽⁹⁾

Để xứng đáng với vị trí ngang bằng Trời-Đất trong thế Tam Tài, con người phải thể hiện đức Nhân bằng sự tha thứ, độ lượng để cho đức Dũng kiên cường chiến thắng lòng vị kỷ; đồng thời mạnh mẽ lập kín nguồn đam mê nhân dục, đại hùng, đại lực đoạn tuyệt với những tư tưởng thấp hèn của phàm ngã; không để âm thanh sắc tướng hình danh dẫn dắt, điềm đam trong mọi hoàn cảnh để nhìn thấu suốt chính mình, biết người biết ta, phân biệt rạch ròi phải trái, đúng sai, không chỉ dám từ bỏ quyền lợi vật chất mà còn dám hi sinh cả thân mình để hiến dâng cho nhân quần xã hội và sự nghiệp đạo đức: Đức Lý Giáo Tông dạy: “Cái dũng của bậc hướng đạo trong lý tưởng cứu thế phải là cái dũng bất khả

⁽⁹⁾ *Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-01 Quý Hợi (13-02-1983).*

thoái. Trước một nguy nan chỉ có sự hi sinh và tận dụng lòng dũng hiến của chính mình làm niềm yêu kính Chí Tôn cao cả nhất.”⁽¹⁰⁾

Có được Nhân Trí Dũng, tức là con người đã xây dựng được cho chính mình một cái đài cao Tinh thương, Minh triết, bền bỉ dũng cảm đương đầu với mọi nghịch cảnh, vượt qua tất cả mọi đón rào ngăn che để vươn tới Niết bàn như lời dạy của Đức Vô Cực Từ Tôn: “*Muốn tịch diệt đủ đầy Nhân-Trí-Dũng*”.

4/ Chiếc đài cao tiến hóa: Khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế Cao Đài không những chỉ ra con đường tiến hóa của con người, mà còn ban trao hành trang cho bất cứ ai muốn dẫn thân vào cuộc hành trình tiến hóa cùng với trời đất để hoàn thành công cuộc tiến hóa vĩ đại bắt đầu từ vụ nổ Big Bang khoảng 13 đến 15 tỷ năm về trước.

Con người là sinh vật tối linh trong vạn vật, được đứng vào hàng tam tài Thiên-Địa-Nhân, cho dù là hóa nhân tiến hóa từ thảo mộc, thú cầm hay nguyên nhân thọ

nhận sứ mạng từ cõi thượng thiên thì đều có chung trách nhiệm là hoàn thành công cuộc tiến hóa đang ở vào giai đoạn quy nguyên phản bản.

Đức Lý Giáo Tông dạy: “*Các Tiểu linh quang từ Đại Linh Quang phân thân xuống trần tùy theo nhiệm vụ và sứ mạng đã định của mỗi đơn vị, đến cõi dinh hoàn này để làm công việc tiến hóa trong đức hạo sanh ấy.*”

Trên chặng đường tiến hóa cuối cùng nơi cõi hữu hình này, con người đã trở nên một chủ thể tự do. Đây cũng là giai đoạn mà Tiểu linh quang bắt đầu có thể vươn lên để phát huy trọn vẹn tính chất “Trời” tự hữu. Cao Đài chính là chiếc đài cao của sự tiến hóa, để con người tự chủ bước lên nấc thang siêu xuất thế gian, hoàn thành sứ mạng thiêng liêng “*Một ra đi, một trở lại Thầy*”⁽¹¹⁾.

II. CAO ĐÀI LÀ NGUYÊN LÝ CỦA VŨ TRỤ - LÝ ÂM DƯƠNG - ĐẠO - THÁI CỰC

Đức Thượng Đế dùng thuật ngữ Cao Đài, về mặt hữu hình, gọi lên hình ảnh một cái đài cao với chiều cao thẳng tắp đến vô

⁽¹⁰⁾ *Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-02 Ất Mão (26-3-1975).*

⁽¹¹⁾ “*Một sứ mạng Thầy dành hai ngõ/Một ra đi một trở lại Thầy.*” (Đức Chí Tôn, *Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-12 Quý Sửu, 22-01-1974*).

hạn - không có gì cao hơn Trời - biểu trưng cho “**Trời cao**” và với chiều sâu gắn liền ăn sâu vào lòng đất để tạo nên sự vững chãi để có thể bền vững với thời gian - biểu trưng cho “**Đất dày**” tức là nói lên lý Đạo thâm sâu thể hiện qua lời dạy của Đức Thánh Trần Hưng Đạo về hai chữ “Cao Đài”:

*“Cao thị Thiên cao chường
vạn loài,*

*Đài vi Địa hậu dưỡng
vô nhai.”⁽¹²⁾*

Có nghĩa: **Cao** là Trời cao sáng tạo nên tất cả muôn loài vạn vật; **Đài** là Đất sâu dày nuôi dưỡng tất cả, không giới hạn một vật nào, không bỏ sót một vật nào.

- **Cao** = Thiên cao = Trời cao tức ngôi Kiền = biểu thị nguyên lý Dương, biểu diễn bởi trục thẳng đứng, tượng trưng cho Trụ.

- **Đài** = Địa hậu = Đất dày tức ngôi Khôn = biểu thị nguyên lý Âm: biểu diễn bởi trục hoành nằm ngang, tượng trưng cho Vũ, theo Đạo Học Chỉ Nam:

“Vũ trụ là hình thể của Trời Đất, được xây dựng bởi một Âm, một Dương”⁽¹³⁾ “Âm là

vũ, Dương là trụ. Vũ thì đóng khép nằm trong găm Trời, Trụ thì mở rộng. Trụ là thời gian là Âm Dương nối tiếp nhau. Vũ là không gian, là Âm Dương đồng thời tương đối.”⁽¹⁴⁾

Từ lời dạy của Đức Thánh Trần, có thể xác định: Cao là Dương, là Trụ; Đài là Âm, là Vũ, Cao Đài là hình thể của Trời Đất, cũng chính là nguyên lý của vũ trụ: Âm-Dương. Âm dương là then chốt của Trời Đất, đầu mối của muôn sự muôn vật. Hai lẽ ấy tuy tương phản mà tương thành, tương đối mà thống nhất khắp vũ trụ, không nơi nào thiếu một. Nhưng Âm - Dương không phải là hai thực thể tự tại, độc lập, riêng rẽ, mà chỉ là hai chiều, hai mặt, hai phương diện của một Bản Thể tuyệt đối là Thái Cực.

- Thái Cực là Đạo, là Lý thuộc hình nhi thượng, cội Nhất nguyên tuyệt đối.

- Âm Dương là Khí thuộc hình nhi hạ, thuộc thế giới Nhị nguyên tương đối.

Thái Cực là lý Duy nhất, là Bản thể của vũ trụ, còn Âm Dương là động cơ sinh ra mọi biến thiên,

⁽¹²⁾ Đức Trần Hưng Đạo; *Bác Nhã Thiên Đường*, 29-01 Đinh Tỵ.

⁽¹³⁾ *Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam, Chương 1, Tiết 4, Mục 1.*

⁽¹⁴⁾ *Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam, Chương 1, Tiết 4, Mục 2.*

chuyển động. Từ Thái Cực bước sang lĩnh vực Âm Dương tức là từ lĩnh vực vô vi, tuyệt đối bước sang lĩnh vực hữu vi, hữu tướng, biến thiên, biến hóa. Âm Dương hay Khí, biến hóa sinh diệt vô thường, nhưng vì sự biến hóa sinh diệt ấy vận hành theo quy luật bất biến từ vô thi đến vô chung là Vô cực, luôn căn cốt vào Thái Cực nên cũng vô cùng tận như Thái Cực. Bởi vì: Hễ có Lý thời có Khí, nghĩa là Bản thể Tuyệt đối luôn có sự hiển dương, sống động. Âm-Dương, Hình-Khí tuy có sinh diệt, nhưng hễ hiện tượng này diệt thì hiện tượng kia lại sinh, như vậy vũ trụ sẽ sinh hóa vô cùng tận như Thái Cực, nghĩa là bao lâu còn có Bản thể, bấy lâu còn có sinh hóa.

- Suy ra, nếu Cao Đài là hình thể của vũ trụ, là nguyên lý Âm Dương, thì Cao Đài cũng là Đạo, là Thái Cực, Lý vĩnh cửu, vô biên.

Đạo nguyên lý cũng là Thái Cực

Ngôi Trung Tâm duy nhất

Kiên Khôn

Thường hằng tự hữu Chí Tôn

*Cầm quyền Tạo hóa ngự hồn
vạn linh.⁽¹⁵⁾*

Trong ý nghĩa đó: “Cao Đài là Tâm của vũ trụ.”⁽¹⁶⁾

Hay rõ hơn, Cao Đài cũng chính là:

“Một vật hồn nhất trong Hư Vô đương vươn lên hiện thể. Đó là Thái Cực mà các tôn giáo gọi chung là Trời, hay Thượng Đế, hay Thái Cực, là nguồn sống tự do chân thật tồn tại. Tự thể đó nối liền với tự nhiên và đương nhiên, vô và hữu, là ngôi Đại Trung, chuyển thân ứng hóa trong mỗi vật, mỗi hình, đâu đâu, ở đâu và lúc nào cũng hiện diện.”⁽¹⁷⁾

III. CAO ĐÀI NƠI CON NGƯỜI

1. Là Tiểu Linh quang tức

Cao Đài nội tại: Cơ nguyên sanh hóa vũ trụ vạn vật diễn ra theo nguyên lý Thái Cực - Âm Dương song song với nguyên lý Thiên địa vạn vật nhất thể. Nghĩa là trong trời đất, bất cứ nơi vật nào từ nhỏ cực nhỏ đến lớn cực lớn đều có Bản Thể Hư Vô Chi Khí tức động năng Thái Cực thúc đẩy hóa sanh trong mỗi vật đó tức là sự hiện hữu của Tiểu

⁽¹⁵⁾ *Sđd.*

⁽¹⁶⁾ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, *Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo*, 29-8 Quý Hợi (05-10-1983).

⁽¹⁷⁾ *Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam.*

Linh Quang, được Thánh giáo Cao Đài mô tả:

“Điểm Linh Quang là gì? Là cái yếng sáng mà thôi. Thái Cực là một khối Đại Linh Quang, chia ra, ban cho mỗi người một điểm Tiểu Linh Quang.”⁽¹⁸⁾

Ngôi Nhứt Nguyên Chủ Tế là Thái Cực, là Đạo, thì các Tiểu Linh Quang cũng là Đạo, do cùng bản thể với Đại Linh Quang:

“Đạo là ngôi Nhứt Nguyên Chủ Tế,

Đạo cũng là đồng thể vạn linh.”⁽¹⁹⁾

Đức Thượng Đế xác nhận:

“Con là một Thiêng Liêng tại thế,

Cùng với Thầy đồng thể Linh Quang.”⁽²⁰⁾

Vậy, khi đã xác định: Cao Đài là Âm - Dương, là Đạo, là ngôi Thái Cực Đại Linh Quang, thì nơi con người, điểm Tiểu Linh Quang cũng được gọi là **“Cao Đài nội tại”** tức đồng nghĩa với **“Thượng Đế nội tại”**. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

Thử hỏi Cao Đài ở chốn nao?

Người tu trở lại, trở về đâu?

Phải chăng tìm đến

Cao Đài thượng,

Đài thượng vô vi tại đỉnh đầu.”⁽²¹⁾

Theo đạo Lão, trên đầu có nê hoàn cung, là nơi ngự của Thượng Đế nội tại.

Đại Thừa Chơn Giáo nơi trang 61, viết: *“Chữ Cao Đài là gì? Là côn lân đỉnh, hay là nê hoàn cung, thuộc về Thượng giới... Thiên môn là cái gì? Là cái khiêu nê hoàn cung đó.”*

Như vậy, Thượng Đế xưa - Cao Đài nay không bao giờ rời xa con người, vì Thượng Đế hay Cao Đài chính là chỗ cao quý nhất trong mỗi chúng sinh, chỗ đó chính là Thánh Thể, là Phật tính, là Thượng Đế tính, vốn là một bản thể tiềm ẩn bên trong mỗi người, mỗi vật trong vũ trụ.

“Tâm người là một Cao Đài,

Là tiểu Thiên Địa, Tam Tài

chí linh.”⁽²²⁾

2. Thần - Khí: Ngôi Hoàng Cực chủ nhân ông:

Đạo Trời là Âm Dương, đạo

⁽¹⁸⁾ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 03-8 Bính Tý (1936), thiên 32 “Luận về Đại Đạo tâm truyền”.

⁽¹⁹⁾ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Giáo Sưu Tập 1966-1967, Nxb Tôn Giáo, 2010, tr.66.

⁽²⁰⁾ Sđđ, tr.68.

⁽²¹⁾ Bắc Nhã Tịnh Đường, 18-3 Nhâm Tý (01-5-1972).

⁽²²⁾ Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 03-9 Giáp Dần (17-10-1974).

người là Tánh Mạng. Âm Dương tức là Kiền Khôn, Tánh Mạng tức là Thần Khí, còn được gọi là Cao Đài kể từ khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được khai sinh.

Tánh là Thần, cái gì hết sức khinh thanh, nên dĩ nhiên phải ở nơi cao nhất trong người. Chính vì thế mà đạo Lão cho rằng, Tánh căn ở đỉnh đầu, ở Nê hoàn cung, ở Càn đỉnh (Cao).

Mạng thuộc về phần hình hài nên dĩ nhiên là phải ở chỗ chứa thấp trong người, nên đạo Lão cho rằng, Mạng ở nơi xoang bụng, phía sau rún, đó là Khôn lư (Đài).

Giữa hai cực Càn đỉnh và Khôn lư đó là phần khí lưu chuyển tuần hoàn.

Con người tu theo Thiên Đạo, luyện cho Âm Dương tức Thần Khí - Cao Đài hiệp nhứt tức chuyển từ Hậu thiên sang Tiên thiên, đưa Lạc Thơ trở lại Hà Đồ, phàm tâm diệt, Đạo tâm sanh, làm tiền đề bước lên ngôi Hoàng Cực Đại Trung.

Thánh giáo dạy *“Hoàng Cực là chủ tể của Âm Dương, bảo hợp được lưỡng thể cương nhu, điều nhiếp không còn có trong ngoài.”*

Người tu biết phản tỉnh nội cầu, khai triển được điểm Đạo tự hữu, làm chủ được thất tình lục dục, để

đạt đến ngôi vị Chủ Nhân ông của chính mình, tức là điều khiển chế ngự được phàm tâm nhờ sự quân bình hai thể Âm Dương để chứng ngộ được đến chỗ Trung Nhứt, là chỗ tổng hợp hai thể Âm Dương, Âm Dương hoàn phục một khí nguyên sơ tức là Hoàng Cực. Đó là chỗ Thánh giáo đã dạy: *“Đạo ấy được hiện, tâm ấy được suốt thông thì mới chủ được khí, mới ngự được tình, mới ngăn được dục, hầu đem chúng lại chỗ Trung Nhứt, nghĩa là quân bình hai thể Âm Dương, kết thành một khí xung hòa. Đó là bước tu đã đến tận cùng, đơn thành quả trọn.”*⁽²³⁾

Tóm lại, trong nội thân con người, nói Thần Khí hiệp một, có nghĩa Âm Dương quân bình, cũng là Cao Đài hiệp nhứt, tức hoàn phục ngôi Hoàng Cực Đại Trung. Như vậy, Cao Đài là thuật ngữ chỉ Âm Dương, Thần Khí, Hoàng Cực hay Đạo.

IV. CAO ĐÀI NƠI XÃ HỘI NHÂN SINH

Tâm Vật bình hành

Với tinh thần vừa nhập thế vừa xuất thế, để giúp nhân loại vừa tìm ra đáp án cho bài toán nhân sinh, vừa giải quyết vấn đề tâm

⁽²³⁾ Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam.

linh, Đức Thượng Đế đã vạch ra đường lối “Tâm Vật bình hành” làm nền tảng cho cơ phổ độ Kỳ Ba.

Tâm và Vật cũng chỉ là một cách nói khác của hai yếu tố Dương và Âm trong thế giới hữu hình cũng là biểu hiện của hai mặt đối đãi trong thế giới nhị nguyên. Bởi vì, Đức Thánh Trần Hưng Đạo đã dạy:

“Thái cực động sanh dương, tịnh sanh âm. Âm dương là hai mặt của Thái cực. Dương thì phát, Âm thì thu, dương thì tán, âm thì tụ. Tán ra thì thành khí, tụ lại thành hình. Mà hình tán ra lại thành khí. Tuy nói Âm Dương cũng là một mối. Lúc thì Dương, để phát xuất chuyển động mà có sanh hóa, có luân lưu. Lúc lại Âm, thu nạp mà thành hình, trở nên muôn vàn trạng thái”⁽²⁴⁾. Nên có câu: “Nhứt thể lưỡng diện”.

Ở trong chứa đựng máy hành tàng,

*Một cõi thiên đàng, một thế gian;
Vạn hữu, hữu vô tình bất đoan,
Thiên không không sắc lý
tương quan.*

*Âm dương động tác sanh
sanh trưởng,
Cơ ngẫu vận hành tạo tạo đoan;
Co duỗi màn trời, ai rõ biết?
Để cùng vũ trụ định
nhân gian.*⁽²⁵⁾

Tâm và Vật đều có ở Trời và Người.

- Với Trời, Tâm là “Thiên Địa chi tâm” được nói đến trong Kinh Dịch ở quẻ Địa Lôi Phục, là năng lực vận hành, điều khiển toàn vũ trụ; Vật là vũ trụ muôn loài kể cả tinh tú nhứt nguyệt và con người.

- Với người, Tâm là linh hồn, hay còn gọi theo đạo pháp là Tánh, là Thần, là phần vô hình không thấy được, nhưng nhờ đó mà chúng tỏ người tồn tại; Vật là thân xác, là mạng, là Khí hay hơi thở, là phần hữu hình nhìn thấy được bằng mắt hay xúc giác, nhờ đó mà cho thấy sự hiện hữu của người.

Đức Bác Nhã Thiên Sư giảng Tâm Trời và Tâm người:

*Ở Trời làm chủ âm dương
Nơi người, nhơn nghĩa
kỷ cương pháp quyền.*

Tâm Vật bình hành là một cái Không và một cái Có luôn song

⁽²⁴⁾ Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam, Chương 1, Tiết 3, Mục 1.

⁽²⁵⁾ Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam, Chương IV, Tiết 2, Mục 2.

hành bằng nhau, có nghĩa có cái này phải có cái kia. Không có cái kia, cái này không tồn tại; không có cái này, cái kia không hiện diện. Trong thế giới hậu thiên, Dương được minh thị bằng khái niệm Tâm và Âm được minh thị bằng khái niệm Vật. Nơi con người, không có thể xác, linh hồn không hiện hữu, ngược lại thể xác sẽ bất động khi hồn lìa khỏi xác và thân xác sẽ bị phân hủy trở về với cát bụi.

V. CAO ĐÀI NƠI TÔN GIÁO

1. Thực thể đạo cứu thế - Vạn giáo đồng nhất lý

“Đạo Cao Đài không phải thiết lập thêm một tôn giáo, mà là cố gắng sao các tôn giáo hiệp làm một. Chẳng những tạo cho tổ chức nơi mình một địa vị, mà làm cho tất cả các tổ chức thành một địa vị cao quý ở cõi đời này và nơi Thiên quốc, Niết Bàn.”⁽²⁶⁾

Trong ý nghĩa đó, Đức Thượng Đế đã đặt đề cho tôn giáo Cao Đài tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhất”. Quy nguyên là trở về với cái gốc ban đầu, là Đại Đạo. Phục nhất là trở về với cái Một, cũng chính là Đại Đạo. “Tam giáo quy nguyên” chính là mở ra cánh cửa để tôn giáo Cao Đài bước

vào sự hội nhập các nền tôn giáo hiện hữu trên cái Lý đồng nhất của Đại Đạo là điểm xuất phát của vạn giáo, để làm sống lại chơn truyền của các vị Giáo tổ khai sáng, đưa tôn giáo trở về vai trò khởi thi là chiếc thuyền đưa khách vượt khỏi sông mê sang bờ giác, để xã hội tôn giáo không còn những trạng huống đau lòng phân chia, kỳ thị kết mầm khổ đau mà sẽ thay bằng ánh sáng cảm thông của lòng từ bi, trí tuệ chiếu rọi tâm linh con người, cùng dẫn dắt con người tìm đến sự giải thoát tâm linh.

Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch dạy: “Danh từ Đại Đạo hay Cao Đài xuất hiện trong thời kỳ này, thời kỳ Tam-nguyên Hạ-thế, không phải riêng cho nội bộ Cao Đài mà phải toàn thể “Vạn Giáo Đồng Nhất Lý”. Đạo không phải là Tôn-giáo, mà là “Đạo Cứu Đời”, Đời là Nhơn loại, là con người. Các tôn-giáo hiện có, chỉ là các cấu tử, chớ chưa phải là Đạo, là tôn-giáo cứu thế.”

Trên tinh thần đó, hai chữ “Cao Đài” không hạn định trong phạm vi “một tôn giáo” mà hàm chứa ý nghĩa là “thực thể Đạo cứu thế” do bởi “Vạn giáo đồng nhất lý”.

⁽²⁶⁾ Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam, Chương 2, Tiết 4, Mục 1.

2. Cao Đài Đại Đạo

Từ đó, dù mang hình tướng của một tôn giáo, nhưng Cao Đài vẫn không hiện hữu như một tôn giáo, được xác định bởi lời dạy của Đức Vạn Hạnh Thiên Sư:

*“Người vẫn tưởng Cao Đài -
tôn giáo,*

*Nào hay đâu Đại Đạo
hoằng dương;*

*Gồm thâu trăm nẻo ngàn đường,
Tam nguyên chuyển thể
định phương phục hoàn.*

Mở trí tuệ soi đường thiên lý,

Định tâm hồn coi kỹ cơ Trời;

Một vòng luân chuyển ai ơi,

*Cổ kim nhứt mạch đạo Trời
hóa sanh.”⁽²⁷⁾*

Hình tướng tôn giáo của đạo Cao Đài là một sự chuẩn bị cho nhân loại về mặt nhận thức để lịch sử văn minh nhân loại có thể chuyển sang giai đoạn thánh đức hóa toàn thể giới của thời Thượng nguyên tái lập, như lời Đức Chí Tôn:

*“Thầy sắp đặt một **thực tướng Tam Giáo** cho các con hiểu rõ **vạn giáo trên thế gian đồng nhất lý**, ngộ hầu lập đời Thánh Đức sau hội Long Hoa.”⁽²⁸⁾*

Trong ý nghĩa đó, đạo Cao Đài là một tác nhân quy hiệp vạn giáo, hầu tạo một sức mạnh tinh thần thúc đẩy mọi tổ chức nhân sinh đạt được những tiến bộ mang tính chất nhân bản, sao cho mỗi tổ chức đều tự khẳng định được địa vị cao quý của mình trong một nền văn minh đại đồng. Nói một cách nôm na, Cao Đài chủ trương đưa tôn giáo lên tầm vóc Đại Đạo, tức không còn giới hạn phân biệt hình thức, để tất cả các tôn giáo đều trở về với ý nghĩa ban đầu là con thuyền xuôi về bến đỗ là Đạo, để cùng góp phần trong đại cuộc cứu độ dấn dặt toàn linh bước qua cơn nước lửa của cơ sàng sẩy thời mạt kiếp, bắt đầu tái tạo cõi dinh hoàn lập lại đời Thượng nguyên Thánh đức.

3. Cao Đài thể hiện mối liên hệ giữa Trời và Người - Thiên Nhân hiệp nhứt

Thánh giáo dạy:

*“Cao Đài - chỗ Thiên Nhơn
hiệp nhứt,*

Tá danh, hầu cứu vớt vạn linh;

Trong cơn thay xác đổi hình,

*Hạ nguyên mạt kiếp phục sanh
tánh lành.”⁽²⁹⁾*

Đại cuộc cứu độ của Đức Cao

⁽²⁷⁾ Đức Vạn Hạnh Thiên Sư, Trúc Lâm Thánh Đức Thiên Điện, 07-3 Giáp Dần (30-3-1974).

⁽²⁸⁾ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-9 Canh Tuất (29-10-1970).

⁽²⁹⁾ Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu, Ngọc Minh Đài, 01-3 Bính Ngọ (22-3-1966).

Đài với sứ mạng đồng hành hai cõi sắc không.

“Thiên Nhân hiệp nhứt”- vì sự hiệp nhất giữa Trời và Người thể hiện nguyên lý nền tảng Âm Dương bất biến trong sự hình thành hóa sanh vũ trụ. Vạn vật hiện bày trong vũ trụ dưới dạng vật chất. Như vậy, trong vũ trụ có hai phần: một hữu hình, hai vô tướng. Phần hữu hình vận động bởi lực vô hình tác động. Phần vô hình ấy chính là phần Thiên, tượng trưng cho Dương, là Tâm vũ trụ vận hành trong Quyền pháp Đạo, là tinh hạo sanh của Tạo Hóa; còn Nhân là phần hữu chất, tương ứng yếu tố Âm. Vạn vật muôn loài luôn ở trạng thái vận động là nhờ sự điều khiển vận hành của phần Dương là chủ thể của vũ trụ. Từ đó cho thấy sự sinh hóa, trưởng dưỡng của vạn hữu được đặt trên nền tảng căn bản của nguyên lý Âm-Dương tức là sự hiệp nhứt giữa hữu hình và vô hình.

Trên tinh thần đó, đạo Cao Đài được thành lập dựa trên nguyên lý Thiên Nhân hiệp nhứt, cũng là ý thức hệ Tâm vật bình hành, gồm hai yếu tố:

- Vô vi: do Đức Thượng Đế và các Đấng Phật Tiên Thánh Thần.

- Hữu hình: cơ bút qua đồng tử tức con người thiết lập nên một sự hợp tác chặt chẽ giữa 2 cõi sắc

không qua một cơ cấu tôn giáo, trong đó:

- Phần Vô vi thì có một Bát Quái Đài.

- Phần hữu hình thì có Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài.

Vậy thì, trong cơ cấu thể Kỳ Ba, việc hình thành Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng là một điều tất yếu. Tuy nhiên, so với Hội Thánh của tất cả các nền đạo đã từng hiện diện trên thế gian này, thì Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có một điểm rất mới mẻ, đặc trưng cho cơ cấu thể kỳ ba: Thượng Đế, các Đấng Thiêng Liêng vô vi, và con người hữu hình đều cùng là những thành viên ở những thứ bậc khác nhau trong cùng một Hội Thánh với tổ chức gồm Tam đài:

- Bát Quái Đài là biểu tượng cho sự vận hành vũ trụ của Đại Đạo vô vi, trung tâm là Thái Cực, là linh hồn của nền tổ chức Đại Đạo, có sứ mạng vận hành cơ cấu độ kỳ ba, dẫn dắt vạn linh trở về với Đại Linh Quang, cội nguồn nguyên thủy của vạn linh, do Đức Thượng Đế lãnh đạo.

- Cửu Trùng Đài có nghĩa là chiếc *Đài có chín (09) tầng*, là phần hữu hình, tượng trưng cho chín cấp độ tiến hóa của con người trên con đường phản bổn huồn nguyên trở về với Thượng Đế Đại

Linh Quang, có nhiệm vụ tiếp xúc với nhân sanh với hai chức năng chính, là chức năng hành pháp và chức năng phổ truyền chơn đạo; hai chức năng này cùng hướng đến một mục tiêu chung là độ rỗi nhân sanh. Giáo pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng nhờ Cửu Trùng Đài mà truyền bá ra khắp hoàn cầu để cứu độ toàn nhân loại.

- Hiệp Thiên Đài làm gạch nối giữa Bát Quái Đài và Cửu Trùng Đài, tức giữa vô vi và hữu hình.

4. Cao Đài là dấu hiệu cảnh báo cơ sàng sẩy

Đàn cơ tại đảo Phú Quốc, giờ Tý đêm rằm tháng 8 Ất Sửu (1925) Đức Lý dạy:

...*“Kỳ này lập Đạo, tá danh là Cao Đài là cái triệu chứng để lại muôn đời roi truyền trong Việt Nam, mà cũng là ngày năm châu loạn lạc, đao binh nổi dậy khắp nơi! Chúng sanh khá nhớ: “Cao vi CÀN, Càn vi Thiên, Đài vi KHẢM, Khảm vi Thủy tức là quẻ “Thiên Thủy Tụng” thì chạy đâu cho khỏi số Trời định đoạt binh lửa bốn phương. Những kẻ thiếu tu đành cam số phận. Cười, cười!”*

Đây chính là lý do Cao Đài hiện hữu trong đại cuộc cứu độ của Đấng Cha Trời cùng toàn thể

chư Phật Tiên Thánh Thần trước khi kết thúc giai đoạn Hạ nguon mặt pháp. Cho nên, hai chữ Cao Đài được hiểu là dấu hiệu của cơ sàng sẩy, nhắc nhở con người phải quay đầu hướng thiện, trở gót tu hành nếu không muốn bị đào thải khỏi trường tiến hóa của vũ trụ.

TẠM KẾT

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy: *“Cao Đài là chỗ cao nhứt của mỗi chúng sanh. Đức Cao Đài Thượng Đế hằng ngự nơi đó. Có chúng sanh tức là có Cao Đài, không có Cao Đài thì không có chúng sanh, mà không có chúng sanh thì không có Phật, Tiên, Thần, Thánh chi cả.”*⁽³⁰⁾

Chỉ hai chữ “Cao Đài” với ý nghĩa đơn giản là “cái đài cao” mà chứa đựng cả một cơ vận hành từ thiên thượng đến thiên hạ, xuyên suốt từ Trời đến Người, vì đồng nghĩa với Đạo, Thái Cực Đại Linh Quang, Thượng Đế.

Đạo bàng bạc khắp trong muôn loài vũ trụ từ vô thi đến vô chung, Cao Đài cũng nghĩa đó thôi. Chính vì vậy, Đức Như-Ý Đạo-Thoàn Chơn-Nhon nhấn nhủ: *“Ai chưa xây đắp Cao Đài thì hãy xây đắp, ai chưa tìm thấy Cao Đài thì hãy tìm thấy, ai chưa gõ cửa Cao Đài thì hãy gõ cửa, vì Cao Đài là tâm*

của Vũ-trụ, là Thần, là gốc của con người. Cái có tên mà không tên, vì muôn loài vạn vật đều sanh ra bởi đó, mà đó không bởi đâu sanh. Chính tên Cao Đài cũng chỉ là tạm mượn, để chỉ cái gốc của con người cao quý nhất, mà con người gọi là tâm linh, là Nê-hoàn, là Ngọc-châu Viên-giác, Liên Hoa Cung.”⁽³¹⁾

Hiểu được ý nghĩa hai chữ Cao Đài, con người nhận ra được chân giá trị của chính mình, đồng thời cũng đã tìm được chiếc chìa khóa vạn năng để mở ra cánh cửa huyền vi vũ trụ để tìm thấy yếu quyết tu luyện, thực hiện sứ mạng cao trọng mà Đức Cao Đài Thượng Đế đã phó giao cho môn đồ của Ngài trong Huân từ do Đức Giáo

Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh tuyên đọc trong đàn cơ tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo ngày 29-02 Mậu Ngọ (06-4-1978):

Chuyển nhân dục loạn thành thế trị,⁽³²⁾

*Hoàng đạo cơ chơn lý
hiển dương,*

Quân bình tâm vật kỷ cương,⁽³³⁾

*Thần hình cu diệu tứ phương
cộng đồng.⁽³⁴⁾*

*Tu chứng giả biến thông
vô tận,⁽³⁵⁾*

*Đắc nhất trung trực tấn
Cao Đài,⁽³⁶⁾*

Thiên nhân chánh vị hòa hài,⁽³⁷⁾

*Vạn đồ cổ vãng kim lai
thủ thành.⁽³⁸⁾*

⁽³⁰⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-9 Giáp Dần (29-10-1974).

⁽³¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29-8 Quý Hợi (05-10-1983).

⁽³²⁾ Cả câu ý nói khi lòng dục con người đã biến cái thì đời loạn lạc sẽ trở thành đời an bình, thịnh trị.

⁽³³⁾ Quân bình tâm vật kỷ cương: Tâm và vật không lẫn lộn nhau, không khuynh loát nhau; lấy sự cân bằng tâm và vật làm giềng mối cho mọi việc hành xử trong đời.

⁽³⁴⁾ Thần hình: Thần và xác; cu (câu) diệu: đều cùng huyền diệu.

⁽³⁵⁾ Tu chứng giả: Người tu chứng quả, người đắc đạo; biến thông vô tận: biến hóa, thông suốt không hề bị ngăn ngại, giới hạn.

⁽³⁶⁾ Đắc nhất trung: Đạt được chỗ trung nhất; trực tấn: tiến thẳng đến.

⁽³⁷⁾ Thiên nhân chánh vị hòa hài: Trời và người ở đúng vào chỗ của mình và hòa hiệp nhau, người không còn vì vật dục mà cưỡng chống lại Thiên lý.

⁽³⁸⁾ Vạn đồ: Muôn ngàn con đường, vô số đường lối tu hành; cổ vãng kim lai: từ xưa đến nay, xưa nay; thủ thành: nắm giữ (Thiên lý) để thành công, đắc quả.



Thầy chẳng quên ta, ta hằng tại

TRƯƠNG DUY

Khoảng ba giờ chiều ngày mười ba tháng ba năm Nhâm Thân (18 Avril 1932), Người Anh Cả của chúng ta đã thật sự “cười ròn về Nguyên”. Trước khi liễn đạo, Ngài có để lại di huấn với ba ý chính:

*“Thôi, các em nhứt tâm
Thầy chẳng quên ta, ta hằng tại
Chẳng đặng nhiều lời”.*

Ý thứ nhất, huynh đệ mình đã cùng nhau chia sẻ trong Sống Đạo số 2 năm Đinh Dậu - 2017 với bài “Nhứt tâm hành trì theo di huấn của người anh cả”; giờ đây, chúng ta lại được vinh hạnh gặp gỡ trong ý thứ hai: **Thầy chẳng quên ta, ta hằng tại.**

Rằng mới đây thôi, có người các có lại hỏi: “Thầy đâu? Chỉ xem tôi mới tin!”. Vui nhỉ! Vui vì câu hỏi “ngộ” quá! Ngộ ở chỗ: Nếu Thầy mà chỉ ra được thì ấy là người hay một vật thể nào đó chứ đâu phải Thầy! Vì sao vậy? Thưa, chúng ta hãy tìm câu trả lời ngay trong ý nghĩa bài Ngọc Hoàng Thượng Đế Bửu cáo với các cụm từ “*nhược thiệt nhược hư*”, “*bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa*”, “*thị không thị sắc*”, “*vô vi nhi dịch sử quần linh*”! Theo đó thì rõ là: Đấng Thượng Đế như thực như hư, như có như không. Không lường biết được! Và, có mà không, không mà có! Giống như ngọn lửa từ que diêm ấy mà! Theo Newton thì “*Năng lượng không tự sinh ra, cũng không tự mất đi mà chỉ chuyển từ dạng này sang dạng khác hay truyền từ vật này sang vật khác*”. Vậy, ngọn lửa khi bị gió thổi, nó tắt ngấm, nhưng theo định luật bảo tồn đã nêu thì ngọn lửa chắc chắn đã không bị mất đi, nó vẫn tồn tại

ở một dạng nào đó. Biết thì biết vậy. Biết ngọn lửa vẫn còn ở đâu đó; nhưng huynh đệ mình có chỉ ra được ngọn lửa ở đâu đó, sau khi bị gió thổi tắt đi hay không? Chắc là không rồi, đúng không? Ở đây, chúng ta cũng nên khẳng định với nhau rằng: Tuy không thấy được, không chỉ ra được ngọn lửa ở đâu đó nhưng mình vẫn tin là có ngọn lửa!

Như vậy có nghĩa là **không thấy mà tin!** Niềm tin có đủ đầy chánh tín!

Đây là lý do để chợt nhớ ra một đoạn Thánh Kinh như sau:

“Một người trong Nhóm Mười Hai tên là Tô-ma, cũng gọi là Đi-ây-mô, không ở với các ông khi đức Jê-sus đến. Các môn đệ khác nói với ông: “Chúng tôi đã được thấy Chúa!”. Ông Tô-ma đáp: “Nếu tôi không thấy dấu đinh ở tay Người, nếu tôi không xỏ ngón tay vào lỗ đinh và không đặt bàn tay vào cạnh sườn Người, tôi chẳng có tin”.

Tám ngày sau, các môn đệ Đức Jê-sus lại có mặt trong nhà, có ông Tô-ma ở đó với các ông. Các cửa đều đóng kín. Đức Jê-sus đến, đứng giữa các ông và nói: “Bình an cho anh em”. Rồi Người bảo với ông Tô-ma: “Đặt ngón tay vào đây, và hãy nhìn xem tay Thầy. Đưa tay ra và đặt vào cạnh sườn Thầy. Đừng cứng lòng nữa, nhưng hãy tin”. Ông Tô-ma thưa Người: “Lạy Chúa của con, lạy Thiên Chúa của con!”

Đức Jê-sus bảo: “Vì đã thấy Thầy, nên anh tin. Phúc thay những người không thấy mà tin!”.

(Ga 20, 24-29)

Vậy là, tay sờ mắt thấy nên tin như ông Tô-ma thì có gì đáng nói đâu! Không đáng nói vì ông ấy tin vào cái vô thường, cái không thật. Điều mà ai cũng thường hành, rồi cũng sẽ đổi thay. Cái thân xác mà Chúa đã mượn tạm để hoàn thành sứ mạng cứu chuộc loài người rồi có ngày cũng sẽ không còn thấy nữa! Đã như thế thì sao gọi là thật? Điều mà Đức Chúa mong mỗi ở các môn đệ của Ngài là phải thấy được cái thật! Đó là cõi sống vĩnh hằng, nơi có Thiên Chúa hằng ngự, là Nước Chúa, là Thiên Đàng mà các con chiên phải tìm cách quay về. Nơi đó chính là cõi phúc chân thật, thường hằng. Điều mà Chúa gọi là phúc thay!

Việc đầu tiên và luôn luôn cần phải có để bảo đảm sự an toàn trên con đường về, đó là **đức tin!**

Có đức tin là điều đáng quý rồi; nhưng không phải cứ khư khư giữ nguyên trạng với tấm lòng trân quý là được! Tương tự như lời ca dao Việt Nam đã nhắc nhở:

*“Ngọc kia chẳng dũa chẳng mài,
Cũng thành vô dụng, cũng hoài ngọc đi”.*

Nghĩa là, huynh đệ mình khi đã có được đức tin, cũng cần phải biết phát triển nó một cách tích cực để đáp ứng đủ đầy và kịp thời, nhịp nhàng với đà tu tiến của chính hành giả. Nếu không thì sao? Nếu niềm tin không đáp ứng theo kịp nguyên tắc tỉ lệ thuận với sự tu tiến thì hỏng đấy! Vì theo lẽ thường tình thì có một số vị phẩm trật càng cao, tính cao ngạo cũng lớn dần. Nếu niềm tin về con đường mà mình đang đi không được củng cố, vun đắp thì sẽ nảy sinh ra tâm lý “đứng núi này trông núi nọ” đấy! Nhìn lại xem, đâu phải không có một số vị khi vừa hoặc chuẩn bị bước vào hàng giáo phẩm cao hơn, họ sẵn sàng chứng tỏ và thỏa mãn rằng mình đang đứng trên mọi người, vì đã chinh phục được nhiều đỉnh núi! Rồi cứ lảng xãng đi tìm “bậc cao”, “pháp mới. Đến, đi... đi mãi, đi mãi... Không dừng! Có lẽ những vị ấy cũng nên tham cứu thêm di chúc của vua Trần Nhân Tông (1279-1293):

*“Hết thầy pháp không sanh
Hết thầy pháp không diệt
Nếu hay hiểu như vậy
Chư Phật thường trước mặt
Đến đi sao có đây.*

Và, trên hết là nên tuân theo lời dạy của Thầy:

*“Con tin tưởng có THẤY hằng ngự
Con tin con để giữ thanh danh”.*

(TTH tập iii P.177)

Có lẽ, Mahatma Gandhi đã cảm nhận rất sâu sắc về điều này nên mới viết:

“Đức tin không phải thứ để nắm lấy, nó là trạng thái cần phát triển”.

Nhưng với những gì đã thấy được bằng “đa giác quan” (mượn từ của Gary Zukav), thì Martin Luther quả quyết rằng những điều đó

chúng ta có thể nắm giữ một cách chắc chắn bằng đức tin:

“Đức tin cho phép chúng ta được nắm giữ trong những điều chúng ta không thấy được”.

Chẳng hạn, cảm nhận về Thượng Đế, Niết Bàn Cực Lạc hay Thiên Đàng... Huynh đệ mình chỉ có thể nắm giữ bằng đức tin mà thôi!

Như vậy, khi đã có được đức tin hình thành từ đa giác quan và luôn phát triển, thì chúng ta đâu còn cần phải kiểm chứng hiện tượng là đúng hay sai; đâu còn phải chấp dính vào đôi bờ đối đãi! An nhiên đến diệu kỳ!

Vua Louis IV cũng đã có lần bày tỏ niềm tin như thế:

Chuyện kể rằng: trong một ngôi nhà thờ ở nước Pháp. Hôm đó, các tín hữu đang tụ họp đông đảo để chào Thánh Thể trong một bầu không khí trang nghiêm và sốt sắng, thì bỗng nhiên, họ nhìn thấy dung nhan Chúa Jésus hiện ra trong “Mặt Nhật”.

Một vị quan nhìn thấy nên chạy về bẩm báo với vua Louis rằng:

- Tâu Đức Vua, Ngài hãy mau đến Thánh Đường mà xem: Chúa Jésus đang hiện ra trên bàn thờ trong tấm bánh Thánh.

Nhà vua điềm nhiên trả lời:

- Ai trong các khanh chưa tin thật Chúa Jésus hiện ra trong tấm bánh Thánh Thể thì cứ đi đến đó mà xem. Phần trăm, trăm đã từ lâu tin rằng: Chúa Jésus luôn hiện diện trong bí tích Thánh Thể.

Nhưng mà, đâu phải ai muốn thấy Chúa, gặp Thầy là được! Chuyện của vua Fisher do Richard La Gravenese kể theo nguồn The Fisher King có thể củng cố thêm cho huynh đệ mình nhận định này:

“Câu chuyện xảy ra khi vị vua này còn là một cậu bé phải qua đêm một mình trong rừng để chứng tỏ lòng dũng cảm của kẻ xứng đáng được thừa kế ngai vàng.

Trong đêm đó, cậu bé rơi vào một giấc mộng thần kỳ. Trong giấc mộng, bên ngoài đồng lửa là một chiếc chén Thánh, biểu tượng cho lòng khoan dung tuyệt diệu của Chúa Trời. Rồi một giọng nói cất lên:

“Con sẽ là người coi sóc chiếc chén Thánh này để nó có thể giúp con hàn gắn trái tim loài người”.

Nhưng trong khoảnh khắc ấy, cậu bé trở nên mù quáng trước viễn cảnh rục rờ của cuộc đời đầy quyền lực, danh vọng và sắc đẹp.

Đầy kinh ngạc, trong thoáng chốc, cậu bé thấy mình không phải là một đứa trẻ nữa mà là một đấng quyền lực vô biên, giống như Chúa... Thế là cậu bước vào đồng lửa để lấy chiếc chén Thánh... Chén Thánh vụt biến mất, bỏ lại cậu bé với bàn tay còn nguyên trong đồng lửa. Cậu bị bỏng rất nặng.

Thời gian trôi đi, cậu bé trưởng thành lên và những vết thương cũng ngày càng nhức nhối hơn.

Cho tới một ngày, cuộc sống dần mất hết ý nghĩa với cậu... Cậu không còn niềm tin vào con người và với ngay chính bản thân cậu... Cậu không thể yêu thương ai và cũng chẳng cảm thấy được ai yêu thương... Cậu ngã bệnh trong những trải nghiệm đó. Và cậu bắt đầu chết dần chết mòn.

Một ngày kia, một gã khờ vô tình lang thang vào lâu đài, hấn phát hiện ông vua chỉ có một mình. Và vì ngốc nghếch, gã ngờ nghệch không nhận ra đó là một ông vua. Gã chỉ nhìn thấy đó là một con người đang rất cô đơn và đau đớn. Gã hỏi nhà vua:

“Điều gì khiến ông sầu não vậy ông bạn?”.

Vị vua đáp lời:

“Tôi khát quá. Tôi muốn uống nước để dịu bớt cơn khát đang rát bỏng cổ họng”.

Gã khờ bèn cầm chiếc cốc đặt cạnh giường nhà vua, đổ đầy nước rồi trao nó cho ông.

Khi nhà vua bắt đầu uống nước, ông ta nhận thấy những vết thương trên người cũng lành dần. Nhìn vào lòng bàn tay, ông nhận thấy đó chính là chiếc chén Thánh, vật ông kiếm tìm suốt một đời. Ông quay sang gã khờ, kinh ngạc hỏi:

“Sao ông tìm được vật kỳ diệu mà ngay cả sự thông minh đỉnh ngộ cùng lòng quả cảm tuyệt vời của ta cũng không tìm nổi này?”

Gã khờ trả lời:

“Tôi không biết. Tôi chỉ biết rằng ông đang khát thôi”.

Câu trả lời của gã khờ rất đơn giản; đơn giản đến mức quá vô tư, thể hiện hết tư chất ngây ngô của gã khờ phải không? Huynh đệ mình hãy thử trả lời giúp xem sao? Đệ tin rằng ai cũng sẽ nói ngay rằng, Thầy đã dạy:

*“CƠ TRỜI MÀU NHIỆM LẮM CON ÔI!
TRÍ ÓC PHẠM ĐÂU THẤU ĐẶNG TRỜI!
TRỜI ĐẤT CÓ KHÔNG, KHÔNG VẪN CÓ,
CÓ KHÔNG AI RÕ ĐẶNG NHƯ LỜI.*

(TTTH. P.220 tập I)

Trí óc phàm, trong phạm vi văn cảnh này là: “...Cậu bé (vua Fisher sau này) trở nên mù quáng trước viễn cảnh rực rỡ của cuộc đời đầy quyền lực, danh vọng và sắc đẹp”, “...Cậu bé cảm thấy mình không phải là một đứa trẻ nữa mà là một đấng quyền lực vô biên, giống như Chúa”.

Rõ là: lòng tham dục của cậu bé đã đầy đầy; nó đã trở nên tấm màn vô minh che phủ (trí óc phàm). Như đang đứng trong bóng tối thì làm sao cậu thấy được chiếc chén Thánh mà cầm lấy?

Cũng giống như vậy, muốn thấy được Thầy, huynh đệ mình phải nhờ vào Thần Khí, niềm tin và đức ái để nhận biết được tình thương vô hạn của Thầy. Qua đó, mình sẽ nhận biết Thầy một cách tràn đầy, viên mãn (vì Thầy là tình thương, sự sống và lẽ thật):

“Vì lý do đó, tôi quỳ gối trước mặt Chúa Cha, là nguồn gốc mọi gia tộc trên trời dưới đất. Tôi nguyện xin Chúa Cha, thể theo sự phong phú của Người là Đấng vinh hiển, ban cho anh em được củng cố mạnh mẽ nhờ Thần Khí của Người để con người nội tâm của anh em được vững vàng.

Xin cho anh em, nhờ lòng tin, được Đức Ki-tô ngự trong tâm hồn; xin cho anh em được bén rễ sâu và xây dựng vững chắc trên đức ái, để cùng toàn thể dân thánh, anh em đủ sức thấu hiểu mọi kích thước dài rộng cao sâu, và nhận biết tình thương của Đức Ki-tô, là tình thương vượt quá sự hiểu biết. Như vậy anh em sẽ được đầy tràn tất cả sự viên mãn của Thiên Chúa”.

(Lời cầu xin của Thánh Phao-lô, Kinh Thánh, NXB TG 2006 P.587)

Thưa vâng, nhờ lòng tin, nhờ Đức Ki-tô ngự trong tâm hồn; Thầy cũng đã dạy ta như thế:

*Nơi lòng Thầy ngự động Thầy hay,
Ngặt nổi là xưa chẳng thể bày.
Đạo hạnh khuyên con gìn tánh đức,
Cửa cung Bạch Ngọc cũng gần khai.*

(TNHT P. 166, 1995)

Vậy là huynh đệ mình đã nhận biết nơi Thầy hằng ngự rồi! Đệ nói hằng ngự vì khi nào chúng ta hội đủ ba điều kiện: Thần Khí, niềm tin và đức ái là gặp Thầy ngay! Như thế mà không nói Thầy chẳng quên ta thì là thế nào?

Vâng. Thầy chẳng quên ta. Chỉ có ta quên Thầy mà thôi! Chỉ vì ta quên Thầy mà Ngài Tam Tạng đã phải đứng khóc bên bờ sông Hằng: “Ôi! Đức Phật đã thành Đạo hơn cả nghìn năm rồi, mà nay ta còn phải đứng nơi đây!”.

Còn huynh đệ mình thì sao? Phải lẫn lóc nơi cõi ta bà bụi bặm này bao lâu nữa mới được về lại quê xưa?

Cũng vì Thầy chẳng quên ta mà từ khi khởi thủy vũ trụ cho đến nay và đến vô biên, vô tận năm sau nữa, Thầy vẫn thường hằng hóa sanh và dưỡng dục quần linh không ngưng nghỉ (*Thời thừa lục long, du hành bất tức*-Kinh Ngọc Hoàng Thượng đế bửu cáo).

Đó là “*Tình thương vượt quá sự hiểu biết*” của Thầy dành cho chúng sanh mà Thánh Phao-lô đã nói đến!

Huynh đệ mình đã, đang và mãi mãi sẽ sống trọn vẹn trong tình thương vô biên, vô hạn đó. Vậy thì sao ta không hằng tại được? Vâng. Ta hằng tại! Ta vẫn luôn luôn sống trong ơn Thầy! Ta vẫn luôn luôn tiến hóa trong Pháp Sanh Tồn:

*“Thiên Thai nào phải tại trần này,
Chẳng phải giữa trời, chẳng phải mây.
Đưa phép sanh tồn khuyên trẻ ngó,
Theo chơn giới bước, níu sau Thầy”.*

(TNHT P.169-1995)

Phép sanh tồn (Thần Khí mà Thánh Phao-lô đã nói đến) mà Thầy đưa cho ta ngó ở đây tức là phép luyện Đạo :

*“Rảnh nợ hồng trần nhẹ gót Tiên,
Nương cơ tiến hóa sạch ưu phiền.
Bỏ đoàn tịnh tọa an Thần Khí.
Vui bước thanh nhàn hết đảo điên”.*

(Nguyễn Như Sơ, TT Từ Quang, 21/6 Đ Đ 33)

Huynh đệ mình luyện sao cho được Tánh Không bằng con đường Tánh mạng song tu, trong đó có việc tịnh định thì sẽ bước lên được “con đường vĩnh sanh” thôi!

*“Thầy là manh mối tìm phăng,
Thầy là lẽ thật con đường vĩnh sanh.
Muốn gần Thầy phải thanh phải tịnh,
Tịnh định thì bản lĩnh vững vàng;
Định rồi phóng chiếu hào quang,
Thông thiên đạt địa hàm tàng huyền cơ”.*

(Ngô Cao Tiên, TTTH IV P. 154)

Điều kiện thứ hai để chúng ta được sống trọn vẹn trong ơn Thầy, đó là niềm tin. Có nhiều điều để nói về đức tin lắm. Xin chờ hạnh ngộ trong một cơ duyên khác vậy! Tuy nhiên, huynh đệ mình cũng có thể gói gọn đề tài này trong lời dạy của Thầy:

“Đạo là đạo đức nghĩa nhân

*Cảnh Tiên muốn nhập phải cần **Đức tin**”.*

(Cao Đài Tiên Ông, ĐTCG P.120-121, 2001)

Điều kiện thứ ba cần trang bị và góp nhặt trên hành trình về với quê xưa để được hội hiệp cùng Đấng Cha Lành: Đó là Đức Ái.

Ái là thương yêu; Mà sao Đức Phao-lô không nói là tình thương mà lại dùng từ Đức Ái? Thưa, Chỉ là tình thương thì chưa đủ; mà, về với Thầy, tình thương ấy phải có một phần nào đó có tố chất nhiệm mầu! Tình thương có tố chất huyền diệu này chính là *“tình thương vượt quá sự hiểu biết”*. Thôi, mình cứ tạm gọi đó là tình thương trong sáng; Hay nói cách khác, là tình thương thanh sạch, không có chút bợn hồng trần

vậy. Đại khái là, nó giống như câu chuyện “Cậu bé muốn mua Thượng Đế” được Thanh Trúc sưu tầm và biên dịch sau đây:

“Vào thế kỷ 20, tại một thành phố nhỏ ở phía Tây nước Mỹ, một cậu bé khoảng mười tuổi cầm trong tay một đồng đô-la, đi đến từng cửa hàng ở ven đường và hỏi rằng: “Xin hỏi, ở đây có ai bán Thượng Đế không ạ?”. Các chủ cửa hàng hoặc nói không có, hoặc cho là cậu bé phá phách bèn đuổi đi ngay.

Khi trời sắp tối, cậu bé vẫn cố gắng đến hỏi cửa hàng thứ 69: “Xin hỏi ở đây có bán Thượng Đế không ạ?”. Ông chủ là một bác khoảng sáu mươi tuổi, tóc đã bạc trắng, nét mặt rất ôn hòa. Ông mỉm cười hỏi cậu bé; “Cháu bé này, cháu hãy cho ta biết, cháu muốn mua Thượng Đế để làm gì?”.

Có người quan tâm đến mình nên cậu bé cảm động đến rơi nước mắt, cậu nói với ông chủ rằng cha mẹ của cậu qua đời sớm, bây giờ người chủ đang nuôi cậu. Người chủ làm việc ở công trường xây dựng. Vài ngày trước, chủ bị ngã khỏi giàn giáo, đến nay hôn mê chưa tỉnh lại. Bác sĩ nói chỉ có Thượng Đế mới giúp được ông ấy. Cậu bé nghĩ rằng nhất định Thượng Đế là một thứ gì đó vô cùng kỳ diệu, cậu nói: “Cháu phải mua Thượng Đế về cho chủ của cháu ăn thì vết thương sẽ khỏi”.

Nghe xong những lời cậu bé nói, ông chủ rơm rớm nước mắt, ông hỏi: “Cháu có bao nhiêu tiền?”. “1 đô-la ạ!”. “Cháu bé, thật may, giá của Thượng Đế cũng vừa vặn 1 đô-la”.

Ông chủ nhận lấy đồng xu trong tay cậu bé, lấy một chai nước có dòng chữ “Nụ hôn của Thượng Đế” trên kệ xuống và nói: “Cháu bé, cháu cầm lấy đi này, chủ của cháu uống xong bình Thượng Đế này thì khỏe lại thôi”.

Cậu bé vô cùng hạnh phúc, ôm chặt lấy chai nước trong lòng, vui mừng chạy đến bệnh viện. Khi vào đến phòng bệnh, cậu bé reo lên: “Chú ơi, cháu đã mua Thượng Đế về rồi, chú mau khỏe lại chú nhé!”.

Ngày hôm sau, một nhóm các chuyên gia y học hàng đầu trên thế giới đã bay đến thành phố này, đến bệnh viện nơi chủ của cậu bé đang nằm và tiến hành hội chẩn. Không bao lâu sau, chủ của cậu bé đã được cứu.

Khi chủ của cậu bé xuất viện, nhìn thấy hóa đơn viện phí thì suýt ngất đi. Thế nhưng, một tin tức từ phương xa đã hóa giải lo lắng của anh; Được biết một người có tên là Bondi đã giúp anh trả hết tiền viện phí, nhóm bác sĩ cũng là do ông Bondi gửi đến.

Sau này người chủ mới biết được ông Bondi là một tỉ phú, cửa hàng tạp hóa mà cậu bé đến mua “Thượng Đế” thuộc sở hữu của ông ấy; Khi rảnh rồi ông thường đến đó để thư giãn, giết thời gian.

Chủ của cậu bé vô cùng xúc động, anh lập tức cùng cậu bé đến cảm ơn. Nhân viên cửa hàng nói với hai chủ cháu rằng ông chủ đã đi du lịch rồi, bảo họ không cần bận lòng và trao cho người chủ lá thư do chính ông Bondi viết:

“Chàng trai, cậu không cần phải cảm ơn tôi, cháu của cậu đã trả hết mọi thứ rồi. Điều tôi muốn nói đó là cậu quả thật may mắn khi có được đứa cháu đáng yêu như thế. Để cứu cậu, cháu bé đã cầm 1 đô-la đi khắp nơi để mua Thượng Đế... Hãy cảm ơn Thượng Đế, chính Người đã cứu cậu. Nhưng nhất định cậu phải luôn luôn ghi nhớ rằng Thượng Đế thật sự chính là tình yêu thương!”

Câu chuyện chưa kết thúc ở đây. Sau này, khi lớn lên, cậu bé thi vào trường y. Để cảm ơn tỉ phú Bondi từng cứu chủ của mình cũng như để giúp nhiều người bị thương khác, cậu bé đã phát minh ra băng dán cá nhân và đặt tên là Bondi”.

Vâng, Thượng Đế chính là “tình thương vượt quá sự hiểu biết”. Cứ tiếp tục học nghiệm và hành trì theo lời dạy của Đức Điều Trì Kim Mẫu sau đây thì sẽ hiểu biết phần nào hạnh Bồ tát, tính bác ái và từ bi ấy:

“Hạnh Bồ tát thì lòng Thượng Đế,

Lòng như như trí tuệ đủ đầy;

Từ bi bác ái là Thầy,

Có Thầy mới khỏi có bầy yêu ma”.

(TTTH, tập iii P.128)

Hành trì rõ ràng lời dạy trên, huynh đệ mình còn biết được một cách rõ ràng, không cần nghi ngại rằng Thầy chẳng quên ta, ta hằng tại.



TƯ DUY TÍCH CỰC:

Một ứng dụng hiện đại của chánh tinh tấn

Trần Quốc Huân

Nếu như một số tôn giáo đã khoán niềm tin, số phận con người cho Thượng đế định đoạt thì Phật giáo với mục đích giúp chúng sanh giải thoát khỏi sanh tử luân đề cao sự nỗ lực không ngừng nghỉ, sức mạnh tự thân mài giũa, phấn đấu bền bỉ, vượt qua mọi nghịch duyên của con người.

Chánh tinh tấn được hiểu là sự nỗ lực siêng năng, cần mẫn, không ngừng nghỉ hướng đến mục đích cao thượng, an vui, hạnh phúc, bình an.

Nền tảng của Chánh tinh tấn bao gồm 4 phương pháp hành trì sau đây:

*Thứ nhất, niệm ác chưa sanh
đừng phát sanh*

*Thứ hai, niệm ác sanh rồi đem
đoạn tận*

*Thứ ba, niệm thiện chưa sanh
nên phát sanh*

*Thứ tư, niệm thiện sanh rồi nên
tăng trưởng.*

Chúng ta chọn lựa giữa cái thiện và cái ác trong từng giây phút sống. Chúng ta không phải là những nạn



nhân khôn khổ, thúc thủ trước số mệnh. Chúng ta không phải là những con rối được điều khiển bởi những quyền lực nào đó, và những gì xảy ra cho chúng ta cũng không phải do tiền định. Ngay giây phút này chúng ta chọn lựa hành động, rồi giây phút kế tiếp ta phải nhận lãnh kết quả của sự lựa chọn đó. Cuộc sống của chúng ta được tạo dựng từ những sự chọn lựa nhỏ nhất này, hằng tỷ sự chọn lựa như thế xảy ra trong giây phút.

Với ý thức đó, chúng ta có thể sử dụng Chánh Tinh Tấn để tạo ra những lựa chọn mới. Đức Phật khuyên tất cả chúng ta nên chọn các tâm thiện để thay cho các tâm bất thiện và vun trồng các tâm thiện trong từng giây phút, cho đến khi các tâm bất thiện không còn xuất hiện nữa. Theo như Đức Phật dạy, chúng ta thực hiện điều đó bằng cách luôn tự thúc giục, “tinh tấn, tạo ra năng lực, và khơi dậy tâm.”

Trong bốn câu kệ trên, nếu ta thay “niệm ác” bằng “tư duy tiêu cực” và “niệm thiện” bằng “tư duy tích cực” thì lời Phật dạy chánh tinh tấn cũng chính là phương pháp giúp mỗi người cải thiện phẩm chất bản thân và năng lực gây ảnh hưởng đến người khác

trong cuộc sống sinh hoạt và lao động của mình:

“Đừng để nảy sinh tư duy tiêu cực, nếu xuất hiện tư duy tiêu cực thì phải loại trừ; khởi phát và chỉ để tư duy tích cực hiện hữu trong ta, không ngừng vun bồi cho tư duy tích cực nảy nở và lan tỏa”

Phát biểu này thực sự cũng là một mô tả chính xác của khái niệm “tư duy tích cực”.

oOo

Tư duy tích cực là thái độ tư duy và xúc cảm tập trung vào mặt sáng của đời sống và mong đợi những kết quả tích cực.

Một người có tư duy tích cực sẽ mong đợi hạnh phúc, sức khỏe, thành công; và tin rằng mình có thể vượt qua bất kỳ trở ngại khó khăn nào.

Khái niệm này ngày càng phổ biến, và ngày càng có nhiều người tin ở hiệu quả phi thường của phương pháp này.

Như nêu trên, đây là một thái độ sống chứ không phải là các định luật; và người thực hành tư duy tích cực thể hiện thái độ ấy trong mọi mặt của cuộc sống.

Anh A nộp hồ sơ xin việc, nhưng anh không tự tin là mình sẽ được tuyển. Anh có thái độ tiêu

cực về bản thân nên anh nghĩ rằng các ứng viên khác có hồ sơ sáng hơn hồ sơ của anh. Suốt một tuần trước ngày phỏng vấn, tâm trí anh tràn ngập những suy nghĩ tiêu cực và sợ sệt, và như vậy, trong thâm tâm, anh chờ đón một thất bại.

Vào ngày phỏng vấn, anh dậy trễ, và hốt hoảng nhận thấy chiếc áo anh định mặc có một vết ố. Cái áo khác thì lại chưa ủi, mà lại không còn thời gian nữa, nên anh đành mặc chiếc áo nhàn, bỏ ăn sáng mà vội vã đến nơi hẹn.

Trong lúc phỏng vấn, anh luôn căng thẳng, đói bụng, và không ngừng băn khoăn về cái áo nhàn nhúm của mình. Tất cả cảm giác đó làm anh khó tập trung vào cuộc phỏng vấn. Nói chung, về ngoài và hành xử của anh tạo nên ấn tượng xấu, và kết quả là anh không được tuyển dụng.

Anh B cũng nộp hồ sơ xin việc đó, nhưng có thái độ hoàn toàn khác. Anh tin tưởng là mình sẽ được nhận. Suốt tuần trước ngày phỏng vấn, anh luôn mừng rỡ trong đầu là mình tạo được ấn tượng tốt khi phỏng vấn và được tuyển dụng. Đêm trước ngày phỏng vấn, anh chuẩn bị quần áo rồi đi ngủ sớm hơn một chút. Hôm sau, anh dậy sớm hơn

thường lệ một chút, có thời gian thông thả ăn sáng, rồi đến chỗ hẹn phỏng vấn sớm hơn giờ hẹn một chút.

Quả thật, anh tạo ấn tượng tốt và được nhận.

Qua ví dụ này, ta thấy không hề có một phép lạ hay vận may rủi nào cả. Mọi việc diễn ra một cách tự nhiên. Thái độ của ta quyết định cuộc đời ta.

Tư duy tích cực và tư duy tiêu cực đều có tính chất lây lan. Ta tác động và chịu sự tác động của người khác một cách qua lại lẫn nhau. Điều này xảy ra một cách vô thức, thông qua lời nói, suy nghĩ, cảm xúc, và ngôn ngữ cơ thể.

Không phải vô cớ mà ta muốn gần gũi những người tích cực, và muốn tránh những người tiêu cực. Người khác sẵn lòng giúp đỡ ta, nếu ta tích cực, đồng thời họ không thích và xa lánh bất cứ ai phát ra tín hiệu của sự tiêu cực.

Những suy nghĩ, lời nói và thái độ tiêu cực tạo nên các cảm giác, tâm trạng, hành vi không vui và tiêu cực. Khi tâm trí tiêu cực, độc tố được phóng thích vào máu, tạo nên sự không vui và tiêu cực. Đó là con đường dẫn đến thất bại, bực dọc và thất vọng.

Thái độ tích cực đem lại cho ta cảm giác vui vẻ, hạnh phúc; làm mắt ta sáng hơn, hành động đầy năng lượng hơn. Toàn bộ con người ta như phát ra thông điệp về thiện chí, hạnh phúc và thành công. Sức khỏe của ta cũng được tác động tốt. Ta bước đi thẳng lưng, giọng nói mạnh mẽ, cử chỉ và điệu bộ đều thể hiện được cảm giác bên trong của ta.

Khi thực hành tư duy tích cực, ta sẽ cảm thấy những thay đổi kỳ diệu trong mình và quanh mình. Trí não của ta bắt đầu vận hành trong trạng thái tràn đầy endorphin, loại hormone làm ta nhẹ nhàng, tươi sáng và hạnh phúc hơn. Ta sẽ thấy tự tin hơn, cảm thấy đầy năng lực để đảm nhận những nhiệm vụ và thách thức mới, mà trước đây vẫn còn nằm ngoài vùng an toàn của ta.

Tư duy tích cực làm giảm các niềm tin cố chấp tự giới hạn bản thân của ta, giúp ta giải phóng các kiềm tỏa và cảm nghiệm sự tinh tấn ngoài sức tưởng tượng. Tư duy tích cực làm cho mỗi phút giây trở nên đáng sống, và mỗi mục tiêu trở nên đáng để phấn đấu đạt được. Thực hành tư duy tích cực, ta luôn cảm thấy lạc quan, ngay cả khi quanh ta, mọi người đang sầu bi, rầu rĩ.

oOo

Để có thể loại trừ tư duy tiêu cực, làm nảy sinh và triển nở tư duy tích cực, đạt được thái độ sống tích cực, ta cần nỗ lực rèn luyện không ngừng. Dưới đây là 11 biện pháp mà các nhà tâm lý học đã đúc kết để giúp mỗi người tự rèn luyện và hình thành tư duy tích cực.

1. Tự hỏi: “Mình có suy nghĩ một cách tích cực không?”

Một cách trung thực, ta cần đánh giá tình trạng của chính mình. Nếu thấy mình có thiên hướng bi quan, tiêu cực, luôn không hài lòng, thường lo lắng tương lai bất định... thì ta cần phát triển các thói quen mới như tập yoga, tọa thiền, tham gia các hoạt động từ thiện, xã hội, nghe các bài chia sẻ của linh mục hay thuyết pháp của thiền sư, thậm chí tìm tư vấn của chuyên gia tâm lý... để chữa lành những biểu hiện của một tinh thần suy yếu. Nói cách khác, ta cần đưa trạng thái tinh thần của mình về mức zero, trước khi tìm cách tăng dần giá trị dương cho nó.

2. Tăng cường ký tính đối với các thông tin tích cực

Ta có thể làm gia tăng tính tích cực của mình chỉ bằng cách

tập nhớ những từ có ý nghĩa tích cực. Đó là vì khi ta buộc trí não sử dụng thường xuyên các từ có ý nghĩa tích cực, ta làm cho các từ này (cùng với ý nghĩa của nó) trở nên dễ tiếp cận hơn, dễ kết nối hơn, dễ kích hoạt hơn trong não mình. Vì vậy, khi ta suy nghĩ, những từ này dễ trôi lên trên để ta chọn lấy và hình thành ý tưởng.

Từ nào là từ có ý nghĩa tích cực? Chỉ cần lập danh sách những cặp từ đối lập và xếp chúng theo hai cột tích cực - tiêu cực, như: sống - chết, thành công - thất bại, vượt qua - chịu đựng, vv. Bỏ cột tiêu cực đi, chỉ giữ lại cột tích cực để thường xuyên nhìn vào đó, đọc to các từ đó lên, làm hằng ngày như một kiểu thể dục trí não.

3. Tăng cường khả năng của trí não để làm việc với những thông tin tích cực:

Một khi não ta đã hình thành những mạng thần kinh vững mạnh cho những từ có ý nghĩa tích cực, hãy mở rộng mạng thần kinh này bằng cách để cho não sử dụng các thông tin tích cực theo nhiều kiểu cách mới lạ. Ví dụ ta học thuộc lòng các từ có ý nghĩa tích cực rồi canh một giờ sau, nhớ lại các từ đó theo thứ tự ngược lại.

4. Tăng cường khả năng của trí não để chú ý đến khía cạnh tích cực

Nếu như ta dễ dàng thấy khó chịu khi thức ăn không có mùi vị như mình mong đợi, hoặc khi đi nhầm đường; thì đó là vì ta đã huấn luyện cho trí não mình chú ý đến khía cạnh tiêu cực. Ta cũng có thể làm ngược lại, huấn luyện cho trí não chú ý, thậm chí nhạy bén hơn, đến những khía cạnh tích cực. Thường xuyên chú ý đến khía cạnh tích cực sẽ làm cho trí não ta dần chuyển hướng khỏi các khía cạnh tiêu cực.

5. Tạo cho bản thân một phản xạ có điều kiện để cảm nhận những khoảnh khắc tích cực ngẫu nhiên

Tương tự thí nghiệm của Pavlov về phản xạ có điều kiện, ta có thể tự tạo cho mình phản xạ mang ý nghĩa tích cực. Ta có thể chọn lấy một tác động ngoại cảnh nào nhằm chán nhất, ví dụ tiếng chuông điện thoại bàn, rồi mỗi khi có tiếng chuông điện thoại thì ép trí não mình nghĩ đến, nhớ đến những kinh nghiệm vui vẻ, những cảm giác dễ chịu. Sau một thời gian, phản xạ hình thành, tiếng chuông điện thoại sẽ làm ta

vui lên. Trong một ngày làm việc căng thẳng, những khoảnh khắc tích cực do tiếng chuông điện thoại sẽ tiếp thêm năng lượng cho ta, giải tỏa stress, và ta lạc quan bước tiếp, đối mặt với mọi thách thức.

6. Nghĩ tích cực nhưng đừng quá mức thành “lạc quan tếu”, và khi cần, cũng nên nghĩ tiêu cực

Suy nghĩ tích cực có nhiều lợi ích như đã phân tích, tuy nhiên không phải lúc nào cũng là cách đáp ứng tốt nhất. Những ý tưởng tiêu cực đôi khi cũng đem lại lợi ích.

Khi ta buồn khổ, nghĩ đến những ý tưởng tiêu cực và thể hiện cái cảm xúc buồn bã đó ra thì cũng là cách thông đạt đến tha nhân rằng ta cần sự ủng hộ và lòng tốt của mọi người. Khi ta bị đối xử bất công và cảm thấy tức giận, những suy nghĩ đó có thể thúc đẩy ta hành động để thay đổi đời ta, thay đổi thế giới. Hời hợt đẩy mọi suy nghĩ tiêu cực qua một bên mà không cân nhắc nghiêm túc nguồn gốc của nó có thể tạo nên những hậu quả không tốt. Vì vậy, trước khi loại trừ các suy nghĩ tiêu cực, cũng nên nghĩ xem các cảm giác tiêu cực đó có dẫn đến hành

động để cải thiện đời mình không. Nếu có, thì nên giữ cái cảm giác tiêu cực đó như một động lực hành động. Xử lý được như vậy với cảm xúc tiêu cực, thì thật ra ta đã chuyển hóa tiêu cực thành tích cực rồi.

7. Thực hành lòng biết ơn

Có vô số điều làm ta tức giận, buồn bã hay lo lắng. Đồng thời, cũng có vô số điều làm ta say mê, vui vẻ và hứng khởi. Tùy nơi ta chọn để tập trung vào cái tích cực hay cái tiêu cực.

Một cách để luyện trí não tập trung vào cái tích cực là thực hành lòng biết ơn. Thể hiện lòng biết ơn tại nơi làm việc, ta sẽ nhận được sự kính trọng và tình cảm “huynh đệ chi binh” của đồng nghiệp, đồng sự. Khi ta tỏ lòng biết ơn với đối tác, thân hữu, họ sẽ quảng đại và tử tế hơn đối với ta. Khi ta có được tâm tình biết ơn vì những điều nhỏ bé trong cuộc sống hàng ngày, ta sẽ nhận ra nhiều ý nghĩa trong đời ta hơn, và cảm thấy hài lòng với cuộc sống của mình hơn.

8. Thưởng thức một cách sâu sắc từng khoảnh khắc tốt đẹp

Rất nhiều lần ta để những phút giây ngọt ngào trôi tuột qua mà không tận hưởng chúng. Tận

hưởng có nghĩa là giữ lại những suy nghĩ và cảm xúc đẹp để ta đã có, giữ lại bằng cách kéo dài khoảnh khắc ấy ra, hoặc nhớ lại những cảm nghiệm hạnh phúc từ trước đó rất lâu. Tận hưởng là một phương pháp hay để tạo nên một dòng bền lâu các suy nghĩ và cảm xúc tích cực.

9. Tạo ra các cảm xúc tích cực bằng cách xem phim hài

Xem phim hài có thể tạo nên những khoảnh khắc bùng nổ của sáng khoái rất có ích giúp tiếp thêm nhiên liệu cho quá trình thăng hoa của các cảm xúc tích cực. Cố gắng kéo dài cảm giác hưng phấn đó sau khi thôi xem phim để quay về với công việc hiện tại. Mặt khác, cũng không nên sa đà xem phim quá lâu rồi sau đó lại tự dẫn vật, trách móc mình không dành thời gian để làm thêm được nhiều việc nữa.

10. Dừng việc giảm thiểu và làm nhẹ ý nghĩa thành công của bản thân

Chúng ta thường khiêm tốn (hoặc tỏ ra khiêm tốn) khi được khen hay khi nói về thành tựu của mình: “Do may mắn thôi”,

“Ồ, ai cũng có thể làm được như vậy mà.” Tuy nhiên, ta cần thành thật đánh giá đúng đắn nỗ lực của mình, và tự khen ngợi mình vì những nỗ lực và thành công đó. Cảm giác tự hào vì đã nỗ lực và đã thành công là một cảm xúc tích cực và cảm xúc này kéo dài rất lâu.

11. Dừng lối tư duy cực đoan kiểu “Được ăn cả, ngã về không”

Đó là kiểu tư duy hoặc là tốt hết hoặc là xấu hết. Nếu ta không đạt được một mục tiêu nào đó thì coi như toàn bộ đời ta là văt đi.

Cuộc đời thì có thắng, có thua, có thành, có bại, và một mục tiêu nào đó chỉ là một phần vô cùng nhỏ so với toàn thể cuộc sống của ta. Hãy chừng mực kiểm soát cảm xúc của mình.

oOo

Triết gia Rene Descartes nói “Tôi tư duy, tôi tồn tại”. Xin mạn phép tổng hợp hai khái niệm “chánh tinh tấn” và “tư duy tích cực” thành phát biểu “Tôi tư duy tích cực, tôi đang tinh tấn”, đang từng bước đạt được an lạc cho bản thân và đem đến cho người khác cảm giác an lạc.



LINH CHÂU TƯỚNG CHÂU

Pháp môn vi diệu của Đại Đạo

Lê Vinh Tuấn

Hai pháp môn Linh Châu và Tướng Châu được Đức Chí Tôn trao truyền làm phương tiện tận độ nhân loại. Nghĩa là, Linh Châu và Tướng Châu được truyền dạy từ Cõi Siêu Nhiên, làm phương tiện cho nhân loại trở về Cõi Siêu Nhiên. Đây là điều vô cùng mới lạ đối với lịch sử cứu thế, thị hiện sự mật thiết giữa Trời và Người là Quyền Pháp mầu nhiệm tận độ nhân loại của Đức Chí Tôn. Pháp môn này là nhịp cầu nối liền giữa lãnh vực “Tự Nhiên” ở trần thế, với “Cõi Siêu Nhiên” của Phật Tiên, do sự hướng dẫn từ Cõi Siêu Nhiên, chứ không do nơi con người nơi thế gian tu hành, giác ngộ chân lý rồi truyền bá như truyền thống.

Chúng ta cần hiểu rõ pháp môn Linh Châu và Tướng Châu để thực hành cho đúng những chỉ dạy quý báu của Đức Chí Tôn và Ôn Trên thì mới thuận tòng cùng “Đạo Pháp”, và hòa hài cùng “Quy Luật Thiên Nhiên” của căn khôn vũ trụ, nâng cao trí tuệ đăng thực hiện nếp sống tiến bộ, văn minh và đạo đức. Nghĩa là, chúng ta cần quán triệt và vâng hành nghiêm túc những chỉ dạy về Đạo Pháp do Đức Chí Tôn và Ôn Trên ban trao để tu luyện thì mới sống tiến bộ, tinh tấn và đạo đức, góp phần làm sáng tỏ hồng ân cứu độ của Đức Chí Tôn trong đời sống tu học.

Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Thượng Đế và chư Thiêng Liêng trực tiếp ban truyền giáo hóa và diu dắt nhân sanh tu học để bước sang nền văn minh Thánh Đức.

Ngài Ngô Minh Chiêu là đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài. Thượng Đế trực tiếp diu dắt



Ngài Ngô tu học bằng huyền diệu cơ bút. Trước khi mở đạo Cao Đài, Ngài Ngô được Đức Chí Tôn ân phong phẩm vị Giáo Tông của nền Đại Đạo, tức là Ngài Ngô là người “Anh Cả” trong đạo Cao Đài. Pháp môn do Đức Thượng Đế truyền dạy để Ngài Ngô tu luyện rồi tùy căn duyên, tuổi tác và sức khỏe của mỗi đệ tử mà chỉ dạy cho những môn đệ có đại nguyện, quyết tâm tu kỹ để giải thoát luân hồi sanh tử.

Hội Thánh Truyền Giáo chúng ta được Đức Chí Tôn trao truyền Tân Pháp của Kỳ Ba, chuyển từ cái thời kỳ hình thành giáo hội qua thời kỳ thực hành đường hướng tu học với pháp môn tựa trên nền tảng quân bình Tâm Vật, gọi là Phước Huệ song tu để,

vừa tự độ và vừa độ tha nhằm xây dựng Thế Đạo đại đồng, Thiên Đạo giải thoát, đang thực hiện sứ mạng tận độ nhân loại của Đức Chí Tôn.

Với vai trò rất to lớn và rất khó khăn, vừa tu thân vừa độ thế, Đức Chí Tôn và chư Thiêng Liêng thường xuyên chỉ dạy Hội Thánh Truyền Giáo ứng dụng phương pháp khoa học trong sinh hoạt của giáo hội. Tức là, ứng dụng các phương thức hiệu quả và tiên bộ, phù hợp với Thiên Lý, đạo đức và văn minh trong tổ chức giáo hội, và trong đời sống tu hành của nhân sanh. Vì đây là những phương thức cần thiết và hiệu quả, để thực hiện mục đích xây dựng cảnh thanh bình an lạc trên thế gian.

Tân Pháp Kỳ Ba được Đức Chí tôn và chư Thiêng Liêng ban cho Hội Thánh Truyền Giáo để thực hiện cơ tận độ nhân loại, chứ không dành riêng cho bất cứ thành phần nào. Đây là pháp môn bình đẳng và tuyệt đối công bình.

Pháp môn Linh Châu và Tướng Châu là Quyền Pháp của Tạo Hóa và Quy Luật của càn khôn vũ trụ. Vì Linh Châu là Quyền Pháp của Tạo Hóa nên rất vi diệu; và Tướng Châu là Quy Luật sanh hóa vận hành của Vũ Trụ nên rất phù hợp với căn trí của nhân sanh và đường hướng tu học để tự độ và độ tha của thời kỳ Đức Chí Tôn tận độ nhân loại ngày nay.



Linh Châu thuộc về phần Quyền Pháp vô vi, là quyền năng vô hình tạo dựng vũ trụ của Tạo Hóa, là phần “tu Tâm”, lấy “cảm ứng” làm then chốt để giao cảm cùng Đấng Tối Linh. Và, Tướng Châu là Thiên Lý hay Quy Luật mẫu nhiệm, sanh hóa, bảo toàn và vận hành cả vũ trụ, là phần “luyện Mạng”, đặt nền tảng trên việc điều hòa “Thần Khí” để hiệp nhất cùng Tạo Hóa.

Đây là Quyền Pháp vô vi và Quy Luật mẫu nhiệm, nắm phần sanh hóa và vận hành càn khôn vũ trụ. Quyền Pháp và Quy Luật này, cũng đang âm thầm vận hành nơi “bộ máy vi diệu” của mỗi con người, là nơi có cả Tâm và Vật, tức là nơi có cả Hồn và Xác hay Âm Dương, Thần Khí v.v...

Trong thời Tam Kỳ tận độ, hai “Nguyên Lý Vô Hình” mẫu nhiệm này được Đức Chí Tôn và chư Phật Tiên chỉ dạy cho nhân sanh tu luyện để thân tâm thanh tịnh đặng giao cảm cùng Thiêng Liêng và khải trược lưu thanh, điều hòa Thần Khí nâng cao trí tuệ, sống an lạc, hạnh phúc và giải thoát tâm linh nhằm hai mục tiêu: Thiên Đạo Giải Thoát, Thế Đạo Đại Đồng.

Nhưng, là người tu với Tân Pháp Kỳ Ba trong buổi Tam Kỳ phải tỉnh tâm như thế nào, để được giao cảm cùng Cội Nguồn của mình? Và, chúng ta phải, điều hòa Thần Khí như thế nào để vận dụng tiềm năng vi diệu của một Thiêng Liêng tại thế?

Người viết xin trình bày then chốt của việc tu luyện qua hai tầng bậc công phu: Linh Châu và Tướng Châu, để làm sáng tỏ phần “Nguyên Lý Tu Luyện” của nền Tân Pháp Kỳ Ba với sứ mạng tiếp tục phát huy “Chơn Truyền” của các tôn giáo, làm sáng tỏ tinh hoa của của Đông Tây Kim Cổ, và “cung ứng” những điều cần thiết và quan trọng cho việc tu luyện của thời đại được Đức Chí Tôn và chư Thiêng Liêng chỉ dạy để thực hiện cơ tận độ nhân loại.

Và song song với phần “Tân Pháp cao siêu do Ôn Trên trực tiếp chỉ dạy”, chúng tôi sẽ nêu ra một vài công hiến rất quý báu, và rất cần thiết từ sứ giả của Thượng Đế đang có mặt khắp trong các lãnh vực của cuộc sống, giúp cho người tu nâng cao hiểu biết cần thiết về bộ máy mẫu nhiệm của nhơn thân là nền tảng của tu luyện, và để nắm vững quy luật mật thiết giữa con người và vạn vật trong càn khôn vũ trụ,

nâng cao nhịp cầu cảm ứng cùng Điện Lành của Đức Chí Tôn. Phần đóng góp này được Đức Chí Tôn vận chuyển sứ giả của Ngài trong mọi lãnh vực cung ứng cho chu kỳ tiến hóa mới về tâm linh của nhân loại, cụ thể là, những đóng góp của khoa học về thiên nhiên, về con người, về việc phát triển của các phương pháp dưỡng sinh và thiền định để thân tâm an định đồng nổi liền với Quyền Năng Mẫu Nhiệm của Tạo Hóa, và kết chặt với Kho Tàng Trí Tuệ của càn khôn vũ trụ (Connect with Universal Power, tap into Universal Intelligence).



Khi người tu hiểu tường tận về quyền năng vi diệu của Tạo Hóa có sẵn nơi con người, và hiểu rõ sự mật thiết giữa vạn vật và vũ trụ là Khí Lành, được Đức Chí Tôn cho thị hiện bằng chữ KHÍ, thờ trong đạo Cao Đài, để tượng trưng cho Hiệp Thiên Đài, tức là cái “Đài” hay “Cái Cầu” để người tu hiệp nhất với Trời, thì việc vận dụng tiềm năng mẫu nhiệm nơi nội thân, và việc nâng cao sự hòa hài cùng Tạo Hóa sẽ kết quả tốt đẹp, sẽ có được trí tuệ

minh linh. Hành giả sẽ có được an vui tự tại, và chân hạnh phúc làm nền tảng cho việc giải thoát tâm linh, tức là vận dụng “Tiềm Năng” vi diệu của mình.

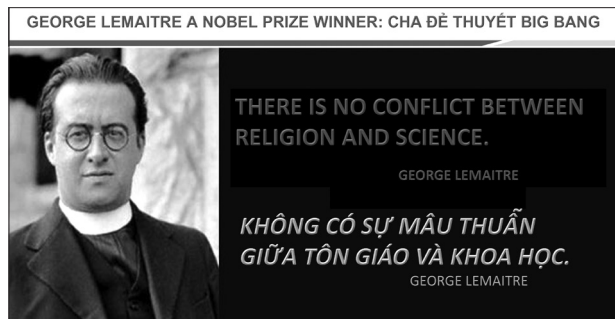
Bây giờ, để có cái nhìn tổng thể về hồng ân của Đức Chí Tôn ban trao, xin nêu ra vài diễn tiến rất phù hợp với chỉ dạy của Đức Chí Tôn và Ông Trên, và đặc biệt là trùng hợp với các thời điểm quan trọng của đạo Cao Đài, khi chúng ta quan sát các diễn tiến này từ góc độ xuyên qua nguyên lý “vạn thù quy nhất bản”, tức là, chúng ta nhìn muôn loài vạn vật cùng nhau thi đua công quả, khi cùng trên hành trình quay về với Nguồn Cội chỉ trình bày một phần nhỏ về Thiên Đạo nói về tu luyện để sống thuận cùng theo Thiên Lý. Còn phần Thế Đạo, thực hiện tình thương, xây dựng an lạc trên thế gian, sẽ bàn đến trong một dịp khác.

Thứ nhất, vào thời điểm khai minh nền Đại Đạo. Như chúng ta biết, trước khi Thượng Đế mở đạo Cao Đài để thực hiện cơ tậ độ nhân loại vào ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần 1926, Thượng Đế dạy Ngài Thái Bính Thanh làm một Trái Càn Khôn, tròn quay, đường kính ba thước ba tấc, sơn màu xanh da trời. Và Thượng Đế dạy vẽ 3 ngàn 72 ngôi sao trên quả Càn Khôn. Và đặc biệt là, Thượng Đế dạy Ngài Thái Bính Thanh vẽ Thiên Nhân là tượng trưng Mắt Thần của Thượng Đế ở bên trên ngôi sao Bắc Đẩu.



Biểu tượng, để thờ Đức Thượng Đế do chính Ngài chỉ dạy như vậy, là một “thông điệp vô ngôn” được Thượng Đế xác định cho nhân loại biết: Ngoài vũ trụ hiện hữu này, còn có một nguồn sống vô vi đó là Thượng Đế, là Đấng Tạo Hóa, hình thành và vận hành cả càn khôn vũ trụ. Đây là cách xác định nói về định luật tự nhiên do Tạo Hóa đã an bài chi phối tất cả. Định Luật này có thể tạm hiểu như trái bóng nằm yên trước khung thành vài mét, trong khi thủ môn đã rời thành, phải có một cầu thủ nào đó, đá nhẹ vào trái bóng, để trái bóng tự do và thư thả lăn vào khung thành. Nếu không có cú đá thì cho đến khi tan cuộc đấu (tận thế) trái bóng vẫn nằm một chỗ mà thôi.

Và, song song với biểu tượng thờ phượng Thượng Đế, kinh điển của Cao Đài do Ôn Trên ban, xác định Thượng Đế là vị Thánh Hoàng của Ngôi Thái Cực. Việc xác định từ kinh điển của Cao Đài như vậy cho chúng ta biết rõ: Thượng Đế là Nguyên Lý, hay là Đấng Tạo Hóa, Đấng Thiết Kế hay Đấng Tạo Dựng



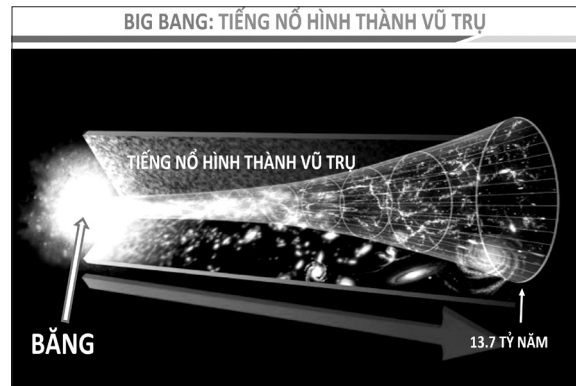
càn khôn vũ trụ và muôn loài vạn vật.

Sau lễ Khai Minh Đại Đạo (Rằm tháng Mười năm Bính Dần (19-11-1926)) vào năm 1927, sứ giả của Thượng Đế trong lãnh vực khoa học có Giáo sư George Lemaitre công bố lý thuyết về tiếng nổ trong vũ trụ, và giải thích đó là Nguồn Gốc hình thành, và vận hành càn khôn vũ trụ.

Về sau, khi giới khoa học khám phá về nguồn gốc và tiến trình hình thành vũ trụ xác định, lý thuyết của Giáo sư George Lemaitre phù hợp với khám phá từ phía khoa học. Nhưng, khi lý thuyết quá mới lạ làm thay đổi hiểu biết của nhân loại về nguồn gốc vũ trụ được công bố, thì Gs. George Lemaitre gặp sóng gió về mặt tinh thần. Tuy vậy, Gs. George Lemaitre vẫn giữ vững lập trường và tuyên bố: “There is no conflict between religion and science”. Nghĩa là: Không có sự mâu thuẫn giữa Tôn Giáo và Khoa học. Tuyên bố của Gs. George Lemaitre cho thấy ông khẳng định, khi truyền đạt chính xác về một thực thể, thì không thể nào có sự mâu thuẫn với sự thật.

Đứng trên Nguyên Lý “Nhất Bản tán vạn thù” và “Vạn thù quy Nhất Bản” và trên tôn chỉ: “Tam Giáo Quy Nguyên. Ngũ Chi Phục Nhất” của đạo Cao Đài để nhìn về đóng góp của Gs. George Lemaitre, chúng tôi thấy rằng, giải thích của Gs. George Lemaitre về hình thành vũ trụ, cung ứng ánh sáng rực rỡ giúp làm sáng tỏ nguyên lý “vạn vật đồng nhất thể”, và tô điểm cho con đường “Vạn thù quy nhất bản” là lý tưởng của Đạo Cao Đài.

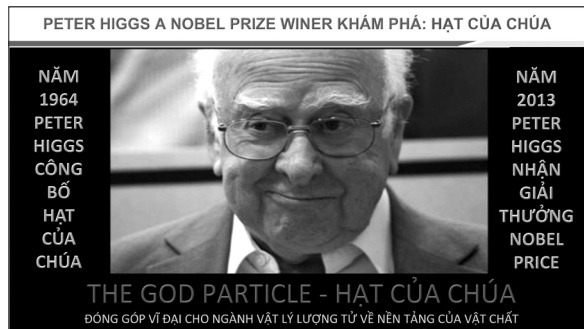
Vào thời đại văn minh hiện nay, đóng góp của Gs. George Lemaitre là một trong những công hiến rất cần thiết và rất quan trọng từ sứ giả của Thượng Đế trong lãnh vực khoa học đối với nền Tâm Pháp Kỳ Ba. Theo chúng tôi thì, đóng góp của Gs. George Lemaitre cung ứng “sự thật”, thuộc lãnh vực vô hình, từng bị che kín trong huyền bí. Đây là đóng góp rất cần thiết cho mục đích làm sáng tỏ nền tảng của nền



“Tâm Pháp” của Cao Đài, để đưa việc tu luyện vào “thực nghiệm trong đại chúng”, để thực hiện cơ tận độ nhân loại trong thời đại.

Và, thêm một sự kiện khác, rất ý nghĩa, xảy ra cùng một thời điểm rất quan trọng của nền đạo, đó là, vào năm Giáp Thìn 1964, khi Đức Giáo Tông Vô Vi ban truyền pháp môn Linh Châu thì cùng lúc này, sứ giả của Đức Chí Tôn trong lãnh vực khoa học, có Giáo sư Peter Higgs, công bố lý thuyết về Hạt Higgs. Đây là lý thuyết nói về “vật chất” nhưng nằm sâu trong “cõi siêu nhiên, ẩn mình trong vòng huyền bí”. Trước lý thuyết nói về “vật chất” nhưng lại mang tính chất “siêu vô hình”, quá xa lạ với tầm hiểu biết của thời đại, nên giới khoa học gán cho Hạt Higgs cái tên vừa điệu cợt và vừa Thần Thánh, đó là “hạt của Chúa” (God Particle).

Sau ngày lý thuyết Hạt Higgs (Higgs Boson) được công bố, giới khoa học phải kiên nhẫn chờ đợi cả nửa thế kỷ. Khi cuộc thí nghiệm vĩ đại nhất trong lịch sử thuộc lãnh vực vật lý, Large Hadron Collider, được thiết kế và chuẩn bị suốt 20 năm trường, với sự tham gia của hơn 10 ngàn nhà khoa học và trên 100 trường đại học nổi tiếng khắp thế giới đã hoàn tất. Các tổ chức khoa học tên tuổi từ khắp địa cầu cùng



VỊ TRÍ ĐƯỜNG HẠM DÀNH CHO THÍ NGHIỆM PHÁ VỠ HẠT HẠ NGUYÊN TỬ



nhau hợp tác để chuẩn bị cho cuộc thí nghiệm Large Hadron Collider, để thực hiện việc phá vỡ những hạt hạ nguyên tử, để cử những nhà khoa học trực tiếp thực hiện cuộc thí nghiệm. Trong một đường hầm được bao bọc bởi superconducting magnets (nam châm siêu dẫn) với chu vi có chiều dài 27 km, nằm sâu dưới mặt đất 175m, và nằm ở giữa biên giới giữa Thụy sĩ và Pháp các hạt hạ nguyên tử được điều khiển bay ngược.

Vào mùa hè 2012 những hạt hạ nguyên tử cực kỳ nhỏ có chứa điện tích âm hay dương (electric charge), như electron và proton (âm và dương điện tử) v.v... được điều khiển bay ngược chiều bằng vận tốc ánh sáng, tức là bay với độ nhanh 300 ngàn km một giây.

Trong lúc các hạt hạ nguyên tử đang bay với độ nhanh của ánh sáng, các nhà khoa học cho các hạt hạ nguyên tử đụng vào nhau để cho những hạt protons và electrons vỡ ra thì bấy giờ Hạt Higgs có cơ duyên để chào đời ngay trong đường hầm để nhảy múa trước mắt của trên 2000 nhà khoa học khắp thế giới có mặt tại Geneva theo dõi cuộc thí nghiệm.

Mùa Hè 2012, cuộc thí nghiệm Large Hadron Collider thành công rực rỡ. Giới khoa học bấy giờ bước một bước xa hơn vào thế giới siêu nhiên đầy huyền bí để biết về Hạt Higgs cùng nguồn gốc của nó. Và một năm sau, 2013, giáo sư Peter Higgs và Gs. Francois Englert là người đồng nghiệp có chung ý tưởng về Hạt Higgs nhận giải Nobel



BÊN TRONG ĐƯỜNG HẦM DÀNH CHO THÍ NGHIỆM PHÁ VỠ HẠT HẠ NGUYÊN TỬ

cho khám phá về Hạt Higgs và trường Higgs.

Chúng ta không phải là những nhà khoa học chuyên ngành trực tiếp dần thân trong nghiên cứu nên rất khó để hiểu tường tận về Hạt Higgs. Nhưng, tựa trên công bố của khoa học sau cuộc



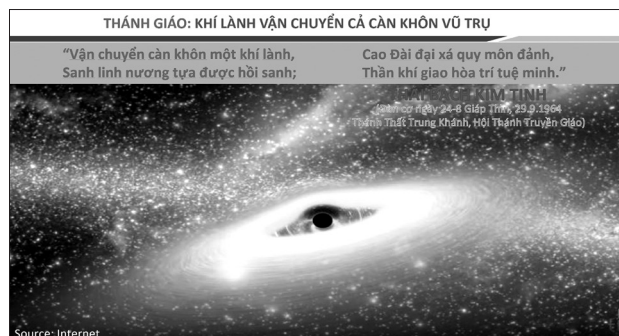
thí nghiệm Large Hadron Collider thì Hạt Higgs là hạt rất vi tế và nó lại dao động như ma quỷ. Và Hạt Higgs (Higgs Boson) có chung thân thể với Trường Higgs (Higgs Field). Từ khám phá này, Trường Higgs và Hạt Higgs được biết đến là một trong những năng lượng vô hình, vô cùng vi tế, thuộc về Nguồn Gốc của muôn loài vạn vật, như Khí Lành trong vũ trụ.

Với kết quả của những khám phá về Trường Higgs và Hạt Higgs như thế, chúng ta có thể xem Hạt Higgs và trường Higgs là tổ tiên của chúng ta. Nhưng cho đến ngày nay “Thị Tổ” của Trường Higgs và Hạt Higgs vẫn còn nằm trong huyền bí. Giới khoa học chưa đủ cơ duyên để khám phá về lãnh vực tối vi diệu này.

Có lẽ, do những nhân duyên bí mật vận hành để những chỉ dạy về Khí Lành của Ông Trên cùng với lý thuyết về Hạt Higgs và Trường Higgs xuất hiện cùng một thời điểm. Và, đặc biệt là, Trường Higgs và Hạt Higgs có nhiều tương đồng với căn bản của giáo lý Cao Đài. Chúng ta tạm mượn cơ sở vững vàng của thế giới siêu nhiên được biết đến là Hạt Higgs và Trường Higgs để truyền tải ý nghĩa của KHÍ là phần vô hình vi diệu nối liền giữa vạn vật với Thượng Đế, là Spirit of the World. Có thể tin rằng, đây là “ánh sáng” soi đường tiến hóa cho thời đại lượng tử (Quantum Physics) và nói theo tôn giáo là kỷ nguyên Tâm Linh ngày nay.

Tính chất của Trường Higgs và Hạt Higgs như vừa đề cập, đây là năng lượng rất tương đồng với những chỉ dạy về Khí Lành đang vận chuyển càn khôn, được Đức Lý Giáo Tông dạy trong Kệ Linh Châu. Trên cơ sở này, chúng ta có thể hiểu, hạt Higgs và Trường Higgs là nhịp cầu nối liền giữa thế giới vật chất và thế giới vô hình.

Khi chấp nhận sự tương đồng qua mối liên hệ chặt chẽ của Hạt Higgs và Trường Higgs với Khí Lành do Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy, thì sẽ có nhiều cơ duyên để hé mở màn bí mật của Tạo Hóa như chính khoa học đã khám



phá về phần “Siêu Vi Tế” của Hạt Higgs và Trường Higgs. Và khi có được “Mẫu Chốt” về Cội Nguồn của Vật Chất như khoa học cung ứng, nó sẽ giúp chúng ta một số cơ sở rất vững vàng và cần thiết cho việc tu luyện trong thời đại khoa học, được đạo Cao Đài truyền bá, và được Đức Chí Tôn cho thị hiện rõ ràng bằng chữ KHÍ là phần nối liền giữa THẦN (Spirit) và TINH (Body-Matter) được thị hiện cụ thể và đặc biệt là Đức Chí Tôn còn cho thấy sự mật thiết hay sự thống nhất Tinh Khí Thần bằng “Đàn Cơ” trong đạo Cao Đài. Đây là phần nền tảng rất quan trọng đối với cơ tiến hóa của nhân loại và rất quan trọng đối với việc tu luyện. Chúng ta sẽ bàn kỹ về phần này ở đoạn sau.

Vài diễn tiến trong lãnh vực khoa học trùng hợp với các thời điểm quan trọng của nền Đạo. Những diễn tiến ấy cung ứng những ánh sáng rực rỡ làm sáng tỏ nền tảng vững chắc được đạo Cao Đài thực hiện trong đời sống tu hành để “nâng cao” và “phát huy” tiềm năng của Tinh Khí Thần là phần rất vi diệu đang nằm ngay trong mỗi con người. Có lẽ, những diễn tiến từ khoa học như vừa trình bày, được sắp xếp chính xác từ cõi vô hình mẫu nhiệm, nên mới xuất hiện cùng một thời điểm, và đặc biệt là có những trùng hợp tinh vi, rất phù hợp với đường hướng và mục đích mở đạo Cao Đài để thực hiện cơ cứu thế của Đức Chí Tôn.

Những trùng hợp như vừa trình bày đưa chúng ta quay trở lại chỉ dạy được Ngài Tổng Lý Trần Hưng Đạo cho biết trước đây:

“Khi khoa học bắt tay tôn giáo

Chánh trị cùng noi Đạo Thánh Hiền

Là ngày thế giới ổn yên

Nhân sanh bá tánh phỉ nguyện ước ao.”

TỔNG LÝ TRẦN HƯNG ĐẠO

(Đàn cơ ngày 9-01 Giáp Dần, 1974

Tại Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài)

Theo chỉ dạy ấy, chúng ta thấy, khoa học và tôn giáo tuy chưa hứa hẹn hợp tác với nhau nhưng vì mục đích tiến hóa của nhân loại, dù phương pháp khám phá về thế giới vĩ mô và vi mô có khác nhau, trên thực tế, cả tôn giáo và khoa học đã có những tương đồng để trở thành những động cơ hữu hiệu. Chúng ta có thể nói, những tương đồng

giữa khoa học và Đạo học đã đưa khoa học giả tưởng và ước mơ của nhân loại về thế giới Thần Tiên trở thành hiện thực, và đã được lóe sáng trong vài thập niên qua.

Ngày nay, trước cơn lốc của văn minh, vũ trụ được thu nhỏ, và trong một thế giới phẳng của thời khoa học tiên bộ, nhu cầu về kiến thức và về đời sống của nhân loại được cung ứng khá đầy đủ. Nhưng vấn đề đạo đức vẫn còn là một đòi hỏi thiết tha. Thời sanh tiền Albert Einstein (1879-1955) nhận thấy, cần phải có một nền văn minh toàn vẹn, kết hợp giữa khoa học và tôn giáo, để mở ra một chu kỳ tiến hóa mới, để xây dựng một thời đại siêu văn minh, an lạc, đạo đức và



EINSTEIN: TÔN GIÁO VÀ KHOA HỌC

**Science without religion is lame,
religion without science is blind.**

**Khoa học mà không có tôn giáo
thì khập khiễng, tôn giáo mà
không có khoa học thì mù.**

Albert Einstein

thanh bình cho nhân loại. Albert Einstein đã để lại lời nhấn nhủ rất quan trọng và đầy tâm huyết: “science without religion is lame, religion without science is blind.” Tạm dịch: Khoa học mà không có tôn giáo là người khập khiễng. Tôn giáo mà không có khoa học thì là người mù.

Đây là cảnh báo rất quan trọng. Cảnh báo này nhắc nhở hàng sứ mạng được Ôn Trên giao phó trách nhiệm, và hàng chân tu có trí tuệ, đang thực hiện hạnh bồ tát, cùng với giới khoa học, biết trọng nhân bản và có trái tim nhân ái, đang miệt mài tìm kiếm những định luật bí mật trong vũ trụ, để giúp cho tiến hóa của nhân loại, ý thức về sứ mạng thiêng liêng mà họ đang dần thân để đem “trí tuệ” mà họ đạt được, hỗ trợ nhau, đồng giúp cho tiến hóa và an lạc của nhân loại, để thế giới sớm có được ngày “phỉ nguyên ước ao”.

Anh chị em chúng ta sẽ trả lời như thế nào về nhắc nhở này? Xin mỗi người hãy tự chọn câu trả lời cho phù hợp.

Bây giờ chúng ta sang phần tìm hiểu về Linh Châu và Tướng Châu.

Đức Chí Tôn dạy về sự vi diệu của Linh Châu như thế này:

THÁNH GIÁO

“...Thầy bạn cho các con nhiều pháp môn trực ngộ nhập thánh siêu phàm, như Hồi Hướng Linh Châu là một pháp môn đệ nhất, con đường tắt về Thầy, dầu hạng đại ngu hay người trí đều tu được.”

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

Đàn Tý Thời 13.3 Tân Hợi (18.4.1971 ĐĐ 46

Tại Trung Tông Thánh Tịnh)

Qua chỉ dạy về Linh Châu, Đức Chí Tôn xác định cho chúng ta biết rõ: Linh Châu là một pháp môn đệ nhất, là con đường tắt về Thầy. Dầu hạng đại căn, thượng trí hay người kém căn thấp trí đều tu được. Đây là chỉ dạy rất quan trọng của Đức Chí Tôn về sự vi diệu và bình đẳng của pháp môn Linh Châu.

Là người có chút may mắn được học phương pháp Hít Thở do Ôn Trên chỉ dạy gần nửa thế kỷ trước đây người viết rất say mê thực hành phương pháp Hít Thở ấy vì thấy rất có lợi cho sức khỏe và thoải mái tinh thần. Người ta chỉ học cách làm lành lánh dữ, chứ không tìm hiểu về Nguyên Lý của Hít Thở. Khi nghe đến “Pháp Môn Linh Châu” dành cho hàng tín đồ tu học vô cùng vi diệu và bao quát rộng lớn như vậy, chúng tôi không thể nào tưởng tượng được, tại sao Linh Châu là một pháp môn cơ bản, dành cho hàng sơ cơ tu học mà Đức Chí Tôn cho biết đó là pháp môn dành cho mọi thành phần, từ đại ngu cho đến người trí đều tu được. Chỉ dạy của Đức Chí Tôn như vậy chắc chắn đó là pháp môn cao siêu nhưng không thể hiểu được. Và, cũng không hiểu, tựa trên cơ sở nào mà Linh Châu là một “pháp môn đệ nhất, là con đường tắt về Thầy”?

Để tìm câu trả lời phải mất một thời gian khá dài để quán xét kỹ thuật Hít Thở và ôn lại những điều được Ôn Trên chỉ dạy mới hiểu được chút ít về tu luyện để làm cơ sở. Rồi sau đó, kết hợp với những học hỏi rất hữu ích trong khi chúng tôi nghiên cứu để sáng chế máy trợ thiền vào 2 thập niên trước, có sự tham gia để đóng góp ý kiến về

việc ứng dụng máy trợ thiền của chúng tôi trong thiền định của trên 10 tổ chức khoa học, gồm các trường đại học, các bệnh viện và vài trung tâm thiền định ở Canada và Mỹ. Chúng tôi nhận được nhiều đóng góp, cùng với tư liệu rất quý báu từ các tổ chức khoa học, rồi đúc kết để đối chiếu với mục đích của thiền định là để cho thân tâm an định, trí tuệ sáng suốt, với cách thức tu luyện của các tôn giáo xưa nay, đặc biệt là các cách tu luyện và những chỉ dạy từ giáo lý của đạo Cao Đài thì chúng tôi mới hiểu rằng: Linh Châu được Đức Chí Tôn ban cho nhân loại ngày nay là pháp môn rất vi diệu, dành cho việc tu luyện để khai mở trí tuệ và giải thoát tâm linh từng được thực hành trong bậc thượng thừa của các tôn giáo.

Hàng thượng thừa của các tôn giáo tu luyện để cho: “lòng được yên, khí huyết được điều” để có được thanh tịnh hư vô để chứng đắc Đạo quả. Mà tu luyện để thanh tịnh hư vô, hay để cho Tâm an định, đó chính là kỹ thuật tu luyện như pháp môn Linh Châu.

Vào thời Tam Kỳ tận độ này, Linh Châu được Đức Chí Tôn ban truyền cho đại chúng tu hành. Và Đức Chí Tôn cho phép các Đấng Thiêng Liêng chỉ dạy cách thức tu luyện để tận độ nhân loại. Mục đích của đạo Cao Đài là thực hiện: Công Bình Bác Ái Từ Bi, tựa trên nhân bản, tiến bộ và an lạc. Pháp môn tu luyện trong đạo Cao Đài là pháp môn “bình đẳng”, thích hợp với mọi tầng lớp căn trí để cho: bất cứ ai, bất cứ từ đâu, bất cứ chỗ nào, nơi nào cũng tu được.

Nếu không tu luyện, thì con người cũng đã có phần nền tảng của Tạo Hóa, cũng đã là “Một Thiêng Liêng” tại thế. Ai cũng có Phật tánh hay Thiên Tánh như nhau, cũng tiếp thu Khí Lành “có chừng mực” để sống. Còn tu luyện, là dẫn thân tích cực, để luyện tập thân tâm cho sức khỏe tráng kiện, đời sống thanh tao đạo đức, sống hữu ích cho đời, để nâng cao việc tiếp thu Khí Lành, hay nâng cao việc nương tựa Khí Lành, để phát huy sự mật thiết cùng Tạo Hóa, để vận dụng Tiềm Năng Vi Diệu (Tâm) nơi nội thân, gọi là “cải phàm vi Thánh”.

Vì, tu luyện là để, làm sáng cái “Đức Sáng” nơi mỗi con người, nên Đức Chí Tôn mới cho biết: “Linh Châu là một pháp môn đệ nhất, nhập thánh siêu phàm, dầu hạng đại ngu hay người trí đều tu được”.

Nghĩa là, Linh Châu là pháp môn bình đẳng được Đức Chí Tôn ban trao để nhân loại có phương tiện giải thoát tâm linh, chứ không dành riêng cho thành phần nào. Đây là đại hồng ân của Thượng Đế ban trao cho nhân loại, là phương tiện để Đức Chí Tôn tận độ nhân loại trong Kỳ Ba.

Còn về Tướng Châu thì tiếp theo phần linh châu Đức Chí Tôn dạy:

THÁNH GIÁO

“...Song “Thầy” cũng ban cho các con một pháp môn nội ngoại đồng tu, phước huệ song toàn là pháp Tướng Châu...”

Nếu bước này không điều Khí an Thần thì mong gì vào cửa Tâm Châu. Đã vào cửa Tâm Châu là nấc thang chót.”

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

Đàn Tý Thời 13.3 Tân Hợi (18.4.1971 ĐĐ 46

Tại Trung Tông Thánh Tịnh)

Qua chỉ dạy này, Thượng Đế cho chúng ta biết: “Ngoài Linh Châu, Đức Chí Tôn ban cho nhân loại một pháp môn để nội ngoại đồng tu, phước huệ song toàn là pháp Tướng Châu”.

Ngày xưa, hàng cao tăng và chư đạo sĩ miệt mài chú tâm nơi việc an thần và điều khí, tức là dốc lòng tu dưỡng để cho tâm thanh tĩnh hư vô, và tập trung vào việc luyện tập khí huyết để thủy hỏa ký tế, âm dương hiệp nhất, nhằm dốc điều hòa, để đạt đến cứu cánh giải thoát tâm linh chính là việc thực hành công phu theo nguyên tắc tu luyện của Tướng Châu.

Đức Chí Tôn cho chúng ta biết: Việc điều khí an thần tức là việc thanh tĩnh hư vô, và điều hòa thần khí hiệp nhất Âm Dương mà không trọn vẹn ở bậc Tướng Châu thì không thể bước sang Tâm Châu là phần tu Tâm, tức là tu dưỡng để cho tâm hư vô thanh tịnh để hòa đồng trong Đại Thể Vi Diệu của vũ trụ (Harmony with Universal Mind) để trí tuệ viên minh đăng phục vụ cho nhân loại là sứ mạng của người chức sắc Cao Đài nói riêng và hàng chân tu bất luận từ đâu. Đây là nhắc nhở rất quan trọng của Đức Chí Tôn.

Chúng ta cần quán triệt pháp môn tận độ của Đức Chí Tôn ban cho nhân loại trong Kỳ Ba này, để tránh những canh cải vì hiểu lầm, hay vì bị ảnh hưởng bởi các kinh điển trải qua nhiều thế hệ, bị thời gian làm biến đổi, thất truyền, không phù hợp với cơ Tận Độ nhân loại của Đức Chí Tôn. Và đặc biệt là không phù hợp với Đạo Lý, Thiên Lý hay Chân lý là nền tảng của nền Tân Pháp để cứu độ nhân loại vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, để khởi hoài công, khởi đứng núi này trông núi nọ, rồi bỏ nơi này chạy theo nơi khác chỉ vì thân phận của người đang cỡi trâu mà lại tìm trâu, hay chịu làm thân phận của kẻ có ngọc quý trong túi áo mà đành chịu cơ hàn đói khổ!

Bây giờ, chúng ta tìm hiểu về việc thực hành Linh châu do Đức Giáo Tông Vô Vi dạy, trong kệ luyện Linh Châu:

“Vận chuyển Càn Khôn một khí lành,

Sanh linh nương tựa được hồi sanh;

(Linh căn nương tựa được hồi sanh)

Cao Đài đại xá quy môn đánh,

Thần Khí giao Hòa trí tuệ minh.”

(Thần Khí giao hòa Tánh thiện minh)

THÁI BẠCH KIM TINH

(Đàn cơ ngày 24-8 Giáp Thìn, 29-9-1964

Thánh Thất Trung Khánh, Hội Thánh Truyền Giáo.)

Đây là chỉ dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi.

Qua kệ luyện Linh Châu, Đức Lý Giáo Tông chỉ dạy cho nhân loại về quyền pháp vô hình của Tạo Hóa đang âm thầm vận chuyển càn khôn vũ trụ đó là “Khí Lành”, là sanh linh nơi trần gian, chúng ta biết nương tựa sẽ hồi sanh.

Nói đến Khí Lành thì chúng ta không thấy và cũng không cảm giác. Nhưng Khí Lành tràn đầy khắp không gian, bao trùm trước mặt sau lưng, trên trời dưới đất và khắp cả vũ trụ, nơi nào, chỗ nào cũng có khí lành. Theo giải thích của khoa học thì Khí Lành hay năng lượng vô hình, vô cùng huyền bí, là Dark Matter và



Dark Energy chiếm 95% trong vũ trụ; Và, vật chất bình thường trong cả vũ trụ này, kể cả các thái dương hệ, các vì sao, các dãy thiên hà chỉ có 5% trong vũ trụ mà thôi. Tựa trên chỉ dạy của Đức Chí Tôn, và giải thích của khoa học về nguồn gốc vũ trụ thì, năng lượng siêu vô hình này được vận hành theo Thiên Lý, tức Định Luật Tự Nhiên để kết hợp thành vật chất, rồi âm thầm tạo dựng và vận hành cả vũ trụ.

Vào thời Nhị Kỳ Phổ Độ, khoảng 26 thế kỷ trước đây, Đức Lão Tử đã dạy về Khí Lành này. Ngài cho biết: “Vạn vật sanh ư hữu. Hữu sanh ư vô”. Nghĩa là vạn vật trong vũ trụ này là do nơi cái CÓ sanh ra, và cái CÓ thì lại do nơi cái KHÔNG CÓ sanh ra.

Chỉ dạy này quá trừu tượng và quá cao siêu, trong khi kiến thức của nhân loại về thiên nhiên vào thời Nhị Kỳ phổ độ thì quá sơ khai nên rất khó hiểu. Đã vậy, cách thức để nương nơi cái “KHÔNG CÓ”, hay cách thức để nương nơi KHÍ LÀNH, thì vào thời Nhị Kỳ phổ độ, nó thuộc về phần vô vi cao siêu, bị liệt vào bí pháp. Vào thời xa xưa ấy không có tôn giáo nào chỉ dạy cho đại chúng về lãnh vực huyền bí này. Các pháp môn tu luyện của các tôn giáo đều thuộc về phần bí truyền, chỉ dành cho hàng chư Tổ mà thôi.

Ngày nay, nhân loại bước sang một chu kỳ tiến hóa mới để trở về với “Cõi Siêu Nhiên”, phải có hiểu biết về “Cõi Siêu Nhiên” để trở về, nên Đức Lý Giáo Tông Đại Đạo mới vén tấm màn bí mật của Tạo Hóa



lên và trực tiếp dạy cho chúng ta phương pháp để nương tựa nơi KHÍ LẠNH.

Để nắm vững về “KHÍ LẠNH” là phần huyền bí, vô cùng quan trọng đối với sự sống, và đặc biệt là đối với việc tu luyện của nền Tân Pháp Kỳ Ba, chúng tôi xin mượn các hình ảnh minh họa ở đây để làm sáng tỏ.

Chữ KHÍ nằm ở giữa hình minh họa này viết bằng chữ Việt cùng ý nghĩa như chữ KHÍ thờ nơi bàn thờ Hộ Pháp.

Chúng tôi xin nói về chữ KHÍ này để chúng ta hiểu về chữ Khí thờ nơi bàn Hộ Pháp, để giúp cho việc làm sáng tỏ việc tu luyện trong thời tận độ của đạo Cao Đài ngày nay. Vì chữ Khí chúng ta bàn đến, tượng trưng cho “Hiệp Thiên Đài”, tức là cái “Đài” để hiệp nhất với Trời.

Hình số 1, nơi góc bên trái và ở trên, là hình tượng trưng cho siêu điện quang trong thời Vô Cực. Chúng ta có thể hiểu phần này tượng trưng cho Nguyên Lý Thiên Nhiên và Nguyên Khí tự Nhiên. Đây là lãnh vực thuộc về triết lý nói về phần Hư Vô trong tôn giáo, khoa học không với tới, nên không nói đến phần này.

Hình số 2 bên phải và ở trên là hình tượng trưng cho Điện Quang vô hình hay Dark Energy tức là năng lượng tối. Đây là năng lượng mà giới khoa học cho là năng lượng huyền bí, nghĩa là, đây là năng lượng tối vi diệu, chưa thể hiểu được.

Trên phương diện lý thuyết thì, năng lượng này tràn đầy khắp không gian (khoảng 70%). Nó là nguồn gốc tạo ra vật chất và điều hòa vũ trụ. Nhưng cho đến ngày nay vẫn chưa khám phá được, nên không biết rõ. Chúng ta tạm hiểu, đây là năng lượng của thời Thái Cực, nhưng chưa hiển lộ.

Hình số 3, ở bên trái phía dưới, là hình tượng trưng cho siêu vật chất hay vật chất tối Dark Matter, tức là phần vật chất vi tế đầy khắp không gian (khoảng 25%). Hiện nay giới khoa học đang tìm cách khám phá



nên chưa biết được. Chúng ta có thể hiểu, năng lượng này thuộc về thời của Âm Dương, sau thái cực, nhưng Âm Dương còn trong huyền bí, chưa hiển lộ.

Và hình số 4, ở bên phải phía bên dưới, là hình tượng trưng cho năng lượng vô hình tràn đầy trong khắp vũ trụ. Giới khoa học biết rõ, đây là năng lượng được hình thành sau vụ nổ khai sinh ra vũ trụ, tức là sau Big Bang, cùng với những năng lượng từ các hành tinh trong các dãy thiên hà hiện đang tồn tại, hay bị phân hủy, kết hợp chung với nhau. Con người nơi thể gian cũng đóng góp với năng lượng này qua năng lượng phát ra từ cơ thể.

Tóm lại, thì KHÍ hay KHÍ LÀNH bao trùm những năng lượng vừa trình bày. Phần năng lượng tinh vi nhất của Khí là phần Điện Quang, Thần hay Spirit. Và phần năng lượng thô nhất của Khí là những làn sóng trong không gian, tiếp nhận được qua các thiết bị điện tử, và năng lượng để nuôi dưỡng sự sống của chúng ta và vạn vật (sinh linh) như dưỡng khí và đạm khí v.v...



Nơi hình tượng trưng cho KHÍ mà chúng ta bàn đến có hàng chữ: HÍT THỞ LÀ NHỊP CẦU ĐỂ TIẾP THU KHÍ. Chữ KHÍ này bao trùm mọi thứ khí trong không trung. Bình

thường chúng ta tiếp thu phần “thô” của KHÍ qua hít thở để nuôi thân, được biết rõ là dưỡng khí, đạm khí v.v... Riêng phần “thanh” của KHÍ, là Điện Quang Siêu Vô Hình thì chúng ta có tiếp thu để dưỡng Thần nhưng rất hạn chế. Chúng ta phải biết kỹ thuật tu luyện, cụ thể là kỹ thuật hít thở như thời mới sinh, để tập luyện nâng cao tiềm năng nơi nội thân, tức là nâng cao tiềm năng của Tinh Khí Thần thì mới nâng cao việc tiếp thu cùng Khí Lành để Thiên Nhân hiệp nhất.

Tóm lại, KHÍ mà chúng tôi vừa trình bày tương đồng với ý nghĩa của KHÍ LÀNH được Đức Giáo Tông Vô Vi dạy. Và nó cũng phù hợp với chữ KHÍ được Đức Đông Phương Chưởng Quân giải thích:

Hậu thiên khí khởi từ nơi đó.

Khí hư vô chính nó chứ ai!

Tiên Thiên Khí cũng là đây.

Nhiếp thâu khí ấy là bài trường sanh.”

ĐÔNG PHƯƠNG CHUÔNG QUẢN

(Tài Liệu Sơ Thiền, Soạn Giả Chí Tín

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo)

KHÍ LÀNH được Đức Đông Phương Chuông Quản dạy là Quyền Pháp mẫu nhiệm của Đức Chí Tôn. KHÍ LÀNH này bao trùm mọi thứ khí trong vũ trụ, gồm cả: Hậu Thiên Khí, Tiên Thiên Khí và Hư Vô Chi Khí, như là đại dương chứa đựng các nguồn nước từ nhiều sông rạch. Nghĩa là, Khí Lành là nơi chứa đựng hay bao quát tất cả: cái thấy, cái không thấy, cái biết, cái không biết, năng lượng, siêu năng lượng, cái đã nghĩ đến, cái không hề nghĩ đến v.v... đều đầy đủ trong KHÍ LÀNH.

Khi người tu hiểu rõ về Khí Lành và biết rõ kỹ thuật để Nhiếp Thâu Khí Lành qua công phu thiền định thì sẽ đắc Đạo. Như hít thở thì sẽ sống, ăn thì sẽ no, và uống thì sẽ hết khát. Hay khi chúng ta kết nối với mạng internet thì sẽ tiếp cận với thông tin khắp mọi nơi. Đó là lẽ tự nhiên của trời đất, là quyền để sống, là “Luật Công Bình” của Tạo Hóa, chứ không phải là đặc ân của bất cứ tôn giáo nào, hay của thành phần nào.

Then chốt của tu luyện từ muôn thuở, muôn phương chỉ có chừng đó. Chính vì vậy, nên Đức Đông Phương Chuông quản dạy rất rõ: “Nhiếp thâu khí ấy là bài trường sanh”. Và cùng một ý nghĩa này, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy: “sanh linh nương tựa được hồi sanh”. Nghĩa là sanh linh trong càn khôn vũ trụ nương tựa nơi KHÍ LÀNH thì sẽ tiến hóa, và trở về nơi quê xưa vị cũ, là việc đương nhiên (chúng tôi thấy “sanh linh” thay vì “linh căn” thì rất phù hợp với Bản Thể đại đồng, bình đẳng và phù hợp với chỉ dạy của Đức Chí Tôn: “Dầu hạng đại ngu hay người trí đều tu được”).

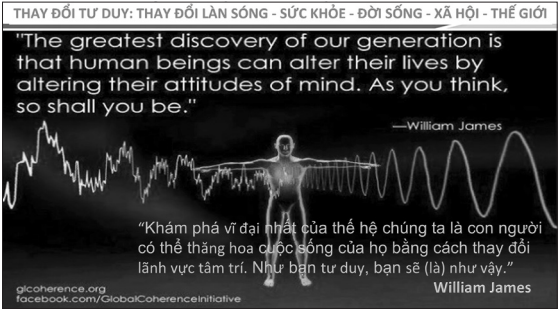
Về liên hệ mật thiết giữa con người và KHÍ LÀNH thì triết học Đông Phương cho biết, con người là một một Tiểu Thiên Địa, tương quan mật thiết cùng Đại Thiên Địa, nên việc muôn loài vạn vật nương tựa Khí Lành hay tiếp thu Khí Lành để tồn tại và tiến hóa là lẽ tự nhiên.

Còn khoa học thì cho biết, con người là một trung tâm năng lượng, và vũ trụ là một bể năng lượng nên mật thiết chặt chẽ với nhau. Nghĩa là, khi năng lượng từ con người giao thoa với năng lượng trong thiên nhiên thì ảnh hưởng trực tiếp đến từng nguyên tử nằm trong tế bào của cơ thể, và ảnh hưởng đến các đối tượng khắp không trung như thấy ở hình minh họa này.

Sự mật thiết giữa con người và vũ trụ qua làn sóng thấy ở bên phải của hình minh họa này, tượng trưng cho Năng lượng tỏa ra từ con người. Và điện từ trường qua làn sóng, thấy ở phía bên trái của hình minh họa, tượng trưng cho năng lượng con người tiếp nhận từ thiên nhiên.

Vào thế kỷ thứ 19, William James là triết gia và cũng là nhà tâm lý học người Mỹ cho chúng ta biết, khám phá vĩ đại nhất vào thời đại của ông là: “con người có thể thăng hoa cuộc sống bằng cách thay đổi tư duy”. Và ông còn chỉ rõ: “Như bạn tư duy, bạn sẽ như vậy”. Nghĩa là, Tâm chúng ta thế nào thì đời sống của ta sẽ thế đó.

Vào thời đại của William James (1842-1910), ở thế kỷ thứ 19, nhân loại chưa có đủ máy móc tinh vi để hiểu chính xác về những thay đổi năng lượng trong thiên nhiên ảnh hưởng đến tâm trí và sức khỏe của



con người, và ngược lại, thì cũng chưa hiểu chính xác về tư tưởng và năng lượng từ con người có ảnh hưởng đến thiên nhiên.

Nhưng bước sang thế kỷ 20 thì khác hẳn. Khi ngành công nghệ điện tử tiến bộ, những máy móc tối tân được chế tạo và sử dụng trong thí nghiệm, thì bây giờ, giới khoa học bắt đầu theo dõi những ảnh hưởng giữa thiên nhiên và con người qua trường năng lượng. Dần dần, giới khoa học biết được tư tưởng của con người phát ra năng lượng ảnh hưởng đến nội thân và ngoại giới. Từ đó, giới khoa học khắp thế giới tập trung vào việc tìm hiểu về những ảnh hưởng của thân tâm qua tác động của làn sóng xuyên qua không gian.

Tiêu biểu là qua việc tìm hiểu về sóng điện từ phát ra từ vị thiền sư, ở hình minh họa phía bên phải này. Và sóng điện từ của người trung niên làm việc bằng đầu óc, ở hình nằm ở giữa. Cùng với sóng điện từ của trẻ em thơ ngây hồn nhiên, ở hình bên trái.

Những cuộc nghiên cứu về ảnh hưởng của thân tâm và ngoại giới, kéo dài suốt cả thế kỷ cho thấy, việc thực hành thiền định giúp cải thiện đời sống, sức khỏe, lẫn tâm trí.

Các nghiên cứu về thiền định và tiềm năng con người được đúc kết và công bố trên các phương tiện truyền thông, trên các báo chí, làm trỗi lên các phong trào thiền định, xuất hiện khắp mọi góc phố, ngã đường, và khắp trong công sở, lẫn trong học đường, chứ không chỉ im lìm bên trong những cửa chùa vắng vẻ, hay ngồi im lặng trong các am động, kéo dài nhiều thiên niên kỷ.

Nghiên cứu về thiền định của khoa học như vừa đề cập, cung cấp cho chúng ta đầy đủ thông tin, và cho phép chúng ta xem đây là những tài liệu quý báu để chúng ta có cơ sở, đặt hiểu rõ chỉ dạy của Thiêng Liêng về mục đích của thiền định, là để: “Đoạn nghiệp trừ phiền”. Nghĩa là, chúng ta có cơ sở tựa trên kết quả của nghiên cứu của khoa học để tin tưởng rằng: thiền định là phương tiện hữu hiệu, để nâng cao sức khỏe và tâm trí, để sống thương yêu nhau hầu có được tiến bộ an lạc, đạo đức và giải thoát tâm linh.

Nhưng thiền định như thế nào? để có lợi cho sức khỏe và trí tuệ?

Để tìm câu trả lời cho câu hỏi thuộc về phạm vi của con người,

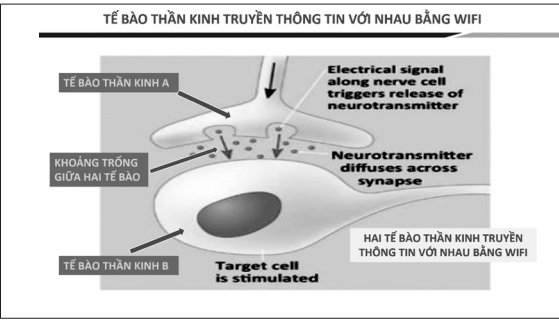
chúng tôi xin nêu lên vài nét, liên hệ trực tiếp đến sự sống và hoạt động của con người, để chúng ta tìm câu trả lời cho phù hợp.

Theo khoa học thì sự sống của chúng ta tùy thuộc nơi sự sống của tế bào trong cơ thể. Cơ thể của chúng ta có trên 50 ngàn tỷ tế bào. Mỗi tế bào có nhiều nguyên tử. Và mỗi nguyên tử thì có nhiều: âm điện tử, dương điện tử và nhân, hoạt động không ngừng nghỉ, nên tế bào liên tục tạo ra điện. Và, tế bào cũng liên tục nhận được năng lượng cung cấp từ cơ thể, như: điện, hormones, chất đạm, đường, dưỡng khí, và thông tin v.v... để làm việc.

Năng lượng để cung cấp cho tế bào do cơ thể của chúng ta tiếp thu từ bên ngoài, qua thực phẩm và dưỡng khí. Sau khi thực phẩm được tiêu hóa, hay được chế biến và thanh lọc kỹ lưỡng thì những năng lượng cần thiết cho sự sống của cơ thể được máu mang đi cung cấp cho tế bào khắp châu thân.

Nếu tế bào nào không tiếp xúc với hormones và điện được cung cấp từ cơ thể thường xuyên, để nhận đầy đủ thông tin và năng lượng thì tế bào đó sẽ không hoạt động đúng chức năng để phục vụ cho cơ thể, nó sẽ chết hay sẽ sanh bệnh, hoặc bị rối loạn và có thể trở thành tế bào ung thư, rất nguy hiểm cho cơ thể.

Riêng tế bào thần kinh thì truyền thông tin với nhau bằng điện. Mỗi tế bào thần kinh phải làm việc để truyền thông tin đến cả chục ngàn tế bào thần kinh khác cùng một lúc, nên rất bận rộn và nặng nhọc. Đã vậy mà thông tin truyền đi từ tế bào thần kinh A qua tế bào thần kinh B lại phải “mã hóa” trước khi qua một lớp ngăn cách, để mỗi tế bào độc lập là synapse, nên vô cùng bận rộn. Khi thông tin qua khỏi lớp ngăn cách là synapse, thì nó mới được “giải mã” để truyền cho tế



bào tiếp nhận, chứ tế bào não độc lập, nên không truyền thông tin trực tiếp với nhau. Nghĩa là, vì sự độc lập của tế bào não, thông tin giữa các tế bào não truyền cho nhau bằng làn sóng điện, như WiFi của điện thoại. Đây là việc làm rất tinh vi, và rất bận rộn của Thần Khí, chứ tế bào thần kinh không truyền thông tin trực tiếp như học môn. Sự bén nhạy của não bộ hay thông minh của con người và trí tuệ của các bậc siêu nhân tùy thuộc rất lớn nơi năng lượng cung cấp cho não và mức độ làm việc của thần kinh.

Ngày xưa, chưa có những máy móc tối tân như bây giờ nhưng các bậc chân tu có trí tuệ, và các đấng giác ngộ, hiểu rất rõ hai phần điện và hormones là nguồn năng lượng quan trọng, rất cần thiết cho Thần Khí, nên cho đó là Thủy Hỏa, Âm Dương, Tánh Mạng, Thần Khí v.v...

Hai phần Thần Khí rất quan trọng này được giới tu luyện xem là “then chốt” của việc tu luyện là Đạo Pháp. Vì đây là phần: Đạo Pháp là Thiên Lý đang vận hành Tiểu Châu Thiên là bộ máy mầu nhiệm của chúng ta, nên các pháp môn tu luyện đều chú trọng đến trai giới để có đủ điều kiện cho việc tu luyện là, điều hòa Thủy Hỏa, Âm Dương, Thần Khí hay Tánh Mạng v.v...

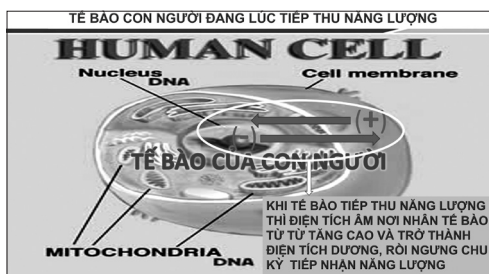
Trong Tam Kỳ Phổ Độ ngày nay, ngoài những chỉ dạy từ Thiêng Liêng về trai giới, và khử trừ lưu thanh, để nâng cao tiềm năng của Thần Khí bằng kỹ thuật tu luyện của Linh Châu và Tướng Châu, còn có thêm ánh sáng từ phía khoa học.

Theo quan sát của khoa học hiện đại thì sự sống và chức năng hoạt động của tế bào, là đơn vị làm nền tảng của cơ thể, tùy thuộc nơi điện và máu huyết cung cấp cho tế bào.

Cụ thể là, khi tế bào yên tĩnh thì điện tích Dương của tế bào ở trong nhân bình thường ở khoảng 1 volt, từ từ xuống thấp, đến khoảng -0.025 volt hay là trừ 2.5% của 1 volt.

Nghĩa là, khi tế bào không tiếp thu năng lượng từ bên ngoài, thì điện tích Dương nằm ở nhân của tế bào từ từ xuống thấp, và trở thành điện tích âm (như thấy ở hình minh họa bên phải này).





Nghĩa là khi tế bào trao đổi năng lượng với bên ngoài để tiếp nhận sodium, calcium, potassium v.v... nói chung, là chất đạm, đường và dưỡng khí v.v... từ bên ngoài đi vào trong nhân để cung cấp năng lượng cho tế bào, mang theo điện tích Dương để cung cấp cho tế bào đi

theo đường mũi tên hướng vào nhân. Cùng lúc này, điện tích âm nơi nhân tế bào vượt ra ngoài thành của tế bào, mang theo các chất thải, đi theo chiều của mũi tên để ra ngoài. Khi điện tích dương từ ngoài đi vào trong nhân của tế bào, để trao đổi với điện tích Âm nơi nhân tế bào thì điện tích Âm nơi nhân của tế bào trở thành điện tích Dương, và từ từ tăng lên đến khoảng 1 volt. Tức là trở lại độ cao bình thường.

Nghĩa là, khi tế bào không trao đổi năng lượng, hay không tiếp thu năng lượng, từ bên ngoài thì điện tích dương nơi nhân tế bào từ từ hạ xuống, và trở thành điện tích Âm. Và khi tế bào tiếp thu năng lượng từ bên ngoài thì điện tích Âm trong nhân của tế bào từ từ tăng lên và trở thành điện tích Dương.

Qua hoạt động của tế bào là đơn vị rất nhỏ của cơ thể như vậy, chúng ta thấy, quy trình trao đổi năng lượng và chất thải để khử trực lưu thanh, được thực hiện rất tinh vi ngay nơi mỗi tế bào. Và đặc biệt là, việc tế bào giữ cho Âm Dương điều hòa rất là tinh vi và chính xác.

Chúng ta là những sanh linh đã tiến hóa rất cao, vào hàng tối linh trong vạn vật, nhưng có mấy ai đã chu toàn trách nhiệm như một tế bào của cơ thể cho đẹp lòng Từ Phụ? Đối với chúng ta thì, cho đến khi những cái bứu đã phát triển làm phiền, hay ung thư đã phá cơ thể, chúng ta phải chịu đau đớn thì mới biết mình đã bị bệnh. Còn tế bào lo việc đề kháng cho cơ thể thì, nhanh chóng phân biệt vi trùng vi khuẩn ngay lúc vừa xâm nhập cơ thể để tiêu diệt. Và những tế bào giữ vai trò bảo vệ cơ thể biết tế bào nào bị bệnh để sửa chữa và phục hồi chức năng, hay diệt đi đặng bảo vệ cho cơ thể. Và càng tinh vi và mầu nhiệm hơn nữa, đó là việc DNA của tế bào có khả năng tự tiếp thu thông tin từ Thần Khí, và từ thiên nhiên bên ngoài, để sanh ra tế bào, có chức

năng hoàn toàn mới, đáp ứng cho đòi hỏi rất tinh vi và vô cùng linh hoạt của cơ thể. Theo y khoa thì mỗi phút cơ thể của chúng ta có cả triệu vi trùng, vi khuẩn lạ xâm nhập để tấn công liên tục. Nhưng cơ thể của chúng ta luôn luôn tạo ra những đội binh sĩ mới, tinh nhuệ, có khả năng để chiến đấu trên chiến trường luôn thay đổi khó lường của vi trùng vi khuẩn lạ để bảo vệ cho sự bình an cho sự sống của chúng ta. Bệnh tật kể cả ung thư, ngoại trừ di truyền, chỉ xảy ra khi cơ thể bị suy yếu hay tuổi già mà thôi.

Riêng về Thủy Hỏa hay Điện Nước, Thần Khí, tức là Thần Kinh và máu huyết chịu trách nhiệm đưa năng lượng và thông tin đến từng tế bào trong cơ thể, để cho tế bào hoạt động thì vô cùng vi diệu như Phật Tiên vừa nêu. Chúng tôi xin nêu ra ví dụ về việc làm rất nhỏ, chỉ trong nháy mắt so với cả ngày dài vô cùng bận rộn của đầu não. Muốn có một ý kiến hay muốn trả lời một câu hỏi ngắn, chừng vài chữ, hay muốn cử động đầu ngón tay đòi hỏi cả tỷ tế bào não, cấp tốc tìm kiếm những thông tin được lưu trữ trong bộ nhớ của não mà chúng ta cần để đúc kết lại, rồi chọn thông tin chính xác nhất. Sau đó, não mới truyền thông tin được chọn lọc đến các bộ phận như miệng, lưỡi, thanh quản, hay ngón tay để chuẩn bị cho câu trả lời bằng ngôn ngữ chính xác và thuyết phục theo yêu cầu của câu hỏi, hay cho cử động ngón tay như ý muốn.

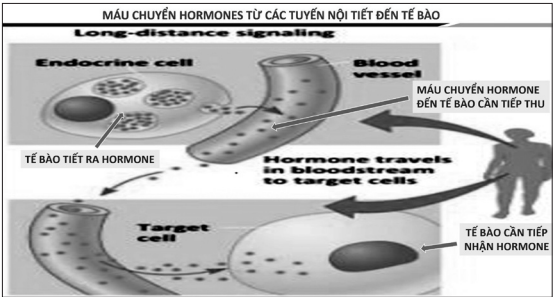
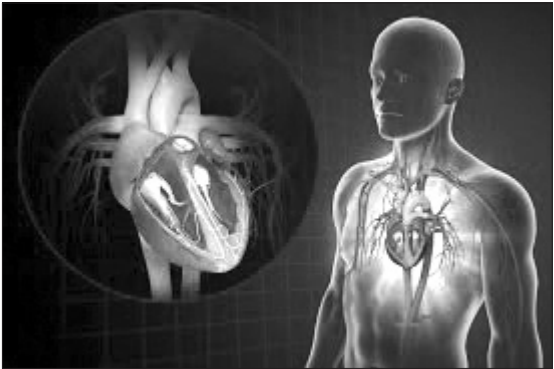
Việc làm như vậy chỉ tí tách trong vòng 1 phần ngàn của 1 giây đồng hồ. Nếu câu trả lời hay cử động bị chậm trễ hay không thuyết phục là do nơi Thủy Hỏa, tức là do nơi Điện và Máu Huyết bị trục trặc, hay do chức năng của não bộ bị suy thoái. Đây là hiện tượng của bệnh alzheimer và parkinson tức là bệnh mất trí nhớ và bệnh run rẩy tay chân thường xảy ra ở người lớn tuổi.

Chúng tôi đưa ra một ví dụ rất nhỏ như vậy để nói lên thực tế là chỉ có một cử động nhỏ của ngón tay, hay câu trả lời rất đơn giản, mà cũng có hợp tác chặt chẽ giữa Tinh Khí Thần một cách vô cùng tinh vi. Nếu Tinh là ngón tay bị sưng đau, hay miệng bị méo đơ thì làm sao cử động hay nói năng? Hay nếu Khí là năng lượng hay Điện để cho tế bào làm việc không đủ tiêu chuẩn thì làm sao truyền thông tin, để cho Tinh thực

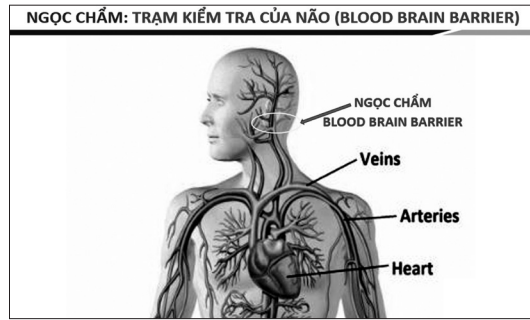
hiện yêu cầu? Và nếu Thần bế tắc hay trục trặc thì Tinh Khí có đó cũng như có bình mà không tương, dù có cử động cũng không biết chi. Xin đề nghị anh chị em nắm vững phần căn bản này để khỏi bị rơi vào mơ hồ hay bám víu nơi thần quyền huyền hoặc trong lúc chúng ta đang dày công thực hiện việc “Luyện Mạng” tức là tập luyện để cho nhơn thân vận hành đúng với Quy Luật của Tạo Hóa.

Còn Thủy hay là máu huyết là phần rất quan trọng của sự sống. Bình thường thì trái tim của người lớn, trung bình mỗi ngày phải liên tục đập khoảng 125.000 lần để bơm khoảng 7.000 lít máu từ tim đến khắp cơ thể, để đưa năng lượng, và thông tin từ các cơ quan và từ các tuyến nội tiết đến từng tế bào và đến não bộ, và chuyển tải chất thải từ tế bào ra ngoài. Tim của chúng ta phải làm việc nặng nhọc suốt cả cuộc đời bảy tám chục năm hay trăm năm không có một giây ngừng nghỉ. Việc chúng ta trai giới cho tinh nghiêm, và tiếp thu “Khí Lành” bằng kỹ thuật hít thở nhẹ nhàng thì chúng ta cũng đã giảm gánh nặng to lớn để cho tim phổi làm việc tốt và phục vụ cho chúng ta hiệu quả hơn. Đó là ân phước rất lớn mà chúng ta có thể ban cho sanh linh nơi chính mình. Việc làm như vậy không tốn kém tiền bạc công sức nhưng rất xứng đáng vai trò “Chủ Nhân Ông” của một Tiểu Thiên Địa, có hơn 50 ngàn tỉ sanh linh, đang vất vả và hi sinh mạng sống để bảo vệ cho sự sống của chúng ta!

Khi nguồn năng lượng tinh khiết được chọn lọc để cung cấp cho cơ thể, lại được cái nhà máy vi diệu là nội thân chế biến và được khử trực lưu thành tinh vi qua công phu tu luyện, thì năng lượng tinh khiết này cùng với thông tin bén nhạy từ các tuyến



nội tiết đã được tinh luyện bởi Thần Khí qua công phu được máu chuyển đi để cung cấp cho cơ thể, thì não bộ sẽ làm việc đúng chức năng, đầu óc sẽ thoải mái, trí tuệ sẽ sáng suốt. Ngược lại, nếu máu huyết không tinh khiết, thì khi đến khu vực Ngọc Châm, là vùng nằm ở hai bên cổ, ngang phía sau ót, thì nó sẽ bị trạm bảo vệ rất tinh vi và nghiêm ngặt của não, được giới khoa học cho biết là Blood Brain Barrier, là khu vực nằm ở vùng hai bên của ót ngăn chặn lại tại đó. Não sẽ thiếu thông tin và năng lượng để làm việc thì sẽ mất hẳn sự sáng suốt, trí nhớ sẽ bế tắc, như người mất hồn và cử động chậm chạp khó khăn.



Qua vài hoạt động bình thường của cơ thể như vừa nêu, cho thấy, bộ máy điều khiển châu thân của chúng ta vô cùng màu nhiệm. Vậy, thử hỏi, ai nắm quyền điều khiển cơ thể có trên 50 ngàn tỉ tế bào (sinh linh), cùng với hệ thống thần kinh và khí huyết v.v... hoạt động đúng theo chức năng, để chúng ta được bình an và trí tuệ sáng suốt?

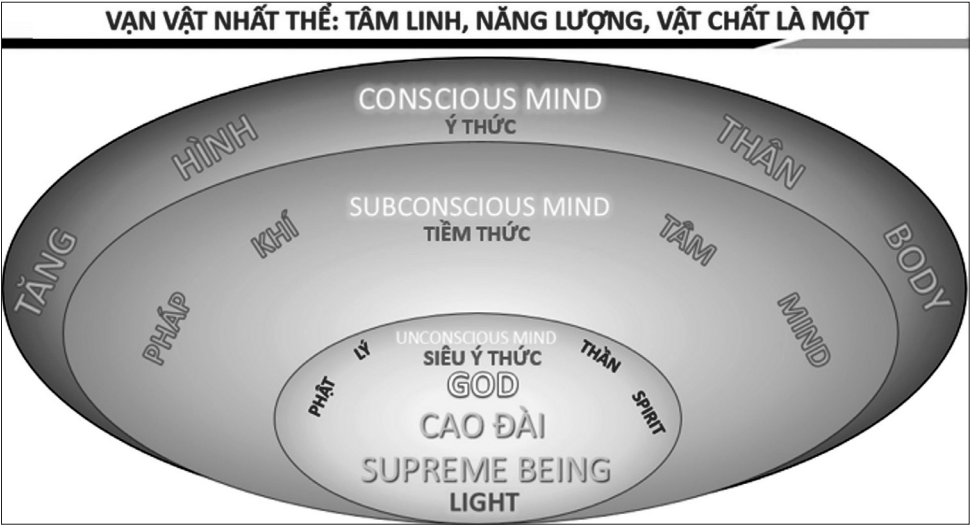
Để tìm câu trả lời về Chủ Nhân Ông liên hệ đến quy luật sống và đặc biệt là liên hệ đến nền tảng tu luyện của Linh Châu và Tướng Châu được chúng ta tìm hiểu hôm nay. Xin mời anh chị em xem qua đồ biểu diễn tả sự vi diệu của nhơn thân do giới nghiên cứu về thiên định và tiềm năng con người thực hiện, được đúc kết và phổ biến trên nhiều phương tiện truyền thông suốt hơn nửa thế kỷ vừa qua.

Tài liệu này cung cấp đầy đủ chi tiết nói về kết quả của thiên định. Chúng tôi chỉ tóm lược những điểm then chốt nằm trong 3 phần chính của nội dung nghiên cứu.

Vòng oval ngoài cùng ở đây là Conscious Mind, tức là phần nhận thức hay hiểu biết của chúng ta trong cuộc sống hàng ngày.

Và vòng oval kế đến nằm ở giữa là Subconscious Mind tức là phần trí tuệ vi diệu, tiềm ẩn trong nội thân thuộc về tiềm thức.

Và vòng oval nhỏ nhất ở trong cùng là Unconscious Mind. Đây là



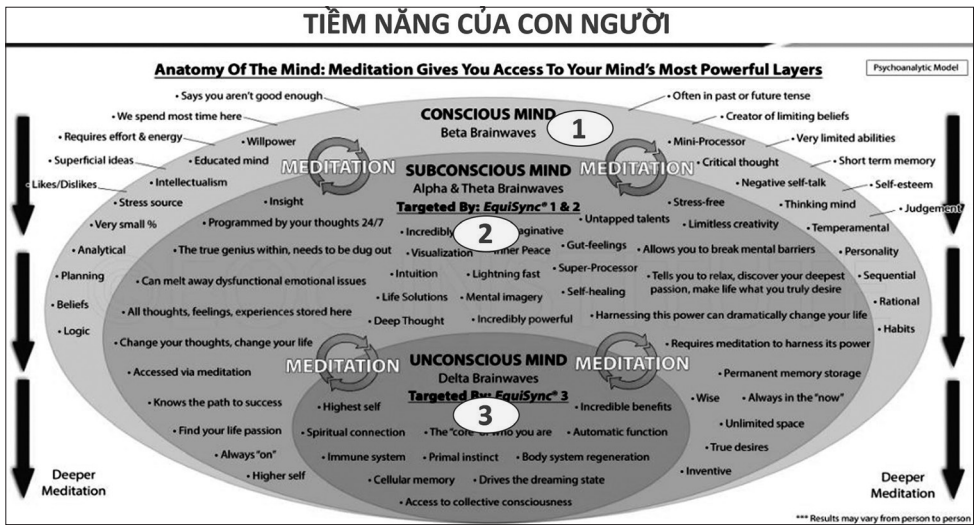
phần tối vi diệu, tức là phần tuệ giác hay Phật tánh Thiên tánh có sẵn trong cơ thể chúng ta.

Chúng ta có thể tạm hiểu ba phần này là: Lý - Khí - Hình, hay Phật - Pháp - Tăng v.v...

Vòng tròn thứ nhất (1), ngoài cùng, là Conscious Mind. Đây là phần nhận thức và kiến thức để chúng ta giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày. Theo giới nghiên cứu thì con người nơi thế gian này, dù là người có kiến thức cao siêu như của nhà bác học, mà đem so sánh với tiềm năng ẩn tàng trong cơ thể của con người, thì nó rất hạn chế. Dù là siêu nhân hay nhà bác học lừng danh nhất cũng chỉ sử dụng được một phần rất nhỏ, tối đa khoảng 10% kho tàng tuệ giác vi diệu do Trời ban, có sẵn nơi nội thân của mỗi chúng ta mà thôi.

Còn vòng tròn thứ hai (2), ở giữa, là Subconscious Mind tức là phần tiềm năng vi diệu, hay là phần thông minh siêu việt, thì nằm sâu trong tiềm thức. Đây là phần vi diệu bao trùm mọi lãnh vực rộng lớn, kể cả trí tuệ, ngũ tạng và quyền năng mầu nhiệm điều khiển và bảo vệ cơ thể. Phần tiềm năng này ẩn sâu trong tâm hồn chúng ta để thực hiện vai trò của Linh Hồn, hay Thiên Tánh giao phó, để lo việc điều khiển ngũ tạng, điều hành hệ thống đề kháng, khí huyết, các tuyến nội tiết, và cung cấp năng lượng cùng thông tin cho từng tế bào v.v...

Theo giới nghiên cứu thì phần tiềm thức vi diệu này đảm nhiệm



khoảng 50% công việc thuộc về quyền năng màu nhiệm của Tạo Hóa ban cho con người, có sẵn nơi cơ thể của chúng ta.

Còn vòng tròn thứ ba (3), nhỏ nhất, là Unconscious Mind là phần siêu trí tuệ, là tuệ giác hay Thiên tánh Phật tánh thì chúng ta không thể hiểu được. Chỉ có, các Đấng giác ngộ, hay Phật Tiên có đủ trí tuệ, mới vận dụng được phần Phật Tánh hay Thiên Tánh đầy vi diệu này. Theo giới nghiên cứu thì phần tuệ giác vi diệu này đảm nhiệm khoảng 40% công việc thuộc về quyền năng màu nhiệm do Thượng Đế ban, có sẵn nơi cơ thể của mỗi chúng ta.

Những nghiên cứu về tiềm năng vi diệu của con người như vừa nêu, được đúc kết và cho biết rõ ràng nơi đồ biểu, cung ứng cho chúng ta một cơ sở vững vàng để chúng ta hiểu rõ chỉ dạy của Đức Chí Tôn: “Con là một Thiên Linh tại thế”. Và khám phá về “tiềm năng vi diệu” của con người từ khoa học, giúp cho chúng ta tin chắc, trong mỗi chúng ta có quyền năng vi diệu, và màu nhiệm như Phật Tiên, được Đức Chí Tôn cho biết ngay từ lúc mới khai Đạo: “Thầy tức là các con. Các con tức là Thầy”.

Qua những khám phá từ khoa học như vừa trình bày, chúng ta thấy, vào kỷ nguyên tâm linh này, việc thiền định rất phổ thông trong đại chúng. Để giúp nhân loại sống hiệp nhất với tiềm năng vi diệu của “Một Thiên Linh” tại thế, trong kỷ nguyên Tâm Linh của nhân loại

ngày nay, không chỉ riêng tôn giáo khuyến dạy về thiền định, mà khoa học cũng cho biết: thiền định là một trong những giải pháp ưu tú để đạt đến trí tuệ minh linh.

Theo nghiên cứu của khoa học về thiền định thì tùy mức độ dần thân để thực hành thiền định, người tu có thể vận dụng được tiềm thức và siêu ý thức là hai phần vi diệu, tiềm ẩn nơi nội



thân. Các mũi tên, ở bên trái và bên phải của biểu đồ về tiềm năng của con người cho biết những nấc thang thăng hoa từ phàm đến Thánh rất rõ ràng.

Việc dẫn thân để nghiên cứu nghiêm túc về thiên định rồi đưa ra kết luận như vậy. Phải chăng, khoa học đang bắt tay với tôn giáo, hay khoa học đang chơi cái trò chơi tâm linh trong vùng đất Tôn Giáo?

Câu trả lời cho vấn nạn vừa nêu tùy thuộc vào niềm tin nơi tôn giáo. Đây là lãnh vực thuộc về tâm linh tùy vào nhận thức về cơ tiến hóa của nhân loại. Nếu tư duy của chúng ta tựa trên nguyên lý “Vạn vật quy nhất bản” (Mọi con đường đều dẫn đến La Mã), hay chúng ta nhìn vạn vật như những đường bán kính cùng quay về tâm điểm, thì chúng tôi tin rằng, chúng ta sẽ không ngần ngại để kết luận, khoa học là một thành phần.

Chúng tôi tin như vậy, vì đó là thực tế về tiến hóa của nhân loại ngày nay. Dù khoa học không phải là tôn giáo, nhưng vào thời đại này, khoa học đã đi sâu vào thế giới siêu vô hình, bằng thực nghiệm ngay giữa dòng sông đang cuộn cuộn. Còn tôn giáo thì, tiếp tục tập trung khai triển và truyền bá những giáo lý được ban truyền thích nghi với văn hóa của thời xưa, cho phù hợp với tiến bộ của nhân loại để góp phần làm sáng tỏ Chơn Truyền của các Đấng Giáo Tổ giữa thời văn minh ngày nay.

Nhìn các diễn tiến vừa nêu, và đặc biệt là những chỉ dạy về tu học của Cao Đài, thì những đóng góp của khoa học cho cơ tiến hóa của nhân loại, minh xác rõ ràng về chỉ dạy của Đức Chí Tôn ngay từ khi mới khai minh nền Đại Đạo: “Sứ giả của Thượng Đế có khắp mọi nơi, trong mọi lãnh vực”. Nếu, không có đóng góp của sứ giả của Thượng Đế từ mọi mặt thì, những chỉ dạy cao siêu của của các tôn giáo và của Cao Đài, chỉ là niềm tin trong lòng nhân thế như mây mười thế kỷ trôi qua mà thôi!

Nhưng, vấn đề rất quan trọng là chúng ta phải thực hành thiền định như thế nào, để có được kết quả?

Là tín đồ Cao Đài, Chúng ta được Đức Chí Tôn và chư Thiêng Liêng chỉ dạy về:

* Khí Lành mẫu nhiệm của Tạo Hóa bao trùm cả vũ trụ và kỹ thuật tu luyện để chúng ta tiếp thu Khí Lành.

* Chúng ta cũng được chỉ dạy về tiềm năng vi diệu và mẫu nhiệm có sẵn nơi nội thân, và kỹ thuật tu luyện để vận dụng tiềm năng vi diệu nơi chính mình.

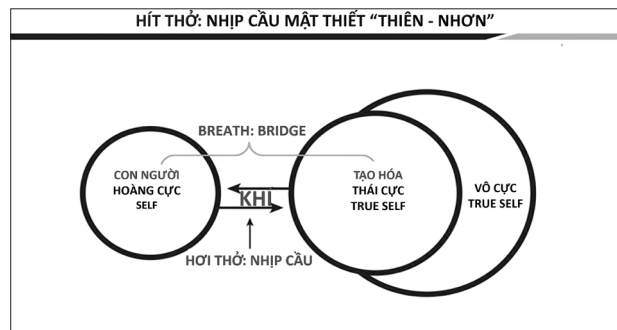
* Đức Chí Tôn còn cho thị hiện Quyền Pháp Vô Vi qua cách thức thờ phượng, để nhân sanh học nơi đó để tu luyện đăng hiệp nhất cùng Tạo Hóa.

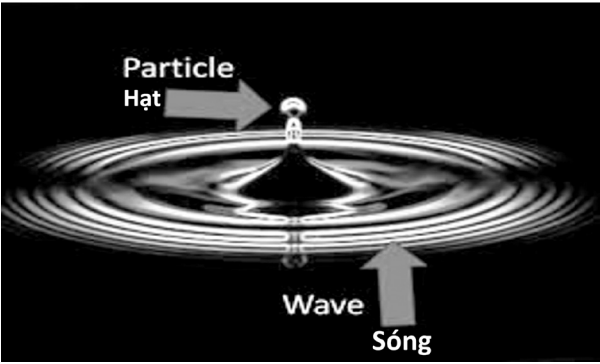
* Và, Đức Chí Tôn cũng cho sứ giả của Ngài trong lãnh vực khoa học đóng góp những cơ sở cần thiết để làm sáng tỏ Quyền Pháp Vô Vi giúp cho cơ tiến hóa của nhân loại.

Hình minh họa nằm bên phải này tượng trưng về Đạo Pháp được hiểu theo tu luyện. Hai vòng tròn ở phía bên phải, nằm chồng lên nhau. Vòng tròn lớn hơn tượng trưng cho Vô Cực. Và vòng tròn nhỏ hơn, tượng trưng cho Thái Cực. Theo Dịch

Lý thì, Vô Cực tức Thái Cực, nghĩa là: Thái cực và Vô cực chỉ là một.

Còn khoa học thì cho biết, vật chất có cả hai mặt là: Sóng và Hạt





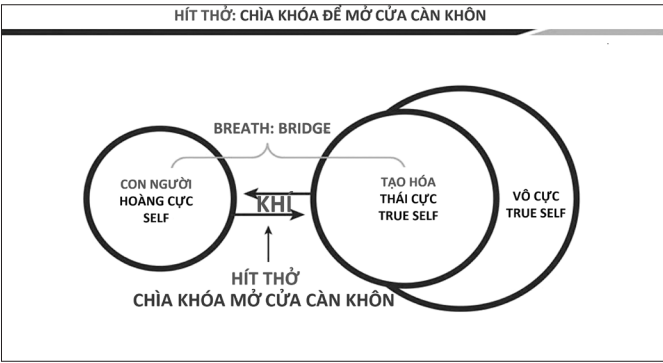
(lưỡng tính). Nghĩa là, tuy cùng “một thực thể” hay “một bản chất” nhưng hiện ra hai mặt, là: Sóng (wave) và Hạt (particle). Nhưng trở trêu là, dù quan sát bằng cách nào chúng ta cũng không thể nào thấy cả hai mặt cùng một lúc. Theo giải thích của giới vật lý thì, khi chúng ta

quan sát vật chất có hình tướng là những hạt hạ nguyên tử như: Âm điện tử hay dương điện tử (electron, proton)... thì, hễ chúng ta thấy nó ở dạng Hạt là Particle, thì không thấy nó ở dạng Sóng là Wave. Và, khi chúng ta không quan sát các hạt hạ nguyên tử, thì nó lại xuất hiện bằng Sóng hay nó ở dạng Sóng, tức là wave. Đặc biệt là, Khi chúng ta quan sát, thấy nó là Hạt thì nó chỉ ở một vị trí duy nhất. Trái lại, khi chúng ta không quan sát nó thì, nó là dạng sóng, mà sóng thì phủ trùm khắp nơi trong không gian, chỗ nào cũng có. Nền tảng của vật chất thật kì diệu!

Sự biến thể của vật chất được biết qua hiện tượng của Sóng và Hạt, được giới vật lý liên tục quan sát suốt nhiều thế kỷ như vừa trình bày, cho thấy: Ngay nơi nền tảng của vật chất thô kệch là đất sắt, hay nói chung là nền tảng của vũ trụ và vạn vật được vận hành đúng theo ý nghĩa “Vô Cực tức Thái Cực, và Thái Cực tức Vô Cực”.

Còn về Thái cực và Hoàng cực, hay Thái cực và con người thì, có sự ngăn cách, riêng biệt. Thái Cực là vòng tròn bên phải, và Hoàng Cực là vòng tròn nằm phía bên trái. Hai phần này cách xa nhau.

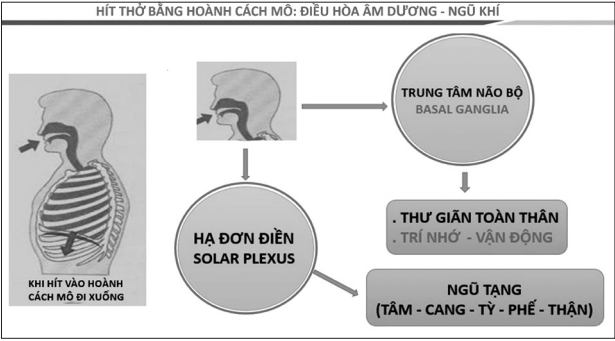
Để nối liền giữa Hoàng Cực cùng với Thái Cực, hay để nối liền giữa con người và Thượng Đế thì có KHÍ là năng lượng vô hình, nơi con người là Hít Thở (Breath). Đây là then chốt của tu luyện nên người tu phải phục hồi kỹ thuật hít



thở của thời trẻ con để “nuơng tựa KHÍ”, được hiểu là pháp môn tu luyện để “tiếp thu KHÍ”. Vì Khí hay Khí Lành là nhịp cầu nối liền giữa Hoàng Cực và Thái Cực.

Nói đến việc tiếp thu KHÍ LÀNH là nói đến vấn đề tu luyện, là đụng đến lãnh vực bị cho là bí truyền, bị rơi vào huyền bí, nên lắm phức tạp và rắc rối. Về phần này, từ ngàn xưa, tôn giáo có triết lý cao siêu, nên đa số trong giới tu hành đều tựa trên các triết lý cao siêu, được hiểu rất trừu tượng và chứa đựng nhiều ẩn áo nói về lãnh vực vô vi, rất khó hiểu. Riêng giáo lý của Cao Đài ngày nay dạy về việc thực hiện vai trò “phổ độ” để “tận độ” nghĩa là phải “trưng bày chánh pháp cho rõ ràng” để “tận độ” nhân loại. Nhưng thực tế, thì những chỉ dạy của Thượng Đế và chư Thiêng Liêng ban truyền cho nhân loại tu luyện cũng bị “xếp lại” để đó. Có lẽ đây là “truyền thống” đã trở thành quy luật chung? Nhìn về lịch sử của các tôn giáo, chúng ta thấy, chưa có tôn giáo nào tránh khỏi Luật Công Bình “Chánh khai tà khởi” (Action and Reaction: “For every action, there is an equal and opposite reaction”) chi phối làm trở ngại mục đích cứu thế. Rất tiếc, đạo Cao Đài là tôn giáo của thời đại, với sứ mạng “phổ độ”, để “tận độ” nhân loại, nhưng khi bị cuốn hút trong sức quán tính của truyền thống bí truyền, rồi cũng bị dính cứng trong đó. Cho đến ngày nay, đa số vẫn chưa đủ cơ duyên để thấy sự bất hạnh làm cản trở cơ cứu thế của Đức Chí Tôn.

Nếu chúng ta chịu khó học hỏi những chỉ dạy của Đức Chí Tôn và chư Thiêng Liêng ban truyền trong nền Đại Đạo, và đặc biệt là quan sát nơi phần “Tướng Pháp”, được Đức Chí Tôn cho thị hiện cụ thể bằng hình tướng rõ ràng; cùng với những đóng góp từ sứ giả của Thượng Đế trong lãnh vực khoa học về nền tảng của vũ trụ và đặc biệt là việc hình thành con người từ thông tin di truyền, được lưu trữ trong DNA, và những thông tin mới được DNA tiếp thu trực tiếp từ kho tàng trí tuệ của vũ trụ (Universal Intelligence) v.v... thì việc tu luyện để nâng cao vai trò của Tinh Khí Thần nơi tám thân tứ đại này đã được chỉ dạy rất rõ ràng và có cơ sở vững vàng. Tuy mệnh mông nhưng Đức Chí Tôn và chư Thiêng Liêng đã chỉ rõ phần “then chốt” rất rõ ràng và rất đơn thuần, giúp đại chúng hiểu để thực hành, chứ không chỉ có phần triết lý cao siêu, đầy ẩn áo và trừu tượng của thời xa xưa mà thôi.



Nói về tu luyện là nói đến kỹ thuật để tiếp thu KHÍ LÀNH hay nương tựa nơi KHÍ LÀNH như Đức Đông Phương Chương Quân và Đức Lý giáo Tông Vô Vi đã dạy thì từ khi mới mở mắt chào đời,

chúng ta đã trải qua rất tinh nhuệ. Những anh chị em còn trẻ (12-24 tuổi), chỉ cần kiên trì tập luyện một thời gian ngắn để phục hồi kỹ thuật hít thở bằng hoành cách mô thì sẽ nhanh chóng tái phục hồi tiềm năng (cơ sở) để hòa hài cùng thiên nhiên (Connect with Universal Energy, OR Tap into Universal Intelligence). Nghĩa là, tập cách hít thở như hồi mới sanh, và để tâm vào việc điều hòa hít thở cho nhịp nhàng, để nâng cao tiềm năng nơi nội thân, thì Âm Dương, Thần Khí sẽ tự động điều hòa, sẽ phục hồi sự mật thiết giữa Hoành Cự và Thái Cự, tức nối liền con người với kho tàng vi diệu của vũ trụ.

Vào thời mới sanh tâm trí hồn nhiên thanh tỉnh. Chúng ta hít thở đúng với Quy Luật của Tạo Hóa bằng hoành cách mô do Thần của



chúng ta làm chủ Tinh Khí, nên theo tìm hiểu của khoa học thì, trước hai tuổi trí nhớ của chúng ta chưa có. Đây là thời Thần của chúng ta thanh tỉnh, tâm trí hồn nhiên nên Thần có đủ quyền năng để: tựa nơi kho tư liệu di truyền được chứa trong DNA, và thông tin mới được tiếp nhận trực tiếp từ Quyền Pháp của Tạo Hóa, (Universal Intelligence, Universal Mind, God Spirit) để tiếp tục vai trò hoàn thành bộ máy màu nhiệm của nhơn thân theo đúng với “duyên nghiệp”, để có đền đài vi diệu, cho Thần ẩn bên trong, lo âm thầm làm việc, để điều khiển và bảo vệ cho sự sống của chúng ta, được biết đến là phần “tiềm năng” tức là Tiểu Linh Quang hay Thiên Tánh, Phật Tánh .

Rất tiếc, khi lớn lên thì sự hồn nhiên và thanh tỉnh của chúng ta từ từ mất hẳn. Chơn Linh giáng trần phải lụy theo trần, Thần (Tâm, Thiên Tánh, Phật Tánh...) bị mất quyền. Cách hít thở của thời mới sanh phải biến đổi làm cho Khí Thần rời rạc. Then chốt của tu luyện là để phục hồi lại tiềm năng mà mình đã có, để hòa hài hay hiệp nhất cùng Tạo Hóa, chính là kỹ thuật hít thở như trẻ con mới sinh chứ không có chi bí mật.

Vì Hít Thở là then chốt tu luyện để tái phục hồi “tiềm năng” và khai mở trí tuệ, để mang đến lợi ích to lớn như vừa trình bày, nên Đức Giáo Tông vô vi Đại Đạo mới chỉ dạy: “Vận chuyển Càn Khôn một Khí Lành. Sanh linh nương tựa được hồi sanh”. Và, để cho nhân loại hiểu rõ kỹ thuật nương tựa Khí Lành, để việc tu luyện có kết quả, Đức Chí Tôn cho thị hiện Tinh Khí Thần qua cách thờ phượng nơi Thánh Thất rất rõ ràng để nhân sanh tiếp xúc hằng ngày đăng học nơi đó để thực hành việc tu luyện.

Hình minh họa ở đây, cho thấy, Thánh Thất Cao Đài thờ Thiên Nhân, tượng trưng cho Thượng Đế. Mà Thiên Nhân là Thần. Và Thần thì nhìn thẳng đến Khí nơi bàn thờ Hộ Pháp. Chữ Khí này là chữ Khí thờ nơi bàn thờ Hộ Pháp, chúng tôi có trình bày ở phần đầu. Đây



là cách chỉ dạy bằng hình tướng cụ thể để nhơn sanh biết rõ kỹ thuật công phu “dĩ Thần ngự Khí” một cách chính xác và rõ ràng, chứ không còn ảo ảo như ngày xưa để giải thích cách nào cũng được, cũng hợp lý.

Cách thờ phượng của Đạo Cao Đài cho thấy, Thần là mắt nhìn thẳng đến KHÍ. Khí ở đây là “bể khí”, là một trong Tam Bửu, là trung tâm năng lượng của cơ thể nơi đan điền (vùng bụng). Thần nhìn Khí là cách chỉ dạy, để trong giai đoạn mới tu luyện chú tâm nơi Hạ Đôn Điền, để điều hòa hít thở, cho nhịp nhàng bằng hoành cách mô, như trẻ con Hít Thở khi mới sanh, vì đó là thời Tâm chưa động, Tinh Khí Thần vận hành đúng với quy luật của trời đất. Chúng tôi sẽ trình bày về: Tâm Thận điều hòa, Âm Dương hiệp nhất, nối Hạ Thước Kiều để quá quan v.v... nơi phần Tượng Châu ở đoạn sau.

Anh chị em trẻ tuổi, Tam Bảo đầy đủ, đang tu Linh Châu, chỉ cần chú tâm để điều hòa hít thở cho nhịp nhàng cho đến khi thuần thành như thời mới sinh, thì “Quyền Năng” của Thần Khí sẽ được phục hồi để đảm nhiệm những công việc mà lâu nay Thần phải âm thầm ẩn sâu trong nội thân để điều khiển cơ thể được biết đến là “tiềm năng”. Đây là việc làm được Đức Chí Tôn chỉ dạy trong Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, là lúc Ngươn Thần chánh vị và Thức Thần thất quyền. Nói chung, Hít Thở như trẻ con thì sẽ vận dụng kho tàng vi diệu của nội thân trong đời sống nơi thế gian này là lẽ tự nhiên.

Khi hít thở do Thần Khí điều khiển thì năng lượng tiếp thu từ bên ngoài đã được chọn lọc để ăn chay, được nhà máy vô cùng vi diệu của nội thân bào chế, và thanh lọc tinh vi bằng kỹ thuật Hít Thở, và có Thần điều khiển để khử trực lưu thanh, thì năng lượng từ bên ngoài trở thành Linh Đơn, Thần Thủy hay Cam Lồ v.v... Năng lượng này được thủy hỏa, tức là điện và máu, cũng đã được thanh lọc tinh vi qua công phu, đưa đến khắp châu thân. Đây là lúc Cam lồ, Thần thủy, Tân dịch hay Linh Đơn v.v... được truyền đến khắp mọi chủng tử nơi thân. Bây giờ, Tâm Bồ Tát của người tu được tỏa sáng, Huệ Kiếm Gươm Thần đã có sẵn, rất dễ dàng dứt tan sự thế từng ràng buộc trong vòng luân hồi tử muôn kiếp.

Anh chị em tu ở bậc Linh Châu mà còn trẻ, chưa lập gia đình và

trường trai, khi năng lượng cung cấp cho cơ thể đã được chọn lọc tinh khiết, lại được Thần Khí trực tiếp điều khiển cái nhà máy vi diệu là nội thân để bào chế, và thanh lọc trong sạch, rồi chuyển đến từng tế bào một cách chính xác do công phu “khử trực lưu thanh” thì thân sẽ an định, và tâm sẽ thanh tịnh, trí tuệ sẽ viên minh. Việc thành Tiên, đắc Phật là do nguyện lực của anh chị em.

Đến đây, chúng ta đã bàn về một số then chốt của việc luyện Linh Châu. Về căn bản của phần này tương đối khá đầy đủ. Bây giờ chúng ta sang qua phần Tướng Châu:

Về Tướng Châu Ngài Tam Trấn Oai Nghiêm dạy:

*“Thế giới càn khôn tóm một bầu
Cao Đài danh hiệu độ năm châu
Siêu Phàm nhập thánh chơn thường lạc
Khử ám hồi minh pháp nhiệm mầu.”*

TAM TRẤN OAI NGHIÊM

(Đàn Cơ ngày 24 -5 Ất Mùi, 13-5-1955

Thánh Thất Trung An, Hội Thành Truyền Giáo)

Bốn câu đầu của bài kệ dạy về Tướng Châu, Đức Tam Trấn Oai Nghiêm dạy: Càn khôn thế giới nằm trong tay của Đức Chí Tôn. Thượng Đế là Đức Cao Đài đích thân mở Đạo để thực hiện cơ tận độ nhân loại khắp năm châu. Pháp môn tu luyện được Đức Chí Tôn ban truyền cho nhơn sanh để khử trực lưu thanh và điều hòa thần khí, để siêu phàm nhập thánh đăng phục hồi bản thể Phật Tiên nằm sẵn trong nhơn thân.

Và 4 câu sau của bài kệ Tướng Châu Ngài Tam Trấn Oai Nghiêm dạy:

*Thần Khí vận hành thông vạn pháp
Thân tâm thanh tịnh đạt thanh cao
Cao Đài niệm niệm Kim Quang Hiện
Đoạn nghiệp trừ phiền đệ nhất Châu.”*

TAM TRẤN OAI NGHIÊM

(Đàn Cơ ngày 24 -5 Ất Mùi, 13-7-1955

Thánh Thất Trung An, Hội Thành Truyền Giáo)

Phần sau của bài kệ Tướng Châu, Ngài Tam Trấn Oai Nghiêm dạy chúng ta về, kỹ thuật thực hành Tướng Châu để cho Thần Khí điều hòa, trí tuệ minh linh, và để cho thân tâm thanh tịnh thì Kim Quang sẽ hiện ra, nghiệp chướng và phiền não được giải trừ. Đó là sự mẫu nhiệm và vi diệu của Tướng Châu.

Đặc biệt, Ngài Tam Trấn Oai Nghiêm dạy: “Thần Khí vận hành thông vạn pháp” là chỉ dạy về “then chốt” của tu luyện là để cho Thần Khí luôn luôn chung nhau để đưa năng lượng tinh khiết được tinh luyện tinh vi qua công phu đến khắp thân thể. Tức là, Thần cùng Khí xuyên qua các “Pháp Giới” của “Tiểu Thiên Địa” gọi là “pháp luân thường chuyển”, hay thung dung lên xuống trên đường “Đại Chu Thiên” (Nhâm Đốc nối liền là Đại Chu Thiên) để xuyên qua các cửa Trời, ngày xưa gọi là “Thần cõi Khí” (Thần cõi Khí, không phải cõi Khí Huyết. Thần Khí đây thuộc về phần thiêng liêng và Energy Field chứ không phải năng lượng hữu thể của Khí Huyết. Trong “Đàn Cơ” Thần thì của Thầy và Khí là phần thiêng liêng của đồng tử) chu du trên “đường Chu Thiên”, được chỉ dạy rất rõ là: “Lên còn đánh xuống vĩ lư qua giáp tích”.

Nghĩa là, thực hành công phu tu luyện để tái phục hồi vòng tuần hoàn của Khí Thần cho mật thiết như thời mới sanh, để tâm phàm không dấy động cho Thần Khí được hài hòa, thì Thân sẽ an, sức khỏe sẽ tráng kiện, Tâm sẽ thanh tịnh sáng suốt. Đó chính là Phật Tiên tại thể hay Niết bàn nơi trần gian.

Việc luyện tập để cho Thần Khí vận hành theo vòng Chu Thiên cũng được Ngài Trần Đoàn Lão Tổ dạy rất rõ:

Thần Khí vận hành thông vạn pháp

Thân tâm thanh tịnh đạt thanh cao

Cao Đài niệm niệm Kim Quang Hiện

Đoạn nghiệp trừ phiền đệ nhất Châu.”

TAM TRẤN OAI NGHIÊM

(Đàn Cơ ngày 24 -5 Ất Mùi, 13-7-1955

Thánh Thất Trung An, Hội Thành Truyền Giáo

Về luyện Tướng châu để Thần Khí vận hành đúng Đạo Pháp, Ngài Trần Đoàn Lão Tổ dạy chúng ta, hít vào theo phía Nhâm mạch gọi

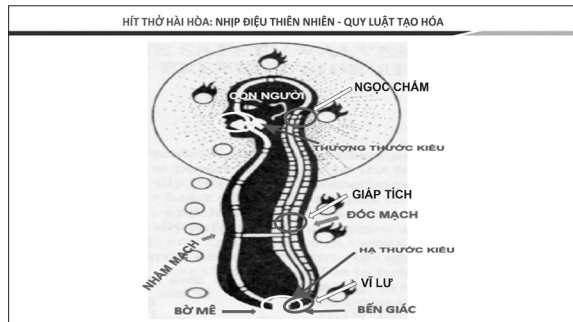
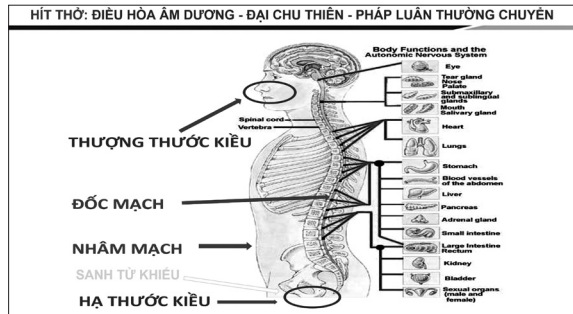
là “Hỗ giáng”, và thở ra theo đường Đốc mạch để thăng hoa Thần Khí gọi là “Long thăng”.

Và Ngài dạy chúng ta đóng mở Hạ Thước Kiều cho đúng độ số để đóng cửa “tử hộ” hay đóng “Sanh Tử khiếu” lại, để nối liền hạ thước kiều cho Âm Dương hiệp nhất, để hài hòa cùng nhịp điệu của thiên nhiên, để nâng cao tiềm năng nơi nội thân, thì tâm chúng ta sẽ thanh tịnh, thanh thoi, an lạc, trí tuệ sáng suốt.

Khi người tu thực hành công phu đạt đến chỗ Khí Thần mật thiết thì Tinh (máu huyết) bấy giờ là chiếc “linh xa” sẽ nhẹ nhàng đưa Thần Khí chu lưu trên đường “Chu Thiên”. Đây là lúc “Cửa Trời qua lại tự do”. Bấy giờ Tinh Khí Thần trở thành “MỘT THỂ” thung dung tuần hoàn theo vòng Chu Thiên: “Lên côn đảnh, xuống vĩ lư qua giáp tích”.

Về kỹ thuật thì cách hít thở này được các cao tăng trong giới tu luyện của các tôn giáo cho biết, là pháp “Quy Tức” hay pháp “Thở Bụng”. Đây là cách hít thở chậm rãi, thật điều hòa và nhẹ nhàng như cách thở của con rùa để tiết kiệm năng lượng, và thư giãn cả thân tâm, để nâng cao chức năng giao tiếp cùng Càn Khôn của phổi, và để giúp cho hoành cách mô chuyển động nhịp nhàng, để tác động đến việc đóng mở “hạ thước kiều”, để “Âm Dương hiệp nhất” là then chốt của tu luyện.

Chúng tôi xin trình bày vài nét về kỹ thuật nâng cao Tiềm Năng nơi nội thân, để giúp cho việc tái lập vai trò của Khí Thần, để toàn thân được tràn đầy năng lượng màu nhiệm. Các Đạo sĩ ở Trung Hoa thì thực



hành pháp “Quy Tức”, tức là thực hành cách hít thở như con rùa. Còn các Yogi ở Ấn Độ thì cũng hít thở giống như các Đạo Sĩ, nhưng các Yogi thì gọi là “thở bụng”, là cách hít thở như trẻ con. Khi thực hành cách hít thở Quy Tức hay cách thở bụng, thì Thần của chúng ta trực tiếp điều khiển kỹ thuật Hít Thở nhẹ nhàng bằng hoành cách mô, để giúp cho phổi hít thở điều hòa.

Mục đích của các Đạo sĩ và các Yogi thực hành cách thở quy tức hay thở bụng (cách thở bụng còn được gọi là thở ngực. Sự khác biệt về danh gọi là do môn phái. Trong tu luyện thì nguyên tắc để điều khiển kỹ thuật thở bụng và ngực giống nhau, vì do Thần làm chủ. Còn cách thở bụng và thở ngực của đàn ông và đàn bà, do thần kinh tự chủ điều khiển. Sự khác biệt của hô hấp giữa đàn ông và đàn bà là do cấu trúc của: lồng ngực, thể tích của phổi, chức năng của xương sườn và hoành cách mô v.v... Về sau này, nhất là từ khi phong trào Thiền phát triển, nhiều kỹ thuật mới được pha chế cùng với nhiều cách giải thích, sanh ra nhiều rắc rối, khó phân biệt cách hít thở nào là Yoga thể dục và cách hít thở nào là của Yoga thiền định...) là để cho Thần chăm chú vào việc điều khiển hít thở, để cho Thần Khí hòa hài với nhau, để nâng cao chức năng của phổi là “cánh cửa” giao tiếp với Khí Lành. Khi Thần

HÍT THỞ TỰ NHIÊN BẰNG HOÀNH CÁCH MÔ THỜI TRẺ THƠ



Khí hòa hài để điều hòa hít thở cho nhịp nhàng với nhịp điệu của thiên nhiên thì, Tâm được thanh tịnh, và tiềm năng nơi con người được nâng cao để tiếp thu KHÍ LÀNH của Tạo Hóa (Xin hiểu, ngay từ trong DNA đã có khả năng để giao tiếp cùng vũ trụ để tiếp nhận thông tin để sanh ra tế bào có chức năng mới, như có trình bày ở trên). Đây là kỹ thuật được Ông Trên chỉ dạy để chúng ta Nương Tựa Khí Lành hay tiếp Thâu Khí Lành, để phục hồi “tiềm năng”, nâng cao sức khỏe và thăng hoa trí tuệ để “đoạn nghiệp trừ phiền” (Trong Khí Lành có cả Hậu Thiên Khí, Tiên Thiên Khí và Hư Vô Khí được Đức Đông Phương Lão Tổ giải thích có nêu ở trên).

Đức Chí Tôn và chư Thiêng Liêng chỉ dạy chúng ta cách thức để nắm quyền điều khiển “phổi” là cơ quan nối liền sự mật thiết giữa chúng ta cùng Càn Khôn Vũ Trụ. Tức là, Đức Chí Tôn và Ông Trên cho chúng ta được trọn quyền, để “can thiệp” vào “PHỔI” là bộ máy vi diệu của nhơn thân, được Tạo Hóa tạo ra nơi trần gian này. Đây là hồng ân để chúng ta tự quyết định việc giải thoát tâm linh, để làm Tiên làm Phật, hay chúng ta cứ an phận, để tiếp tục trôi nổi trên cõi đời đầy đau khổ nơi trần gian. Ngày nay, Chánh Pháp đã ban trao, đường Đạo đã mở rộng để đón chờ. Mỗi chúng ta tự do chọn lựa cho phần Tâm Linh của mình.

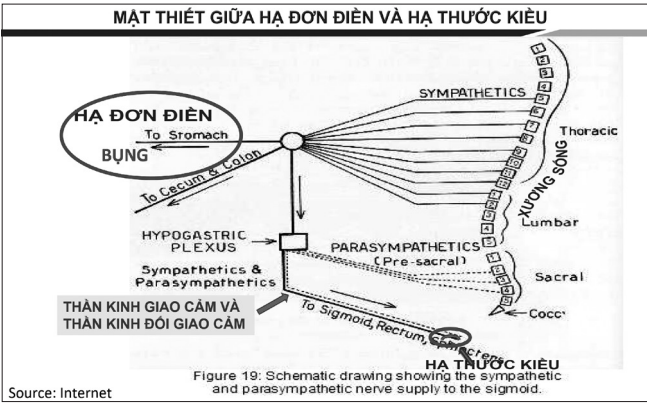
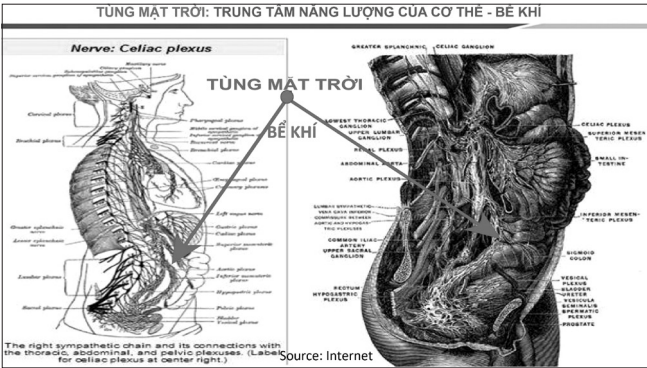
Nếu, chúng ta chọn lựa thực hiện cuộc sống đạo đức, an vui hạnh phúc để giải thoát tâm linh của chúng ta thì, chỉ cần trở lại thực hành cách hít thở bằng hoành cách mô như vừa trình bày. Đây là cách hít thở mà chúng ta đã thực hành rất tinh nhuệ khi mới sanh, khi tâm còn hồn nhiên vô tư, chưa ảnh hưởng bởi những vui buồn của cuộc sống. Rất tiếc, khi chúng ta từ từ quen với nếp sống của trần thế, quay cuồng theo đó rồi quên hẳn, đành để cho hệ thần kinh tự chủ điều khiển việc hít thở (Autonomic Nervous System controls the rate of breathing). Nghĩa là, sau khi sanh ra đời, chúng ta từ từ quen với nếp sống trần gian rồi cứ đó mà đi tới, chứ không còn lùi lại được. Từ đây chúng ta đành phải để cho hệ thần kinh tự chủ (Autonomic Nervous System) đã được cài đặt sẵn (preprogrammed) điều khiển.

Nghĩa là, từ khi lớn lên, chúng ta hướng ngoại, lo việc tiếp thu kiến

thức nơi trường đời để hòa cùng xã hội. Từ đó, chúng ta để cho thần kinh tự chủ đã được an bài theo duyên nghiệp, nắm quyền điều khiển việc Hít Thở của chúng ta. Thế là, cánh cửa của nội thân, nơi nối liền với kho tàng vô cùng vi diệu của Tạo Hóa (Universal Intelligence, Universal Mind, God Spirit), khép mở đúng theo nghiệp lực của nhân duyên, và vận hành theo quy luật của “hậu thiên”, nên chúng ta đành chịu làm thân phận hẩm hiu của kiếp phàm phu để mãi lần quần trong vòng sanh tử. Khi quyền năng vi diệu là Thần Khí lui về “tiềm ẩn” bên trong thì Niết Bàn trở thành Phiền não, chúng ta phải triền miên đau khổ.

Bây giờ, muốn thoát khỏi luân hồi sanh tử chúng ta “hãy giúp” cho Ngươn Thần lâu nay phải tiềm ẩn nơi nội thân “có cơ duyên” để phục hồi quyền chấp chánh bằng cách hít thở bằng hoành cách mô. Việc làm này rất đơn giản nhưng vô cùng vi diệu, vì đây là Quy Luật của căn khôn vũ trụ. Chúng ta chỉ cần trở lại với kỹ thuật hít thở bằng hoành cách mô như lúc mới sanh để tái phục quyền cho Ngươn Thần chứ không khó khăn chi.

Khi thực hành kỹ thuật Hít Thở bằng hoành cách mô, ngoài việc Thần Khí hòa hài nhau để điều khiển việc hít thở, giúp nâng cao chức năng của phổi, để tiếp thu Khí Lành như vừa trình bày; kỹ thuật hít thở này còn làm cho “tùng mặt trời” (Solar Plexus) là trung tâm thần kinh lớn nhất của cơ thể nằm ở vùng hạ đơn điện (vùng bụng) được thư giãn và đầu óc được thỏa mái thì nó phục vụ cho chúng ta tốt hơn là điều chắc chắn, vì đây là lẽ tự nhiên.

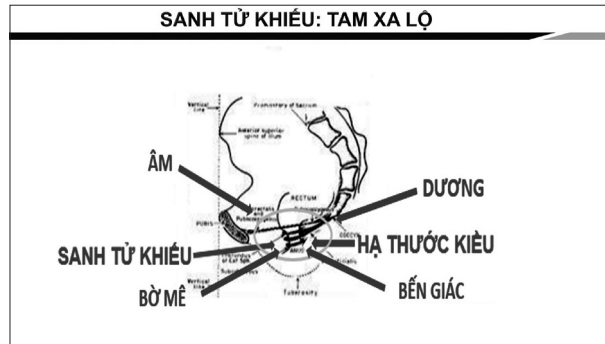


Nghĩa là, khi hít thở như trẻ con thì Thần (Tâm) làm chủ để điều khiển hoành cách mô chuyển động nhịp nhàng. Động tác cử động của hoành cách mô làm vơi đi việc làm nặng nề của phổi, và chức năng của hệ thần kinh giao cảm (Sympathetic Nervous System), và hệ thần kinh đối giao

cảm (Parasympathetic Nervous System) (hình phía trên) từ khu vực tòng thái dương (Solar Plexus) của hệ thần kinh tự chủ (Autonomic Nervous System) nối liền với khu vực “thận” và “hạ thước kiêu” được tác động và nâng cao chức năng để nối liền Nhâm Đốc Mạch, và để điều hòa Âm Dương (hình bên trái). Đây là kỹ thuật được Ôn Trên chỉ dạy để nối liền giữa Bờ Mê và Bền Giác bằng cách đóng chặt cửa địa ngục là “sanh tử khiêu” và mở “tàng Thiên”, để nối “Hạ Thước Kiêu” nơi “Tam Xa Lộ” để năng lực từ “bể khí” đi qua. Tu luyện gọi là Chơn Khí “quá quan” để “phục thực” (Tâm thanh tịnh là Chơn Khí. Tâm động là Phàm Khí. Đây là chỗ tối quan trọng), tức là đi theo vòng tuần hoàn của “Đại Chu Thiên” để vận hành theo Thiên Lý gọi là Âm Dương hiệp nhất hay Thủy Hỏa ký tế. “Nhất Âm Nhất Dương chi vị Đạo” do nơi con người.

“Giao điện” để điều khiển nhà máy vĩ đại với hơn 50 ngàn tỉ sanh linh nằm tại Sanh Tử Khiêu, nơi Âm Dương ngăn cách nhau. Việc điều hòa Âm Dương hay điều khiển “giao điện” để “pháp luân thường chuyển” hay để “Thần Khí vận hành thông vạn pháp” là nền tảng tu luyện, là kỹ thuật hiệp nhất Âm Dương của pháp Tướng Châu. Nền tảng của điều hòa Âm Dương có thể tạm hiểu như tài năng của một chuyên viên trong việc sử dụng “giao điện” và nguồn năng lượng xuyên qua giao điện như thế nào mà thôi.

Anh chị em còn trẻ thực hành cách hít thở bằng hoành cách mô cho đúng như vừa trình bày, trong lúc miệng ngậm răng kín, lưỡi cong lên vòm họng để đóng thượng thước kiêu, thì sẽ cảm nhận rất rõ ràng việc chân khí từ từ vận hành theo đường Chu Thiên. Kết quả này là do sự vận động của hoành cách mô tác động thẳng vào thần kinh nối liền



với vùng “cốc đạo” để nhịp nhàng khép kín “cửa sanh tử” bắt cầu “hạ thước kiêu” cho năng lực từ “bể khí” quá quan đặng “khai mở” (khai thông) các các bế tắc nằm trên “Đốc Mạch” được biết là khai mở các “luân xa”. (Anh chị em từ 12 đến 24 tuổi chưa có vợ chồng, Tinh Khí Thần chưa hao tổn, rất dễ dàng cảm nhận khi chân khí tuần hoàn theo đường Đốc Mạch ngay từ lúc mới tập. Đây là việc điều hòa âm dương nơi nội thân, giống như giao diện nối hai dòng điện Âm Dương. Khi nối nó với nhau thì có kết quả ngay. Thực hành vài tuần lễ anh chị em sẽ cảm nhận rất rõ việc khai thông các luân xa trên Đốc Mạch).

Cách tu luyện như vừa trình bày đã được Đức Chí Tôn và chư Thiêng Liêng chỉ dạy rất rõ ràng. Và, Đức Chí Tôn còn cho thị hiện bằng hình tướng cụ thể để nhân sanh xem đó để tu hành. Rất tiếc, đại hồng ân to lớn của Đức Chí Tôn ban trao cho nhân loại trong Kỳ Ba, để xây dựng nền văn minh Thánh Đức, tức để đưa nhân loại tiến đến thời đại “Siêu Văn Minh”, thường được nói đến là “văn minh tâm linh” hay “Thiên Đạo giải thoát”, để có đủ trí tuệ thực hiện “Thế Đạo đại đồng”, cũng phải chịu sự thử thách bởi luật “Công Bình” của trời đất, nên hồng ân của Đức Chí Tôn bị phủ kín trong vòng “bí truyền”. Nghịch lý này cho thấy luật công bình rất chính xác, rất khó vượt qua. Đây là Quy Luật được chúng ta biết rõ từ khi còn nơi ghế học đường: “For every action, there is an equal and opposite reaction”. Hiểu quy luật này từ góc độ tâm linh thì, hề “Chánh khai thì Tà khởi” để vô hiệu. Quy Luật tối công bình này chi phối tất cả. Dù trong phạm vi tâm linh, nhưng cũng không tránh khỏi luật công bình này. Nơi cõi hậu thiên đối đãi ở thế gian, xưa nay chưa có tôn giáo nào tránh khỏi sự chi phối của luật công bình. Bởi vậy, trong cửa Thánh cũng có nhiều Phàm.

Trong phạm vi nhà đạo chúng ta, nhìn vào thực tế của cơ Đạo, Chánh Pháp bị canh cải, biến thể. Khi ban truyền Đạo Pháp, để làm phương tiện tận độ nhân loại, Đức Chí Tôn đã từ bi ban chỉ dạy: “Trung Hưng có pháp nhiệm màu. Có Thầy chỉ lối, có đầu có đuôi”. Thế nhưng, ngày nay Chánh Pháp bị chấp vá, trở thành “đầu Ngô, mình Sở”. Đây là lúc chúng ta cần quan tâm và sáng suốt, để nắm vững Nguyên Tắc tu luyện được Đức Chí Tôn ban trao, để gỡ “cái nùi tơ rối” để làm sáng tỏ chánh pháp và mang đến hồng ân cho nhân loại.

Để phục hưng “Cơ Đạo” cần nắm vững Nguyên Tắc của tu luyện là: “thuận theo Thiên Lý”. Vì vậy, Ôn Trên chỉ dạy người tu phải “thực hành Đạo Pháp”. Nghĩa là, tu luyện là thực hành việc điều chỉnh bộ máy của châu thân, là Tiểu Thiên Địa, để tái lập sự hài hòa và mật thiết cùng Đại Thiên Địa, là Đạo Pháp, tức là Quy Luật sanh hóa và vận hành cần khôn vũ trụ.

Đối với nhơn thân, chúng ta có thể hiểu tu hành là tái lập sự hòa hài và mật thiết giữa Âm Dương, Hữu Vô, Thần Khí v.v... gọi chung là “hiệp nhất Tinh Khí Thần”. Ba phần quan trọng này, tuy bên nhau nhưng bị cách ly, không còn vận hành hài hòa kể từ sau khi chúng ta sanh ra nơi cõi Hậu Thiên này. Bởi vậy, mục đích của “tu luyện” là thực hành việc tái phục hồi sự mật thiết của Tinh Khí Thần để có được sự mật thiết với Tào Hóa như thời mới sanh, để vận dụng Tiềm Năng vi diệu nơi nội thân và để nâng cao sự hòa hài cùng nhịp điệu của vũ trụ.

Tóm lại, để hiệp nhất cùng Tào Hóa, giải thoát luân hồi sanh tử, hay để tận hưởng cái kho tàng vi diệu của trời đất tiềm ẩn nơi nội thân, chúng ta chỉ cần thực hành cách Hít Thở bằng hoành cách mô mà mỗi chúng ta đều đã trải qua rất tinh nhuệ lúc mới bước vào đời, đó là:

Hít thở để tiếp thu dưỡng khí nuôi thân và nâng cao tiềm năng của tự thân. Chúng ta trở lại thực hành cách hít thở như trẻ con mới sanh để thư giãn thân tâm và điều hòa Âm Dương để có lợi cho sức khỏe và nâng cao tiềm năng và trí tuệ.

Hít thở để tiếp thu năng lượng vi diệu trong thiên nhiên để giữ sự hài hòa và mật thiết giữa con người và vũ trụ để thăng hoa tâm trí. Chúng ta hít thở như trẻ con mới sanh, và chú tâm vào việc điều hòa hơi thở cho nhịp nhàng để cho Tâm thanh tịnh, và đóng mở Hạ Thước Kiêu cho đúng độ số, để điều hòa Âm Dương theo nhịp điệu của thiên nhiên, để nâng cao khả năng tiếp thu Khí Lành, thăng hoa tâm trí.

Hít thở để tiếp thu Điện Quang của Tào Hóa (Harmony with Universal Intelligence ‘Creator-God-Spirit’) để trí tuệ minh linh hiệp nhất cùng Tào Hóa. Chúng ta cũng hít thở như trẻ con mới sanh, và

chú tâm điều hòa hơi thở cho nhịp nhàng để đóng mở hạ thước kiêu cho đúng độ số, để tiếp thu Khí Lành (như kỹ thuật hít thở thứ 2 ở trên). Và, đặc biệt là, Tâm phải thanh tịnh và phải thực hiện lòng nhân ái, vong kỷ vị tha, và luôn luôn thể hiện hạnh từ bi của người Bồ Tát trong đời sống. Khi có đủ những căn bản về đạo đức và từ bi như thế thì mới đủ tiêu chuẩn đạo đức để “HÒA ĐỒNG CÙNG TẠO HÓA”, để nắm Cơ Mầu Nhiệm, gánh vác công việc của Trời Đất.

Tóm lại, pháp môn giải thoát của Kỳ Ba được Đức Chí Tôn ban cho nhân loại tu luyện để giải thoát luân hồi sanh tử là: Quy Luật đang vận hành càn khôn vũ trụ là Đại Thiên Địa; Quy Luật này cũng đang âm thầm vận hành nơi con người là Tiểu Thiên Địa.

Việc thực hành Linh Châu và Tượng Châu cần nghiêm túc vâng hành theo chỉ dạy của Đức Chí Tôn và chư Thiêng Liêng để bảo đảm việc hành trì pháp môn đúng với Đạo Pháp hay Quy Luật của Tạo Hóa để:

Nương theo Khí Lành, đặng nâng cao tiềm năng vi diệu có sẵn nơi con người, để hiệp nhất cùng Tạo Hóa.

Và, hiệp nhất Âm Dương, điều hòa Thần Khí để nâng cao sự mật thiết cùng thiên nhiên, để sống an lạc, tiến bộ, đạo đức và siêu thoát để huyền đồng cùng Tạo Hóa và giải thoát luân hồi sanh tử.





1. Khai Kinh:

Trong Tam Giáo có lời khuyên dạy,

*Gốc bồi lòng làm phải làm lành;
Trung dung Khổng Thánh chỉ rành,
Tì bi Phật dẫn lòng thành lòng nhơn.
Phép Tiên Đạo tu chơn dưỡng tánh,
Một cội sanh ba nhánh in nhau;
Làm người rõ thấu lý sâu,
Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh kinh.*

(Kinh Tận Độ-HTTGCD)

2. Tịnh tâm chú:

*Lòng người đặng tánh linh hơn vật,
Biết kinh thành dè dặt khôn lanh;
Khá tua lánh dữ làm lành,
Những điều nghiệt ác hóa thành khói tan.*

(Kinh Tận Độ-HTTGCD)

3. Lời Phật dạy:

<i>Chư ác mạc tác,</i>	<i>Không làm mọi điều ác</i>
<i>Chúng thiện phụng hành</i>	<i>Thành tựu các hạnh lành</i>
<i>Tự tịnh kỳ ý</i>	<i>Tâm ý giữ trong sạch</i>
<i>Thị chư Phật giáo.</i>	<i>Chính lời chư Phật dạy</i>

(Pháp cú, 183)

4. Đức Lý Giáo Tông:

*Trở lại lòng, đừng buông xa nữa,
Trở lại lòng, đừng dựa nhờ ai,
Lòng mình chính thật CAO ĐÀI,
CAO ĐÀI đâu phải bên ngoài mà theo.*

(TTTH2017-Bài 311)

5. *Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm,
Tâm điều, an lạc đến.*

(Pháp cú, 35)

*Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến.*

(Pháp cú, 36)

6. Thầy dạy: Từ xưa đến nay trải qua ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, chư Phật Thánh Tiên tu hành đắc ngộ chơn truyền đạo pháp cũng không có gì lạ cả, chỉ làm chủ được cái tâm của mình mà thôi. Bốn Thánh, sáu phạm cũng bởi tâm người mà có, Phật đã nói nhứt thiết do tâm, tâm mê thì ở trong vòng lục đạo, tâm ngộ thì được ở cõi Tứ Thánh.

Con tự xét, nếu trong người của con phiền não tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, chưa diệt sạch, chưa làm chủ được lục căn, thất tình lục dục đầy động thì làm người còn chưa xong, có mong gì

đến hàng tứ Thánh, cho nên phạm cũng tâm con mà ra, nên pháp môn cầu đạt địa vị Tiên Phật, cốt ở tu luyện sao cho tâm tánh mình trở nên thanh tịnh, muốn thanh tịnh thì trước phải trừ khử dục tình

Thầy thấy có nhiều con hiểu lầm pháp tu của Thầy, cứ lo về phần luyện mạng nói đó là tu, mà không lo tu tánh, kết quả tâm phạm không chút gì sửa đổi, tu như thế làm sao mong ngày đắc đạo. Trong hai phần tu tánh, tu mạng, nếu phải bỏ lấy một thì nên lấy phần tu tánh, cũng đắc thành quả vị.

Thầy lấy làm lo cũng vì nghiệp lực của các con còn nặng, Thầy dù hết lòng lo cứu độ các con, nhưng sự tu hành là cốt ở nơi con phải tự lực tự cường mà tinh tiến, Thầy chỉ là người dìu dắt cho con qua những chỗ quanh co tăm tối mà thôi, con có chịu đi Thầy mới có phương điều độ chớ con quá nặng nề chậm chạp Thầy dù có thương biết làm sao bồng ẵm cho được. Thầy cũng đồng ý cho các con là đặt nặng vấn đề sám hối, có sám hối thì mới tiêu nghiệp giải khiên, nghiệp khiên oan trái giải được rồi thì thân tâm mới được nhẹ nhàng thanh khiết, đường tu nhân đó được hanh thông. Nhưng phương môn sám hối như thế nào mới thật diệt được nghiệp, tiêu được khiên, có phải là tự mình soát xét lại những điều tội lỗi, hoặc do tam nghiệp: thân, khẩu, ý gây ra, hoặc do phiền não tam độc: tham, sân, si gây ra, hoặc do bởi căn trần cấu nhiễm, hoặc do lực dục thất tình mà có, kiểm điểm thấy được lỗi lầm rồi con dốc một lòng ăn năn sám hối. (TTTHGP-II-Bài 107)

7. Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy :

*“Rèn luyện cho tâm hồn mình lành,
Vun trồng cho nhơn bản vững sâu;
Tinh chuyên “phản tỉnh nội cầu”,
Lo gì không có pháp mẫu nơi tay”*

(ĐHCN 2006-Tr:7)

8. Đức Quan Âm Bồ Tát nhấn mạnh việc quay vào tâm: “Vì vậy nên huyền cơ đạt đạo ở chỗ chí nhiệm, đem mắt vào lòng thì lòng được yên, lòng yên rồi thì hàng phục được”(Quan Âm Bồ Tát, Tịnh đường ngày 2-5-Quý Mão-TTTHGP)

9. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy về phản tỉnh :

“Chư hiền sĩ hiền muội đã theo dõi và hình dung một con người có hai trạng thái từ trong nội tâm cũng như nơi ngoại thể hằng mâu thuẫn nhau. Vì vậy trong cửa tôn giáo, nói đúng hơn là phần Đạo học, thường dạy người tu thân học đạo nên thận trọng, kỹ lưỡng, theo dõi để phân tách và kiểm soát phần nội tâm của mình từ ý nghĩ, lời nói đến việc làm, xem coi phần nào là Thiên phú (Thiên tánh chơn ngã) và phần nào là cái ta (giả ngã). Có như vậy mới phân tách nhận định được việc nào không nên nghĩ, không nên nói, không nên làm.

Trước nhứt, bản thân mỗi người suốt một ngày làm việc mưu sinh, chung đụng với những phức tạp hỗn loạn ngoại cảnh, tâm trí con người bị xáo trộn. Sau một ngày ấy, cần để nhín chút thời giờ (nếu nhiều càng tốt) để kiểm điểm lại suốt ngày qua mình đã tiếp xúc với những ai, có những ý nghĩ gì, nói những ngôn ngữ nào, và có những hành động gì. Khi lòng trần lắng dịu, Phật tánh phát hiện, lần lần sẽ thấy nổi lên những nét thiện ác trong những hoạt động ngày qua.

Nhớ rằng phải công bình mà phán xét, phải vô tư mà nhận định, đừng tự ái, ích kỷ, vì một mình trong phòng tối còn ai nhìn thấy hoặc hiểu biết những hoạt động không đẹp ấy đâu mà tự ái, phải hoan hỉ để phục thiện và hoan hỉ để tinh tiến”.(Thánh Giáo Sưu Tập năm 1970)

10. Thầy dạy: “Phải thường tự hỏi lấy mình khi đem mình vào lạy Thầy buổi tối, coi phận sự ngày ấy đã xong chưa mà lương tâm có điều chi cắn rứt chẳng? Nếu phận còn nét chưa rồi, lương tâm chưa đăng yên tịnh thì phải biết cải quá, rán sức chuộc lấy lỗi đã làm thì các con có lo chi chẳng bị bức chí Thánh. Thầy mong rằng mỗi đứa đều lưu ý đến sự sửa mình ấy thì lấy làm may mắn cho nền Đạo, rồi các con sẽ đăng thông dong mà treo gương cho kẻ khác. Các con thương mến nhau, dịu dặt nhau, chia vui sót nhọc nhau, ấy là các con hiến cho Thầy một sự vui vẻ đó.” (Tòa Thánh Tây Ninh - Thánh Ngôn Hiệp Tuyển -1969)

11. Đức Di Lặc Thiên Tôn:

“Chư môn đồ ôi! Chánh pháp không phải ở trong phù linh phép lạ, cũng không phải ở ngọn cơ này, cũng chớ khá tìm chốn thâm sơn cùng cốc, mà hãy quay về tìm ở nội tâm.

Nếu ngoài cái tâm ra thì pháp vật⁽¹⁾ vẫn hoàn không. Bởi thế mới có câu: “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”. Đạo lý cũng thế. Đạo lý không phải trong ngàn kinh muôn điển, cũng không phải trên ngọn cỏ này hay ở trên pho tượng của bàn tăng, mà chính đạo lý ở trong lòng của chư môn đồ. Một lời nói, một hành động đều có đạo lý cả.

Muốn cho suốt thông đạo lý, muốn đắc chánh pháp, hãy nội tỉnh phản thân cho mình tâm kiến tánh thì Như Lai phát hiện. Chừng đó chư môn đồ mới rõ lý chơn thường diệu hữu của pháp tu thân” (Trúc Lâm Thiền điện, Tuất thời, 07-02-Tân Hợi-1971)

12. Đức Phật dạy Rahula ở rừng Ambala:

“Này Rahula, con nghĩ thế nào? Mục đích của cái gương là gì?

- Bạch Thế Tôn, mục đích là để phản tỉnh.

- Cũng vậy, này Rahula, sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành thân nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành khẩu nghiệp. Sau khi phản tỉnh nhiều lần, hãy hành ý nghiệp.

Này Rahula, khi con muốn làm một thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp gì, hãy phản tỉnh như sau: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ”. Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, con biết: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp này, ta muốn làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ”. Một thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp như vậy, này Rahula, con nhất định chớ có làm. Này Rahula, nếu sau khi phản tỉnh, con biết: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp này ta muốn làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp này của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc”. Một thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp như vậy, này Rahula, con nên làm. “(Kinh giáo giới Rahula ở rừng Ambala - Trung bộ kinh).

13. Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch cũng dạy:

“Muốn đương vi sứ mạng đó phải trước hết là tu. Tu lòng cho thanh khiết, thanh tịnh. Lòng thanh khiết là làm sao? Có phải trong trắng chẳng? Muốn trong trắng thì phải thanh tịnh. Thanh tịnh cái gì? Trước hết là sáu căn, sáu trần làm cho gián cách, rồi lòng và sáu căn cũng làm cho gián cách. Lòng không dính cùng căn, căn không dính cùng trần, trần căn thanh tịnh thì lòng thanh khiết. Lòng được như như thì bản giác đủ đầy. Bản giác sáng trong thì biết rõ cơ Trời việc Thế mà tiến thoái theo lẽ Dịch.” (Lý Thái Bạch, THBT, 30.10.Mậu Tuất-1958)

14. Đức Bác Nhã Thiền sư cảnh tỉnh:

*“Biết bao kẻ sĩ trên đời,
Thông kim, bác cổ, nhả lời ngọc châu.
Nếu chưa phản tỉnh nội cầu,
Giảng hay, nói giỏi, khỏi đâu luân hồi.”*

(Minh Lý Đạo, 13/08/ Đinh Mão-05/10/1987)

15. “Phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất tùng tha đắc” (Tuệ Trung Thượng Sĩ)

16. Thường tự hỏi nhiều lần trong ngày: Ta đang nghĩ gì ? Ta đang nói gì? Ta đang làm gì? là đang phản tỉnh và tập làm chủ tâm ý của mình, là trở lại lòng.



(1) Tịnh là vô nhất vật (TNHT)
Bỏ lai vô nhất vật (Huệ Năng)

Phật tại Tây Thiên

NGỌC ANH

Xin kể lại một câu chuyện:⁽¹⁾
Trà đồng mang sách trả Tàng Kinh Các. Sư huynh quản thủ muốn thử xem việc học của trà đồng, bèn viết một câu chữ Nho dài ngoằng và bảo: Đề đọc và dịch câu này thử xem. Thấy toàn là những chữ dễ, đã học từ lâu, trà đồng mừng ra mặt, bèn đọc và dịch:

- Tu đạo nhất niên Phật tại tiền; tu đạo thập niên Phật tại thiên biên - Tu đạo một năm Phật ở trước mặt; tu đạo mười năm Phật tại ven trời.

- Giỏi lắm! Nhưng đề có hiểu không? Trà đồng lắc đầu.

Sư huynh thông cảm và giải thích: “Câu này lý đạo rất sâu sắc. Để tự răn mình đừng lơ đãng, giới tu hành truyền tụng qua nhiều đời, do đó phát sinh vài dị bản. Nam Hoài Cẩn là một cư sĩ Trung Quốc nổi tiếng uyên thâm đạo học. Ông truyền lại câu nói như sau:

- Học Phật nhất niên, Phật tại nhãn tiền; học Phật lưỡng niên Phật tại đại diện; Học Phật tam niên, Phật tại Tây thiên. - Học Phật một năm, Phật ở trước mắt; học Phật hai năm, Phật trong chánh điện; học Phật ba năm, Phật tại Tây phương”.



Ngẫm nghĩ hồi lâu, trà đồng nói tiếp:

- Lạ quá, sư huynh! Ông Socrates bảo càng học nhiều càng thấy mình dốt. Đệ hiểu đó là đức khiêm tốn trong học thuật. Nhưng nói rằng càng tu lâu năm càng thấy Phật cách xa mình hơn, thì phải chăng nghịch lý? Hay là cư sĩ Nam Hoài Cẩn có ngụ ý gì khác?

- Sâu sắc chính là ở chỗ đó. Khi mới phát tâm tu hành, phần đông chúng ta rất siêng năng, hăng hái, nghiêm túc, đàng hoàng. Với tâm lý đó, thái độ đó, chúng ta cảm thấy mình sắp đắc đạo đến nơi rồi. Bởi vậy ông Nam cư sĩ nói học Phật một năm, thấy Phật hiển hiện trước mắt mình.

Tu thêm một thời gian nữa thì bắt đầu dễ duôi, chểnh mảng, quy giới lồi thối, kinh kệ chập chờn, bữa nạc bữa mỡ... Phật không còn sống động trong tâm tưởng người tu nữa, chỉ khi nào vào chánh điện cúng bái thì mới thấy pho tượng Phật trên bàn thờ; nên ông cư sĩ bảo rằng tu hai năm thấy Phật trong chánh điện.

Cứ theo đà suy thoái đó, tu thêm thời gian nữa thì chỉ còn giữ hình

thức bề ngoài là người tu. Lúc này tâm người ấy cách xa Phật quá chừng quá đổi, nên cổ nhân bảo tu đạo mười năm Phật tại ven trời; ông cư sĩ bảo học Phật ba năm thì Phật bên Tây phương xa lắc.

Câu nói của Nam cư sĩ còn ý nghĩa rất thâm thúy. Nhiều người tu học lâu năm hay tự phụ mình tài giỏi, hoặc tự đắc với phẩm trật chức sắc của mình và sinh lòng kiêu ngạo mà kinh Phật gọi là cống cao ngã mạn. Tâm địa như vậy đâu còn là tâm Phật nữa. Phật không ngự trong tâm họ mà ở tít ven trời, ở tuốt bên Tây phương cực lạc.

Vậy làm sao để luôn thấy Phật trước mắt ta?

1. Rèn luyện thân tâm

Người tu phải rèn luyện tâm như chiếc máy bay: càng lên cao thì cái ta càng nhỏ đi cho đến khi triệt tiêu, thật là khó nhưng chỉ như thế sự tự phụ, kiêu ngạo mới không còn và tâm ấy mới gần tâm Phật được!

Tâm của người tu phải luôn sáng tỏ, không lu mờ.

Ôn trên dạy: “Tâm phải thường thanh tịnh, tỉnh được trắng trong, ý không ba động, thần chẳng đảo điên, căn trần không dính liền, vô tư vô lự với thế sự nhân tình. Thân

tâm hiền trọn cho THẦY, một lời nói, một hành động đều hướng về đạo đức, ý nghĩ đều luôn luôn tưởng niệm độ mình, độ đời, đừng thấy ai là kẻ thù, đừng nghĩ ai là người xấu...”

Tâm thanh tịnh là tâm bình an, không lo âu, phiền muộn, không phần khích, sợ hãi, không vọng cầu...

Phải luôn học thuộc, chiêm nghiệm, thực hiện lời Thầy dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:

Thành tâm niệm Phật.

Tịnh - Tịnh - Tịnh - Tịnh - Tịnh.

Tịnh là vô nhất vật.

Thành tâm hành Đạo.

Với người tín hữu Cao Đài, muốn rèn được thân tâm thì cần thực hiện công phu, công quả, công trình!

Công phu công quả ân cần,

Nhân sanh cảm đức, xa gần

kính thân.

(TTTH tập 2)

Đây là con đường tánh mạng song tu. Có như vậy người tu mới gạn được phàm tâm, trưởng dưỡng tâm vô ngã, tánh từ hòa. Việc rèn luyện thân tâm phải luôn thực hiện hằng ngày, hằng giờ..., đừng để duôi, lười biếng.

Đức Bảo Pháp Chơn Quân Thanh Long đã dạy:

“Lấy công quả đền bù nợ trước,

Dụng công phu chế ước lòng tà;

Để rồi tự giác, giác tha,

Song hành phước, huệ mới là

viên thông”.

(TTTH, tập 4, bài 58)

Tri hành công phu tịnh định, luôn giữ chánh niệm, để tâm thanh tịnh thì trí huệ mới phát sinh. Có trí huệ như có ngọn đèn thấp sáng thì bóng tối là vô minh sẽ ra đi... Có như vậy Phật mới luôn ở trước mắt ta!

2. Kiên định đức tin:

Mỗi sáng đọc kinh mai, chúng ta đều nguyện:

“Chỉ thành một dạ sắc son,

Thờ Thầy giữ đạo phận con

đó mà”

Mọi tôn giáo đều lấy đức tin làm gốc. Cao Đài cũng vậy, đức tin rất cần ích, giúp cho ta giữ đạo, có đức tin đồng mãnh thì lòng ta mới vững vàng, tinh thần hăng hái, tu học hành đạo mới hanh thông. Người Pháp có câu phương ngôn: “Đức tin chở nặng núi non”. (La foi transporte les montagnes).

Đức tin yếu thì dễ dàng vấp ngã, vọng cầu, đứng núi này trông núi nọ.

Gần đây có hiện tượng một số đạo hữu do yếu đức tin, xa Thầy bỏ bạn, bỏ nơi mình đang tu học hành đạo, chạy sang nơi khác cũng gọi là Cao Đài với tâm lý mong cầu theo pháp môn này sẽ thấy ngay kết quả, có những ấn chứng huyền diệu. Đừng quên:

Quý lục dục thất tình cảm dỗ

...Yếu đức tin nên phải luy mình;

Để giữ vững đức tin, người tín đồ Cao Đài luôn ghi nhớ lời dạy của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát:

“Thế gian con hỗn độn

Hư thiệt đều chung lộn

Hồi hướng biết về đâu?

Kìa Cao Đài nhất bốn”

Từ đó trọn một lòng tin, giữ cho ngọn tâm đăng luôn sáng tỏ, không lay động, xao xuyên, kiên định lập trường:

“Con tin tưởng có Trời hằng ngự,

Con tin con để giữ thân danh;

Ngày mai Đại Đạo hoàn thành,

Trung Hưng Tông Đạo cửa

lành rộng khai”

(Ngọc Hoàng Thượng Đế,

THBT, 01-01- Bình thân-1956)

Đức Ngô cũng đã nhắc nhở: “Đức tin là sự sống nơi lòng của chư hiền. Đức tin giao cảm cùng Thầy để nối liền on điển, Ta nói thật cùng chư hiền: sống trong

thời mạt pháp này, nếu không nhờ ân điển của Thầy thì không dễ gì tự tu mà đắc thành quả vị. Vẫn biết ngày tận độ, Thầy bố điển quang khắp mười phương thế giới, nhưng những kẻ hưởng được là những kẻ có một đức tin trọn vẹn cùng Thầy, cũng như trời mưa khắp cả bốn phương nhưng có hứng thì mới có nước mà uống được, nhưng đức tin Ta nói đây là một sự chánh tín căn bản, không bảo các hiền tin theo sự cuồng tín đâu”

(Tịnh Đường, Tý 08- 02- Bình Ngo-1966)

Đức HÙNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG trong đàn cơ tại THBT, ngày 19- 4- ĐĐ 31 Bình Tân (28- 5- 1956) cũng nhắc nhở:

“ Đức tin đã bị yếu thì Đạo pháp phải lu mờ, đường tu không tinh tấn, sức đạo thiếu phương cương, nên chi Bản Thánh hằng nói cùng chư Hiền, nên rèn luyện lấy đức tin, có tin thì được cứu. Có đức tin là có Thánh linh hằng ngự. Đức tin là phép lạ để trừ dẹp lòng tư dục làm cho tình cảm được dồi dào, mối thương yêu giữa nhau tự nhiên được thắt chặt, chung quanh thành một khối thân hòa, cứng mạnh để chống lại với nghiệp chương khổ đau...”

Đức Lý Giáo tông đã dạy:

**“...phải giữ lòng chuyên
nhứt, đứng yên một chỗ, gìn nội
tâm, tu học hành đạo cho nên
người chí thiện chí mỹ. Nếu để
tâm vọng cầu, chạy đây chạy đó,
thỏa mãn tính hiếu kỳ, lập trường
không vững, thì tránh sao khỏi
cái vô thường thấy, cái vô thường
nghe, ắt bị sa vào chỗ tối tăm phé
phận, rất uổng một kiếp vi nhân,
đắc tội cùng trời đất”**

*(CQPTGL, rằm tháng 2
Nhâm tuất- 10-3-1982)*

Mùa thu năm 1965, Mẹ dạy
cho toàn thể chúng ta với lời lẽ
thật giản dị:

*“Đạo lý chỉ cần lẽ thiệt thôi,
Đừng mơ ảo ảnh chốn xa xôi.
Trong con sẵn có cơ phàm Thánh,
Lặng lẽ lòng con rõ máy Trời.”*

Mỗi người chúng ta phải luôn
phản tỉnh nội cầu và luôn đề cao
cảnh giác như lời dạy của CÁI
THIÊN CỐ PHẬT tại Tam Tông
Miếu ngày 23- 7- năm Ất tỵ (19-
8- 1965)

“...Trời có tam thập lục thiên,
ma quỷ cũng có tam thập lục động;
Trời có thất thập nhị địa, ma quỷ
cũng có thất thập nhị huyền công,
thì sự huyền diệu của ma quỷ e
còn hay hơn, giỏi hơn. Chúng nó
chỉ có làm chết được mà làm sống
không được mà thôi.

... Nên đây, Lão khuyên chư
hiền cẩn thận, đừng trông đó
ngó đây, đứng núi này trông núi
nọ, mà khó được trọn tâm cùng
Đạo”.

Cầu nguyện mọi tín hữu chúng
ta tinh tấn trên đường tu học, để
luôn có” Phật tại nhãn tiền”.



⁽¹⁾ Tài liệu trích dẫn: Nẻo về tâm linh của ĐH Huệ Khải, bài Gắn và xa

Cẩn mạn **VỚI TRÍ HUỆ**

(Bài viết cho Kỷ yếu Lễ khánh thành Nhà tu Trí Huệ)

GS Thượng Văn Thanh

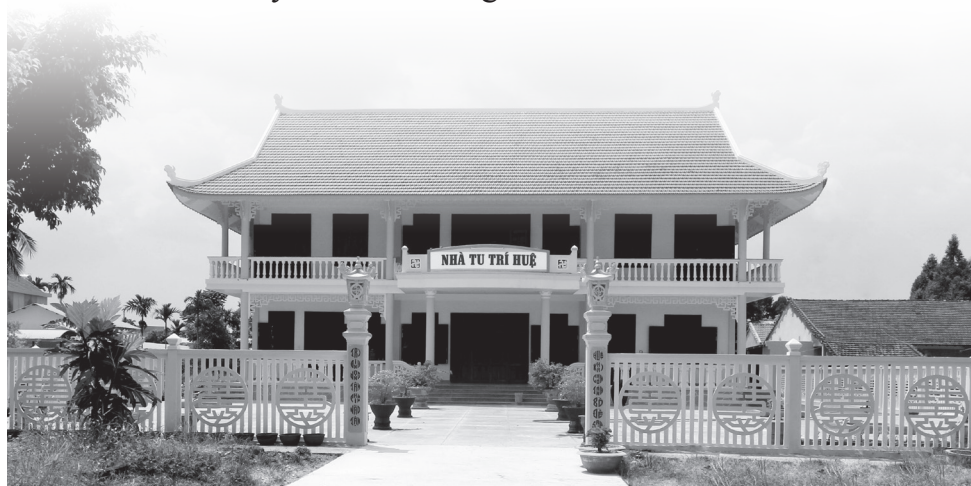
Lành thay Trí Huệ!

Lành thay Trí Huệ!

Mà lành thật vì xây dựng được một cơ sở làm nơi tu học cho tu sinh khắp nơi thì rất đáng mừng, đáng quý.

Bây giờ mới có nhà tu mà hoạt động của nhà tu thì đã được gần một giáp. Từ Hội trước đến Hội này tu sinh nương nhờ nơi Thánh Đường Quảng Nam.

Lành thật vì 12 huynh đệ quây quần tu học trong 12 năm qua đã không nảy sinh điều gì đáng tiếc như sai phạm qui giới gây tiếng xấu cho Trí Huệ. Một tu sinh xin nghỉ đúng thủ tục phép tắc, một em âm thầm bỏ bạn là chuyện bình thường.



Vô hình trung thời gian qua là giai đoạn thử nghiệm. Nói vô hình trung vì thời thế tạo nên như vậy chứ không có chủ trương thử nghiệm.

Không một điều tiếng xấu xa, an bình tu với tứ thời kinh kệ, tịnh luyện. Tất cả đều đã thọ châu và có 12 tu sinh bậc Tâm và Tam bảo. Học giáo lý tại thánh đường và học văn hóa ở ngoài. Hai tu sinh đã xong đại học, ba Tu sinh đang học đại học, ba Tu sinh tốt nghiệp Hạnh đường phổ thông, một Tu sinh tốt nghiệp Hạnh đường hệ Hoàng giáo.

Lành thay còn ở chỗ từ ngày các tu sinh về tu và sống ở đây đã đem lại sức sống cho ngôi Thánh đường vốn thường vắng vẻ và phai màu thời gian. Áo trắng vào ra, bốn thời đều có chuông ngân, hoa trái và rau xanh vươn lên thay cho cỏ dại um tùm.

Lành thay và rất cảm động là nhiều Họ đạo địa phương các bậc tâm đạo gần xa và những gia đình tu sinh thường yểm trợ vật thực, bầu bí tương rau cho con em độ nhật.

Cuộc thử nghiệm vô hình trung ấy với những kết quả tuy không lớn lao nhưng chắc vững, đem lại cho những người quan tâm sự tin cậy.

Bây giờ, nằm giữa ngôi chùa Tỉnh hội và Thánh đường Quảng Nam là nhà tu Trí Huệ. Cơ sở không lớn nhưng có qui cách một nơi tu học và đào tạo gồm bữa điện, tịnh phòng, thư viện, phòng học và các tiện nghi sinh hoạt. Nhờ vậy, có thể tiếp nhận tu sinh từ mọi nơi thuộc Hội Thánh Truyền Giáo chứ không còn giới hạn trong tỉnh Quảng Nam nữa.

Thánh giáo có dạy:

“Việc đời, việc đạo, việc nhà

Phải cho tương đắc mới là nên công”

Thực tế cho thấy rất khó hoàn mãn sự tương đắc này. Chức sắc tôn giáo khác chỉ có mỗi việc đạo nên thuận lợi hơn cho cá nhân lẫn cộng đoàn. Hy vọng, có nhà tu, có người phát nguyện tu chơn thì nhiều thế hệ sau việc hành đạo sẽ ít trở ngại, vững bền hơn.

Lý duyên sanh khiến nghĩ thêm rằng có cái này những cái kia cũng phải có. Những cái kia ấy là sẽ có sự phát tâm tận hiến tu chơn của tuổi trẻ. Kèm theo sự chọn lựa cẩn thận giảng viên, tài vật cùng những đầu tư về tâm và tầm để Trí Huệ phát triển tốt đẹp, vững mạnh.

Chắc là khó. Tự tin và đủ sức cố gắng thì không bao lâu hoa quả sẽ tốt tươi. Hãy hành từ pháp môn diu dất được dạy trong kinh nguyên:

“Nguyên diu dất anh em sau trước”

Và làm theo Thánh giáo:

*“Nhớ đừng quên lời Thầy dạy bảo,
Dất diu nhau gánh đạo Trung Hưng”*

Về không gian, Trí Huệ và Phước Huệ cùng ở trong một thành phố nhưng về thời gian thì Phước Huệ vào tuổi 60 còn Trí Huệ mới 12.

Trong tâm não chúng ta, Phước và Trí không thể tách rời cho dù nội dung suy nghĩ giữa nhiều người không hẳn giống nhau. Đối với hai nhà tu này, ai đó có thể sinh tâm so sánh thế nọ thế kia như nặng nhẹ, hơn thua, nhiều ít. Nghĩ cạn thì cho rằng ở Phước Huệ tu cả hai mặt, tu Phước và tu Huệ, còn Trí Huệ, như tên gọi chỉ tu có một.

Nghĩ vậy sai! Tu Huệ mặc nhiên có tu phước. Nghĩ rằng hành phước hay bố thí là giúp người bằng tiền của, vật phẩm mà quên rằng bố thí có ba bậc: tài thí, pháp thí và vô úy thí. Một hành động hay lời nói, một bài giảng mà giác ngộ, sách tấn được người bỏ ác về thiện, tinh tấn tu hành là một cách cho phi vật thể, vô hình nhưng rất quý báu.

Thái Tử Tát Đạt Đa từ bỏ ngai vàng đi tu, khi đắc đạo ngài đầu còn gì để hành phước, để cho thiên hạ nhưng công trình giảng đạo, thuyết pháp của ngài lớn biết bao.

Thầy dạy: *“Thế nên con muốn hành tròn phận đạo thì phải song tu. Nghĩa là vừa tu phước vừa tu huệ”*

Năm nay, không bao lâu sau lễ khánh thành nhà tu Trí Huệ thì nhà tu Phước Huệ kỷ niệm 60 năm thành lập. Tuổi cao nhưng sức yếu vì nhiều lý do. Lý do nào cũng xác đáng. Những lý do này thuộc hoàn cảnh lịch sử từ năm 1969 và nhiều năm kế tiếp, điều kiện nhân sự... Nói xác đáng vì nó đúng thực tế chứ không nên lấy đó làm chỗ dựa để tự biện vực, thanh minh bắt đầu bằng những từ như tại, vì, bởi... Những nguyên nhân này cần được phân tích, nghiệm suy tìm phương phục hoạt cho Phước Huệ. Hiệu quả không riêng cho nhà tu, không riêng cho nữ phái mà cho đạo nghiệp Trung Hưng.

Trừ trường hợp đặc biệt, nói chung và phổ biến đối với đại chúng thì tu học phải song hành. Tu không học là tu mù, học không tu là cái đây đứng sách. Học hữu vi với thầy dạy, sách vở, tài liệu ai cũng biết cũng từng trải nghiệm. Học vô vi là học bằng điện quang nhờ công phu tịnh luyện. *“Điện quang đã đến một nơi nào hay chuyển nhập cho một người nào thì người ấy nơi ấy, đã trở thành cao minh trí huệ, đã cao minh là Thượng Đế ngự trị đó rồi, mà trí huệ lại làm đường cứu rỗi”*

Chúng ta có một nhà tu nữ một nhà tu nam, mỗi nhà tu đều có chữ Huệ đã nêu cao mục đích tối thượng của tu hành.

“Hồi sanh chúng! Hãy khêu mau đuốc huệ

Mở thông đường trí huệ để mà tu”

Rất nhiều thuật ngữ Phật giáo thường có chữ Huệ như văn huệ, tư huệ và tu huệ hoặc duy tuệ thị nghiệp, tuệ nhãn, tuệ căn, tuệ lực...

Thầy và các đồng đạo thường nhắc nhở chư Thiên ân và môn sinh đồ chúng về trí huệ:

- Vạy các con từ đây phải được luôn luôn gần Thầy để trí huệ phát huy thì mới thấy được âm mưu nguy kế

- Mê đời trí huệ hao mòn

- Biết tu công hạnh mới tròn pháp duyên

Tinh thần tận độ là độ sanh, độ tử cầm cân song bằng.

Về độ sanh, Kinh Vào Học dạy:

“Gần điều nên tránh lẽ hư

Nương gươm thân huệ đặng trừ nghiệp căn”

Có người nghĩ rằng độ sanh mới cần trí huệ, đâu biết chư vong linh cũng cần trí huệ mới đoạn tuyệt luân hồi sinh tử.

Tượng Văn Thù Sư Lợi, bậc Đại Bồ tát biểu trưng cho trí huệ trong Phật giáo, cỡi sư tử xanh tượng trưng sức mạnh giáo pháp, tay mặt cầm gươm trí tuệ đoạn trừ phiền não, mặc giáp nhẫn nhục. Cây gươm hay huệ kiếm ấy được diễn tả trong bài kinh Khai Cửu và Văn Tế Tổ Phụ Qui Liễu lần lượt như sau:

*“Năm cây huệ kiếm guơm thân
Dứt tan sự thế nợ trần từ đây”*

Và:

*“Dâng guơm huệ kiếm xin cầm
Chặt lìa trái chủ, đặt tâm ngôi tiên”*

Kệ khai chung, chư nho thường xướng, chư vong thường nghe. Xướng mãi, nghe hoài thế nào cũng đến lúc người sống và kẻ mất cảm ngộ được diệu dụng sâu màu của trí huệ:

*“Văn chung thanh, phiền não khinh
Trí huệ trưởng, bồ đề sanh
Ly địa ngục, xuất hỏa khanh
Nguyên thành Phật, độ chúng sanh”*

Từ bỏ địa ngục, ra khỏi hầm lửa, chỉ nhờ trí huệ lớn mạnh và Bồ đề phát sanh.

Những câu kinh và Thánh giáo giúp chúng ta hiểu và nhận ra tầm quan trọng của trí huệ đối với người tu. Câu đối trước cổng nhà tu Trí Huệ cho thấy tác giả rất thâm cảm giá trị của Trí Huệ:

*“Trí định vọng tâm phiền não tận
Huệ khai chơn tánh Bồ đề sanh”*

Cùng một bài kệ Khai chung trong cùng một quyển kinh, bài in ở phần trước quyển kinh thì chữ Huệ (Trí huệ trưởng, bồ đề sanh). Bài in ở phần sau thì dùng chữ Tuệ (Trí Tuệ trưởng, Bồ đề sanh). Xin mượn trường hợp này để nói về Tuệ và Huệ. Còn lý do và trách nhiệm về sự khác nhau như thế trong cùng một bài kinh nên để qua một bên.

Tuệ và Huệ khác nhau về âm đọc, về chính tả nhưng ý nghĩa hay nội hàm hai từ này giống nhau. Giống nhau nhưng có thể dùng thay thế cho nhau được hay không thì còn tùy trường hợp. Huệ hay Tuệ dùng từ nào cũng được như các thuật ngữ trí huệ (tuệ), Tuệ (huệ) giác, Giới định tuệ (huệ). Dùng Tuệ hay Huệ thường khi do thói quen của người viết, thói quen vùng miền. Dùng khác đi thì nghe nó kỳ. Người ta nói Trí

Huệ Cung chứ không nói Trí Tuệ Cung. Theo Đoàn Trung Còn trong Phật Học Từ Điển thì người “*Người Nam Việt đọc Huệ, người Bắc Việt đọc Tuệ*”. Hèn chi từ điển của ông thấy toàn Huệ, tra mục từ Tuệ thì thấy ghi (xem: Huệ). Ngược lại, trong Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh (người Bắc) không tìm thấy Huệ theo thuật ngữ nhà Phật, thay vào đó là Tuệ.

Huệ hay Tuệ, nghĩa cốt yếu là trái với vô minh. Và hiểu như vậy để tu chứ đừng có lo cãi cò mà mất thanh tịnh, quên tu. Như thế cũng giống như hai chú tiểu cãi nhau về phước động hay gió động. Phải có người bảo cho biết rằng phước không động, gió không động, chỉ có tâm hai chú động và mất tịnh. Chừng đó hai chú tiểu mới ngộ ra.

Chớ duyên theo cảnh mà động tâm. Nhân đây xin nói về mối quan hệ, có thể nói là quan hệ nhân quả giữa tịnh và trí huệ. Có nhiều Thánh giáo dạy về điểm này. Xin dẫn chứng:

“Nên người Thiên ân phải nuôi lòng thanh tịnh, có thanh tịnh thì trí huệ viên thông, thiên điều mới ngộ chứng”

“Các hiền lấy thanh tịnh mà làm nền tảng cho trí huệ. Có trí huệ mới nhận thấu lẽ đạo tinh vi, việc đời tế nhị. Có trí huệ rồi lòng mình mới nhẹ nhàng vui khỏe, mạnh mẽ đường tu, ân cần việc Đạo”

Rất vui vì Trí Huệ xây dựng xong nhà tu và làm lễ khánh thành nên sinh tâm có ít lời chia sẻ với huynh đệ tỷ muội. Lắng lòng rồi liền nhớ lời:

“Mẹ dặn: Từ đây muốn tránh sự lừa phỉnh cám dỗ của quỷ ma thì lòng con giữ cho thanh tịnh. Lòng được thanh tịnh thì sự liên lạc cùng Mẹ rất dễ dàng. Lòng ấy mãi yên lặng thì trí huệ phát hiện, quyền pháp được sáng tỏ, người con được nhẹ nhàng khỏe khoắn, con lo gì quả vị Thần Tiên không đạt”./



Giầu mỏng tôi

(Viết theo lời kể)

Trúc Hạnh

Lúc Tân đi vào Bình Định, đường xá rất xa xôi, nơi đây lúa xanh màu mạ non rất đẹp, cánh đồng mênh mông trải dài cùng với những con đường uốn lượn thật xinh xắn. Có nhiều núi đồi nhấp nhô, và dòng sông Côn lững lờ trôi, thật êm đềm. Mới vào còn xa lạ, nhất là giọng nói của địa phương, nhưng rồi thời gian quen dần, đến độ biết được những cách phát âm và thổ ngữ. Tân tham gia sinh hoạt cùng các thánh thất sở tại, những buổi họp đồng nhi và những buổi sinh hoạt ngày chủ nhật tẻ nhạt.

Lúc đó Tân vẫn còn trẻ, khoảng hai mấy xuân xanh, tuy chí hướng muốn tu mà sở thích không hoàn toàn hướng đến thanh cao, Tân

cũng có những xao xuyến trước một vẻ đẹp của cánh đồng, những buổi chiều thăm ruộng lúa thơm mát ngoài đồng, ưa nhìn cô gái xinh xinh trong đạo nói nói cười cười, rất có duyên, giống như những hôm trời mùa thu trong xanh, có những gợn mây bồng bồng như cảm xúc mơ hồ về một chốn không tên, nhưng thân thương, và đầy nhung nhớ, nhất là những đêm sinh hoạt đồng nhi, Tân mơ hồ thấy mình hướng dẫn cho các em đồng nhi ca hát, đọc kinh, gõ phách, và đi lễ. Tuổi các em còn mơn mớn như trăng rằm, nhìn những đôi mắt ngây thơ nhìn ngơ ngác, đôi lúc làm Tân thật sự bối rối. Tân chẳng biết cảm xúc đó là gì, tình yêu chẳng, hay tình

đồng đạo. Nhưng đó là những cảm xúc mới lạ, của tuổi trắng tròn, tuy lớn tuổi rồi, Tân cũng chưa có một mối tình nào cả.

Ở quê hương, Quảng Nam với núi đồi cao và dòng sông uốn lượn bên vách núi cheo leo, những buổi chiều nắng đơn đả, chơi thả diều và đá bóng. Rồi những mùa mưa lụt lội, dòng sông phình to lên như một cái ruột xe trông kinh khủng. Lúc đó trời âm u, nước lạnh và đỏ thẫm, ngai ngái mùi bùn, trong cảm giác băng khuâng vì mưa gió vì vẻ trơ trọi của những ngôi nhà xiêu vẹo, Tân nghe lòng mình xao động về vô thường. Đạo Thầy cũng nói về đời người luôn đau khổ, nhưng cái khổ đau đó khó nhận hơn là những hạnh phúc nhất thời, tuy thiếu thốn đủ điều, nhưng Tân thấy mình sung sướng, có những buổi sáng tinh khôi thức dậy trong tinh thần sảng khoái, có lúc vừa cúng xong, nghe lời kinh tiếng kệ, nhưng còn vương vấn trong lòng mình và trong những bụi sương mai mát lạnh. Cái tuổi thanh niên đầy hoa bướm của ngày xuân, ngập tràn cảm xúc và đức tin thiêng liêng. Rồi quê hương cũng chẳng được yên bình, phải lánh đi đây tiếc nuối. Tân lên đường đi Bình Định, nơi con sông

Côn êm đềm lượn lờ qua những đồi núi và cánh đồng vàng óng, vẫy tay chào đón Tân.

Nơi đó, cũng có một người con gái trong những buổi sinh hoạt đồng nhi, Tân bắt nhịp, nói về gọng Nam ai và Nam xuân, giảng giải giáo lý một cách sơ xài. Hễ cứ nhìn thấy những đôi mắt đen lánh nhìn mình, khâm phục cái kiến thức nhỏ hẹp của mình mà Tân đâm ra bối rối, không phải khi nào người ta nể phục mình, mình cũng thích thú cả đâu, có một phần bản ngã của mình cũng còn sáng suốt của người có ý thức tự qui. Tân biết rằng, sở dĩ các em đồng nhi khâm phục mình, vì các em chưa suy nghĩ đến nơi đến chốn, và chưa có kinh nghiệm tiếp xúc với nhiều người, một khi gặp gỡ nhiều thì trong đôi mắt các em Tân chẳng phải là một người thông thái gì. Nhưng rồi công việc cứ thế trôi đi, những ngày nghỉ học của các em và những buổi tập kinh, đi lễ kệ chuông, gõ phách cũng vang lên đều đặn trong ngõ vắng, như những tình cảm tự nhiên của gió thổi ngoài đồng vắng hay trăng mọc trên non.

Hôm tập xong buổi tối, trăng sáng lung linh khắp núi đồi, Tân phải lên tận nhà bác Bảy, để tập

cho xã đạo sát chân núi. Đến đó từ chiều rồi, nhưng Tân cứ loay hoay mãi, gặp người này hỏi thăm, gặp người khác thưa chuyện, rồi buổi tập hôm đó rất ít. Tân nhờ một cô gái có mái tóc dài đen nhánh, em lớn hơn các em khác vài tuổi, và dễ thương rất nhiều, không biết có phải vì thế mà Tri chọn em hay không? Tri nhờ em gọi thêm các bạn đến để buổi tập kinh, để hôm sau đông hơn, em có vẻ thích thú với nhiệm vụ này, Quả thật, tối sau đông hẳn lên, buổi sinh hoạt kinh lễ nhạc trở nên nhộn nhịp và vui hẳn, chính Tri cũng thấy một cảm xúc băng khuâng nhẹ nhàng dâng lên và phấn khởi bất ngờ

Bật đi một thời gian, Tân về nhà vì mẹ ốm, phải nhiều tháng sau mới trở lại và gần một năm sau mới có dịp trở lại xã đạo vùng núi đồi xơ xác đó. Tân thấy cảnh vật đâu đây cũng bằng bạc những kỷ niệm tối tối, đọc kinh và những tiếng cười trong vất vãng lên trong không gian yên tĩnh của núi đồi. Hồi chiều đi ngang qua nhà bác Bảy, vào chơi, rồi uống trà với bác, Tân thấy như có một khuôn mặt quen quen lướt qua đầu gối, Tân muốn chào, nhưng rồi lại ngỡ ngàng không biết đó là ai. Trí nhớ như khói sương nhạt nhòa, cứ

hững hững lơ lơ. Thôi đừng chào cho khỏi phải hớ, với người xa lạ, Tân thầm nghĩ như thế. Tối hôm đó, không tập trung đồng nhi trở lại nhà bác Bảy như thường lệ, vì không có thông báo trước, nên Tân phải ở đó thêm ít hôm, đi thăm viếng cơ sở đạo và cúng ở một vài nhà người quen, mọi sinh hoạt có vẻ tẻ nhạt, vì ai nấy cũng bận đồng áng. Rồi hôm sau được năm sáu người, cho đến hôm nữa mới được một chục, chừng đó cũng đủ làm Tân vui lắm rồi. Tân ngồi đó ngắm ánh trăng chiếu chập chờn qua song cửa nghe tiếng giọng Nam ai và Nam xuân lúc nhặt lúc khoan, như bài hát ngày xưa còn bé, nhưng cảm xúc Tri bình bồng theo không gian tĩnh mịch của đêm trăng huyền ảo, cứ thấy núi đồi, và đồng lúa lung linh ánh vàng. Tri thả mặc cho cảm xúc thên thang của lòng mình thần thờ theo tiếng kinh, cho đến khi hết bài mới giật mình. Các em vui vẻ chào từ biệt Tân về, có một bé, thật ra cũng lớn, hỏi Tân: “anh về sao lâu rứa?” Tân nhìn lại, giật mình, thì ra đó là Có, một cô bé lớn nhất ở đây, khi đối diện, bấy giờ Tân mới bối rối, nhìn lại thật kỹ khuôn mặt mà mới năm trước bọt bạc xanh xao, bây giờ hồng hào

tươi tắn. Vừa nói chuyện, mà đôi mắt Có long lanh như vui mừng vì gặp lại người quen, giọng Có cứ xa xăm như nói về một người nào đó hơn là nói với Tân. Nhưng quả thật, bây giờ Có đã thay đổi rất nhiều so với lần gặp nhau cách đây hai năm, thân hình có biến đổi ra vẻ con gái hơn, giọng nói trong và có chút hồn dỗi bất ngờ.

Rồi mùa xuân đến, cả hai năm rồi Tân không về thăm nhà, đường xá xa xôi và cũng chẳng có mấy tiền dư dả để về xe, Tân ở Bình Định này ăn cơm của đạo hữu và làm việc không lương, phục vụ cho Thầy thì chắc chắn không có lương rồi, phục vụ cho giáo hội cũng chẳng có đồng nào, và lại lúc này Tân chẳng thấy ai nhận phong bì hay tiền trả xe gì cả. Nếu có ai biểu Tân cũng chẳng dám nhận, nó kỳ kỳ sao ấy, khi phải ngửa tay nhận và hờ người vì công việc của mình được đánh giá chỉ chừng đó thôi. Bây giờ khi không được đánh giá, người ta yêu cầu xét lại cho đúng, lúc đó Tân chẳng bao giờ nghĩ đi nghĩ lại gì hết, chỉ muốn càng không có thù lao càng vui hơn, khỏi băn khoăn nôi tiếc.

Rồi cũng có tiếng pháo đầu thôn, cuối xóm, Tân nhớ quá cái ngỗ trước quê nhà Quế Sơn, cứ

tết đến, đứng trên đồi nhìn xuống dòng sông Thu Bồn, lượn lờ chảy, những tiếng pháo xa xa nghe lạch bạch như tiếng đồ chơi trẻ con, nhưng cứ rộn ràng mãi một cái tết trong lòng người xa xứ. Tân cảm thấy buồn vì trống vắng và muốn đi đâu đó để giải khuây. Tình cờ đi ra bờ sông, Tri lại gặp Có ở đó, ánh mắt Có bừng lên niềm thích thú, mặc dầu Có nói bằng quơ đủ thứ chuyện nhưng Tri lại có cảm giác rằng Có thương mình, và một sự dễ chịu dịu dàng dâng lên trong lòng ấm áp, Tân thấy mình có nhiều may mắn. Có là người đẹp người đẹp nét, ăn nói có duyên và dịu dàng, nhưng cái đáng quý nhất của Có là lòng tin Thầy mến đạo. Đi với ai, làm việc gì Có cũng chu chí và thành thật hết mình. Những hôm đang làm việc nhà thế mà nghe cúng ở nhà chị Năm rất ít người, thế là Có bươn bả để lại đồ ăn ở đó, đi cho kịp giờ cúng, những lúc gấp gáp quá Có thường quên ăn luôn, nhưng dù cho bụng đói cồn cào, Có lúc nào cũng vui vẻ thân ái với mọi người. Đêm đó, trăng sáng vàng vạc, ánh vàng dịu mát trải khắp khu vườn, không khí thoáng mát, lành lạnh thật dễ chịu lòng người bị cảnh vật xao động, thường tưởng đến

những gì cao xa mơ hồ hư ảo hơn. Chúng tôi ngồi cùng với các đồng nhi khác, nhưng mỗi người một ý nghĩ, thoáng chốc như chỉ còn có hai người mà thôi, lòng thấy vui, chẳng biết niềm vui đó từ đâu mang lại, cứ muốn đêm dài ra mãi và trắng cứ treo mãi trên đầu mấy ngọn tre mà thì thầm.

Đêm đêm, tôi cứ trần trọc mãi vì chuyện không đâu, tôi cứ thấy Có thương mình, rồi Có nói thật ra ý nghĩ đó, làm tôi lạng người đi vì bối rối, và xúc động. Trong tôi lẫn lộn cả niềm vui được thương yêu, và lý trí cứ mách bảo tôi, có điều gì đó không ổn, tôi chẳng biết cái bất an đó là gì.

Rồi thời gian cứ trôi dần, như bốn mùa lướt qua. Chúng tôi có vài dịp đi chung với nhau, nhưng cũng chẳng nói gì nhiều. Có một nhà văn nào đó nói rằng, khi im lặng là lúc nói ra nhiều nhất, nhưng có nhiều điều Tân chẳng bao giờ nói ra được. Tân không biết có đúng không, nhưng Tân để cho những bước chân vô hồn cứ theo nhịp, còn tư tưởng thì lang thang suốt những buổi cùng đi với Có. Lúc dừng chân lại để nghỉ, Tân có cảm giác Có muốn nói rồi lại thôi, cũng có lúc Tân muốn nói với Có hay là mình coi nhau như bạn,

như anh em thôi, như cứ sợ Có chạnh lòng. Sự do dự mãi tạo ra lúng túng. Hình như cả hai chúng tôi sợ mất đi những gì mình mong muốn, nhưng lại do dự, nên cứ muốn gần nhau càng nhiều càng tốt. Đến khi nào dứt lòng hẳn hay. Thời gian cứ vậy trôi qua, những hoa cải vàng rực rỡ của mùa xuân trên đồng, vẫn nở rộ reo vui. Cho đến ngày, một người muốn đến với Có. Đến đôi này chúng tôi có cảm giác gần nhau đã hơn ba năm rồi. Có phải khó khăn lắm mới quyết định nói nên lời, Có hỏi tôi có mến Có không, tôi hiểu thay vì dùng chữ mến, đáng lẽ phải dùng chữ thương, thì đúng hơn, nhưng có lẽ chữ yêu là chính xác nhất để diễn tả tình yêu giữa nam và nữ. Cũng chẳng có gì là sai trái nếu tôi và Có thương nhau, lúc đó tôi khoảng hăm một hăm hai, còn Có khoảng trắng tròn lẻ. Thời chúng tôi, tuổi đó là quá đủ để kết hôn, nhưng Tân vẫn có cái cảm giác kỳ lạ như không đúng lắm với người hướng dẫn đồng nhi. Tân dần vật với vai trò anh cả hướng dẫn đồng nhi, bây giờ lại dan díu, để trở thành ngang hàng với các em. Tân thấy một cái gì đó không đúng đạo lý cho lắm. Tân đã tự dừng dừng lên một rào cản, rồi cái hàng rào

đó lớn dần lên, giống như cái đậu
mồng toi trong thơ Nguyễn Bính,

*Nhà nàng ở cạnh nhà tôi,
Cách nhau cái giậu mồng toi
xanh rờn.*

Cái hình ảnh mà thi sĩ dựng lên
trong tâm, giống y như hình ảnh
mà tôi dựng lên giữa tôi và Có,
khi không có nàng thì tôi mong
Có đến, chỉ đến thôi, nói chuyện gì
cũng được, không nói chuyện cũng
được. Ngồi đó băng quơ, như “mấy
hôm nay ở nhà làm gì?”, “có khỏe
không?” hay vô duyên hơn, “biết
nấu món... có ngon không?” Hình
như chúng tôi nói để mà nói, chứ
không phải nói để mà nghe và hiểu,
sự thông cảm hoàn toàn rồi, không
cần thêm gì nữa, nên nói để khỏi bối
rối thôi. Bởi thế, đậu mồng toi, thì
vẫn có đó, nhưng tôi ước gì chả có
đậu mồng toi thì tôi mới sang thăm
Có. Tôi nói thăm, làm sao không có
đậu mồng toi được?

*Giá đừng có giậu mùng toi,
Thế nào tôi cũng sang chơi
thăm nàng.*

Nhưng con người với những
lạ lùng khó hiểu, cứ lặp đi lặp lại
rằng mình biết mình nhất, nhưng
thật ra chẳng hiểu chút gì về tâm
lý đây mâu thuẫn của mình hết.

Cho nên mặc dầu nhớ Có, tôi

lại cứ tỏ ra là mình không nhớ
Có chút nào, điều này tôi chẳng
giấu được ai, có giấu được âu là
giấu chính mình mà thôi! Nguyễn
Bính đã biết tông tông tong rồi:

*Cái gì như thế nhớ mong?
Nhớ nàng? Không! Quyết là
không nhớ nàng!*

Cứ coi như tôi không nhớ Có
đi, như vậy có vẻ đàn ông hơn,
điều này theo tâm lý học thì có
vẻ ngược lại, cái gì càng chứng tỏ
mình mạnh mẽ bao nhiêu, thì thật
ra mình yếu mềm chừng ấy, tôi
bảo tôi không nhớ, thì chắc chắn
là tôi nhớ nhiều rồi.

Nhưng tôi không biết mình
nguy biện đến bao giờ nữa, bây
giờ tôi nhớ sinh hoạt đồng nhi,
tôi nhớ buổi tối ăn chè, tôi nhớ
buổi trưa hái sim trên đồi, tôi nhớ
khi hoa cải vàng rộ ngoài đồng,
là tết chúc nhau mừng mừng reo
vui, nào là mồ hôi sinh hoạt, nào
là những tình huống hài hước khó
nói, vv... nhưng có một điều rất lạ
đó là chắc chắn tôi không hề nhớ
Có, đúng không vậy? Ôi, chẳng
chắc lắm!

*Nhớ con bướm trắng lạ lùng!
Nhớ tơ vàng nữa, nhưng
không nhớ nàng.*

Tôi không nhớ Có, mùa xuân

cũng không nhớ nàng, nên mùa xuân đó qua đi rất nhanh, vừa đủ để tôi dựng lên một giải ngân cách một cách vội vã, cho cái đậu mồng toi này. Tân càng ngày càng có ý nghĩ rằng là một người huynh trưởng trong lớp, tập kinh kệ, giảng giáo lý cho các em, rồi tập lễ nghĩa, nói điều đúng đạo với lỗi đạo cho các em, đâu lẽ tôi lại làm sai đạo. Sai trái ở đây là tôi đang tập lễ mà làm trái lễ, một huynh trưởng mà phải lòng với đồng nhi của mình thì làm sao nói chuyện với những đồng nhi khác, các đồng nhi khác sẽ coi thường tôi và nghĩ không tốt về chuyện tôi lợi dụng hướng dẫn để làm điều không đúng lễ. Nếu thế thì tôi phải nghĩ làm huynh trưởng đồng nhi, làm sao mà điều hành được nữa. Tôi cứ suy nghĩ mãi, trong lớp đồng nhi cũng có nhiều người lớn tuổi, các huynh trong các xã đạo lân cận cũng có người hướng dẫn trước tôi. Nhưng tôi lại được lòng mọi người hơn, và được tôn trọng nữa mới khó cho tôi, ai cũng nghĩ tôi đứng đắn nghiêm trang, không thể như vậy được. Đùng một cái, cha mẹ Có bảo có người đến coi mắt, Có phải quyết định nhanh lên, tôi biết lúc đó thời gian rất vội vã cho một sự

dứt khoát, giữa tình cảm và lý trí, cho nên phân vân mãi.

Chiều chủ nhật, tôi buồn bã lang thang lên đồi ngồi cạnh con suối rì rào mà tâm trạng rối bời, và hoang mang tột độ, nỗi giằng xé chao đảo làm cho tôi như ngây dại, mất hết cảm giác, tôi thấy vừa ê chề khi thương Có, vừa tiếc nuối khi chia tay, và rung rức nỗi đau. Tình cờ lúc đó anh Tuấn, đi đón củi về đi ngang qua, thấy tôi ngồi đó, vì không để ý anh không biết tâm trạng của tôi bấy giờ, anh hỏi han và góp ý về những việc đọc kinh đi lễ, rồi rủ tôi về ăn cơm tối nhà anh. Tôi cũng vui đi phần nào nỗi buồn, tối hôm đó tôi vẫn không ngủ được trọn vẹn, vì còn nỗi niềm thao thức.

Sáng hôm sau, tình cờ một ý nghĩ loé lên trong đầu tôi, tại sao một người tốt như anh Tuấn, mà lại không được Có thương. Tôi biết anh Tuấn tâm sự với tôi là anh rất mến Có, thế thì được rồi, tôi sẽ làm người tác hợp vừa gỡ rối cho cái giậu mồng toi vừa gắn bó một cặp xứng đôi vừa lứa. Tân thấy một niềm vui trở lại, tôi như thoát nạn và vui hẳn lên.

Hời ôi! Tôi thật chẳng biết gì về mình cả, tôi cứ nghĩ giậu mồng

toi đó đã đủ để ngăn cản tôi đến với Có, và bây giờ có thêm một Tuấn nữa thì chắc chẳng khi nào tôi còn nhớ đến Có nữa. Nhưng tôi thật ngây thơ quá, mặc dầu tôi có dựng lên một giậu mồng toi hay mười giậu mồng toi đi nữa, cho dầu tôi có cố gắng giới thiệu Tuấn cho Có, để thành đôi tân hôn sau này, thì tôi vẫn nhớ nhung những giây phút êm đềm bên Có như hồi nào giờ, không có gì ngăn cản nổi.

Ngày rước dâu, Có đi bên Tuấn cả hai chào và cười với tôi, đầy vẻ mang ơn. Tôi chào và cười lại với đôi uyên ương, cố gắng kiềm lòng cho đến khi đám rước dâu về hết.

Tôi chạy vội ra phía sau vườn, tay vịn vào cây chuối mà khóc nức nở, không còn kiềm hãm được nữa, nước mắt tôi cứ tự do tuôn ra như mưa, cho dầu tôi cố gắng giấu tiếng nấc nghẹn ngào của mình. Có ơi! Có ơi! Làm sao mà quên được, Có ơi!

Năm tháng rồi cũng trôi pha, tôi về lại quê hương, rồi lập gia đình, với những lo toan và bận rộn nhưng tôi cũng đi thuyết giảng nhiều nơi. Năm này mùa xuân lại về rồi, những hoa cải vàng ối lên tiếng gọi tôi, như thuở nào, nhưng lòng tôi vẫn nhớ về Có và cái giậu mồng toi quái ác mà tôi dựng lên ngăn cách. Ôi! giá đừng có giậu mồng toi!





TRẦN DÃ SƠN

Mong

*Có phải Hạ về mang nắng theo
Nên trời hằng bữa vẫn trong veo
Vườn cây xanh mát cảnh sai trái
Mong một ngày mai bớt khổ nghèo*

*Hy vọng tiếng chuông mùa Phật đàn
Ít nhiều lay động trái tim ai
Hy vọng những người con áo trắng
Lạy Phật vì tin Đấng Cao Đài*

*Mùa Hạ về rồi mùa Hạ qua
Thời tiết đổi thay khắp bốn mùa
Thành trụ hoại không cùng biến dịch
Đạo Trời vận chuyển để trung hòa*

*Thôi em, xin đừng nghĩ viễn vông
Ngày tháng trôi nhanh đâu chiều lòng
Trẻ chẳng lo tu, già hối tiếc
Kiếp người chung cuộc chỉ tay không. ☯*

ĐỒ THỊ KẾT

Đầy đèn Cửa Hát

*Thăm Đèn Cửa Hát nhớ tiền nhân
Đánh đuổi quân thù cứu giúp dân
Thoát ách bạo tàn quân xâm lược
Nữ lưu đầu ngai chốn phong trần*

*Cơ nghiệp họ Hùng xưa đã tạo
Một lòng quyết giữ chẳng hư danh
Khởi nghĩa Hai Bà gương liệt nữ
Trung nghĩa anh hùng rạng sử xanh*

*Đầy Đèn Cửa Hát chốn tâm linh
Đâu chỉ xứ Đoài bao tôn vinh
Nữ Thánh Trung Vương soi hậu thế
Tự hào thay dân Việt Nam mình*

*Ai về Cửa Hát nghĩ về ai
Nợ nước ân chồng vai trĩu vai
Ai dám khinh lờn trang nhi nữ
Việc sơn hà ai để mặc ai. ☯*



MAI HẬU

Tâm tình với mẹ

Hôm nay lên nghĩa trang thăm mộ Mẹ
Thấp nén nhang con khe khẽ nguyện cầu
Mẹ ơi! Mẹ đang ở nơi đâu?
Xin chứng giám cho lòng con nhé
Trước mặt con có nhiều ngả rẽ
Nhưng con đã chọn rồi một đường đi
Lời nói của Mẹ khi xưa, con không ngừng suy nghĩ
Đường con đi nhiều khúc khuỷu quanh co
Nhưng mỗi khi có việc phải lo
Con lại nhớ đến lời Mẹ dạy
Nên con đã bình tâm trở lại
Biết bỏ ra ngoài những tiếng thị phi
Và một lòng quyết chí tu trì
Con muốn mình trở thành người ngoan Đạo
Chắc Mẹ vui vì con hiếu thảo
Đã lo tròn tâm nguyện của Mẹ trao
Cuộc sống con mai này dẫu có ra sao
Con vẫn vui vì mình đã chọn
Nén nhang này con xin dâng trọn
Cho tấm lòng của Mẹ với con. ☯



ĐỖ THỊ KẾT

Đèn và trăng

*Phổ đêm
Rực ánh đèn
Trên cao
Một vầng trăng lẻ loi
Đèn soi
Và trăng soi. ☯*

NGUYỄN QUỐC HUÂN

Động

*Sáng nay đá đụng căng bàn
Úi da đau quá còn vang cả ngày

Cái bàn mây thiết thày lay
Mắc chi quăng cái chân mây vào tao

Cái bàn mây thiết tào lao
Mắc chi nứu cái chân tao vào mây

Biết rằng tỉnh, biết rằng say
Nhưng chẳng ai biết đúng sai, tao mây

Tao mây, sai đúng là hai
Cái đau da thịt lòng nầy một thôi

Tâm chưa yên chắc cú rồi
Mắc chi ôm riết cái lời úi da... ☯*



Tuổi trẻ Thanh Long với lý tưởng phụng sự Đại Đạo

(Tham luận của ba GĐHĐ Trung Minh, Từ Vân, Trung Hiền nhân lễ kỷ niệm tiền bối Hiệp Thiên Đài ngày 8.12. Mậu Tuất tại Thánh Thất Trung Minh. Trưởng Lương Mai trình bày)

Ngài Bảo Pháp Chơn Quân Thanh Long Lương Vĩnh Thuật, tên thật Lương Tam Sách (sinh năm 1918 - mất năm 1982), như chúng ta biết là con người mang sứ mạng Thiên Ân cao cả.

Ngài sống trong xã hội Việt Nam đầu thế kỷ 20, đây là thời đoạn đất nước rối ren về chính trị, rối loạn về chuẩn mực đạo đức, nhiều nhưng những thế lực mang tham vọng thôn tóm xã hội... Cậu thiếu niên Lương Tam Sách với bản tính hiền lành, thông dong sẽ dần thân trong dòng chảy dữ dội của thời đại như thế nào?

Xin được phép dùng những vần thơ của Rudyard Kipling⁽¹⁾ dẫn dắt câu chuyện, bài thơ mang tên “NẾU” - là một bài thơ tiếng Anh hay nhất mọi thời đại nói về tâm tư của Người Cha kỳ vọng bản lĩnh của Con mình sẽ đứng vững trước những sóng gió của thời đại.

Bài thơ như sau: “NẾU”

*Nếu con có thể bình tâm khi mà tất cả
Hết thấy kinh hoàng và đổ lỗi cho con
Nếu con vẫn vững tin khi mọi người nghi kỵ
Mặc ai đó không tin nhưng con vẫn vững lòng*

⁽¹⁾ Rudyard Kipling (1865-1936) là nhà thơ người Anh rất nổi tiếng với bài thơ IF. Bài thơ này được dịch ra nhiều thứ tiếng của các nước khác nhau. Bản dịch với tựa đề NẾU. Bản dịch được dùng trong bài tham luận này là của Nguyễn Hoàng Ái

Nếu con biết đợi chờ và kiên nhẫn chờ trông
Không lấy điều dối gian đáp lại điều gian dối
Hoặc bị căm ghét mà không căm ghét lại
Không nói những lời khôn, không ra vẻ thánh thần.

Nếu con mơ ước mà không để ước mơ làm chủ đời con
Nếu con có thể suy tư mà không lấy nó làm mục đích
Nếu cả Thành công, Thất bại trên đường đời con gặp
Mà vẫn như nhau - đối xử một tấm lòng

Nếu con biết nghe sự thật những lời của con
Bị kẻ bắt lương làm bầy lừa kẻ đại
Hoặc nhìn đời con đổ vỡ, đành làm lại
Và con cúi xuống dựng nên với công cụ đã mòn.

Nếu con dám đem những đồng vốn của mình
Đổ hết vào một trận ăn thua úp ngửa
Đành làm lại từ đầu vì đã mất tất cả
Mất mát của mình không một chút thở than

Nếu con ép được con tim, thó thịt đường gân
Phục vụ cho mình để giành mục đích
Và cố níu giữ, dù chẳng còn sức lực
Nhưng ý chí vẫn đòi: “Hãy giữ vững lòng tin!”.

Nếu con giữ tư cách khi nói chuyện với mọi người
Hay khi ngồi với Vua - thường dân không gián đoạn
Nếu không để thiệt cho mình - dù với thù hay bạn
Không còn để ai nợ nần hay còn nợ gì ai
Nếu mỗi phút giây con có được trong đời
Không để phí hoài mà luôn luôn đặt trên đường chạy

Thì thế giới này sẽ là của con, cùng tất cả những gì trong đây
Và - quan trọng hơn - con trai, con là một Con Người!

Dĩ nhiên, bài thơ này không mô tả về cuộc sống của Ngài, bài thơ càng không diễn tả dòng lịch sử Ngài trải qua, nhưng khi đọc những dòng thơ này, bất giác tẻ muội cảm nhận hình bóng cậu bé mang tên Lương Tam Sách qua từng nhịp thơ - những nhịp thơ rất trầm nhưng rất gai - như muốn đâm vào trái tim ấy, vào tâm hồn ấy, vào sức sống của cậu bé. Có mấy ai phải đi qua cuộc đời mình quá nhiều cột mốc đón đau như nhân vật Người Con trong bài thơ “NẾU” để tôi luyện bản lĩnh trở thành Con Người đúng nghĩa, có mấy ai phải trải qua quá nhiều gian lao, khổ cực và bi thương như cậu bé Lương Tam Sách, để trở thành bậc Thiên Ân của sứ mệnh.

Những năm 1933, cậu bé Lương Tam Sách 15 tuổi, đón nhận lời Cha dặn dò:

“Thầy nghĩ tương lai con có khả năng làm nên sự nghiệp chi tiết rằng thầy không còn để dẫn dắt con thêm ít năm nữa. Thầy khuyên con dầu sao cũng cố gắng mà trau dồi y nghiệp vì đó là nghề lương thiện, nghề tự do giúp con đến đâu, ở đâu, từ lãnh vực này sang lãnh vực khác cũng được. Dòng dõi họ Lương ta có lời truyền ngữ: Tiến vi quan, thoái vi sư, riêng nhà ta qua mấy đời cũng từ y nghiệp mà làm nên gia nghiệp... nhớ thường về Bảo An hương khói từ đường trông nom mồ mả ông bà như lúc thầy còn sanh tiền”

15 tuổi, Ngài ném trái niền đau tốt độ đầu đời, bỗng chốc mất đi người cha yêu dấu rất mực thương yêu Ngài, bỗng chốc bị khắc vào tâm khảm mình một nỗi buồn thương vô hạn, bỗng chốc phải trở thành chỗ dựa tinh thần cho mẹ và người thân. 15 tuổi, cậu bé Lương Tam Sách nén đau thương, chọn lấy thái độ “**bình tâm**” thay vì hốt hoảng hay kinh hoàng.

Trong sự nỗ lực bình tâm giữa hoàn cảnh gia quyến đau buồn ấy, cậu bé không tránh khỏi những câu hỏi u uất về “đời mình & tương lai mịt mờ”. Gia đình bác hàng xóm - bà Mục Cư nhập đạo Cao Đài, giúp Ngài đều đặn tham dự các buổi đọc Thánh Giáo, cúng nước.

Nếu con có thể bình tâm khi mà tất cả

Hết thấy kinh hoàng và đổ lỗi cho con

Nếu con vẫn vững tin khi mọi người nghi kỵ

Mặc ai đó không tin nhưng con vẫn vững lòng

Trong sự giằng co giữa hiện thực và kỳ vọng của lý trí, hoàn cảnh hiện thực muốn quăng vào cậu bé những nỗi kinh hoàng, lo sợ; những nghi kỵ, đổ lỗi về thời đại, về cuộc sống... 15 tuổi, cậu bé phải bước qua những nhịp lắt cấn của cuộc sống, vững lòng lựa chọn... Ngài chọn Đạo Trời, dù biết lòng mình chưa cảm được đức tin nồng nhiệt trong tim. Ngày mùng 9 tháng giêng năm Quý Dậu (thứ sáu 3-2-1933) Ngài nhập môn Đạo Cao Đài tại Thiên Bàn nhà bà Mục Cưu.

Nhập đạo xong, công việc đầu tiên của Ngài là cầu siêu cho thân sinh, và cầu thọ cho thân mẫu, Ngài đã thực hiện trai giới và lòng chí thành, tụng 3.000 biến danh hiệu A Di Đà và 3.000 biến vãng sanh. Cầu thọ cho mẹ tụng 3000 danh hiệu A Di Đà và 3.000 biến kinh Cứu Khổ, ngoài ra còn bố thí và phóng sanh”. Ngài thiết bàn thờ tại nhà tụng niệm suốt thời gian 3 tháng đủ 12.000 biến kinh là hoàn tất.

Nếu con biết đợi chờ và kiên nhẫn chờ trông

Không lấy điều dối gian đáp lại điều gian dối

Hoặc bị căm ghét mà không căm ghét lại

Không nói những lời khôn, không ra vẻ thánh thần.

Chờ đợi và kiên nhẫn chờ đợi... Ngài và những người bạn, tiếp thu tư tưởng Đạo qua kinh kệ, thánh ngôn, thánh giáo như bài:

Hảo Nam Bang hảo Nam Bang.

Tiểu Quốc tảo khai hội Niết Bàn.

Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo.

Hỷ phùng Ngọc Đế ngự trần gian.

Những điều thiêng liêng chưa biết gọi tên, nhưng đã ươm mầm trong tâm hồn những cậu trai trẻ một niềm tự hào là môn đệ của Đạo Thầy, Ngài và nhóm bạn chọn cho mình tâm nguyện phước đời hành đạo. Hồi ký của Người còn ghi: “Chúng tôi lấy khổ hạnh để rèn luyện thân tâm, lấy bố thí vị tha làm phương châm tu tiến, toàn thể bận vải thô, tóc không cắt, chân không đi giày, guốc (đi đất) tránh tổn hại kiến bọ côn trùng, đi đường thấy gai nhọn đình nhọn lượm hết, giấy chữ rơi rớt thu nhặt về đốt ra tro bỏ dòng sông, lúc qua các đình chùa, miếu, nhà Tự, nhà Thờ, đám tang đám tế đều phải giở nón, nghe tiếng kêu rên sắp

chết của loài vật, gặp loài chim loài cá bị bắt bớ thì mua phóng sanh, bằng không thì niệm Kinh Vãng Sanh cầu nguyện.”

Có lẽ bởi cốt cách & căn tu này là một trong những yếu tố Ngài và nhóm bạn được Đấng Thiêng Liêng lựa chọn là người sứ mệnh cho sự nghiệp truyền đạo Trung Châu?

Nếu con mơ ước mà không để ước mơ làm chủ đời con

Nếu con có thể suy tư mà không lấy nó làm mục đích

Nếu cả Thành công, Thất bại trên đường đời con gặp

Mà vẫn như nhau - đối xử một tấm lòng

Lịch sử viết:

“Đêm 30 rạng 01-12 Giáp Tuất (1934) anh chị lớn Lê Kim Ty đưa Đồng Tử đến chứng lễ khai đàn thiết lập đàn cơ. Hôm ấy Đức Lý Giáo Tông giảng đàn dạy nghi thức 4 chúng tôi minh thệ, trấn thần Ngọc Cơ và ban đạo hiệu cho chúng tôi:

- *Lương Tam Sách Đạo Hiệu Thanh Long*

- *Lê Văn Phụng Đạo Hiệu Bạch Phụng*

- *Lê Văn Quy Đạo Hiệu Kim Quy*

- *Trần Công Sĩ Đạo Hiệu Xích Lân*

Pháp hiệu chung là Tứ Linh Đồng Tử giao cho Trần Công Bang, Lê Văn Liêm Pháp Đàn hướng dẫn Lâm Hồng Hẫu, Thân Đức Giang Diễn Ký”

Ngài và các bạn vui mừng khôn xiết, bắt đầu một cuộc đời mới: luyện tập phò loan, vừa hân hoan với trọng nhiệm, vừa lo lắng không biết việc phổ thông Chơn Đạo hệ trọng đến mức nào? Nhưng cũng tự trấn an rằng Thần Tiên gọi đến mà giao việc này cho mình, chứ mình có dám xin đâu, mình chỉ tuân theo lời Đức Lý dạy, hết dạ kính thành cúc cung tận tụy mà thôi.

Là CÚC CUNG TẬN TỤY, 4 chữ này mở đầu cho chuỗi ngày dài đến tận cuối đời của Ngài những gian nan, vất vả, những thách thức, đau đớn, những niềm vui và hạnh phúc... để hoàn thành sứ mệnh Thầy ban.

Sau ngày minh thệ, nhóm Tứ Linh Đồng Tử (từ 13 đến 17 tuổi) bắt đầu chương trình tập luyện: cúng nước Tứ Thời, mỗi tối quỳ hương dượt

điền, mỗi tháng tập chấp cơ 4 lần vào các ngày 30, mùng 1, 14, rằm âm lịch, ngoài ra: mỗi sáng thể dục bằng cách xách nước tưới bông, tưới rau, xong việc nghỉ ngơi đọc kinh sách Thánh Ngôn, Thánh Giáo.

Một khía cạnh khác các bạn trẻ phải đón nhận là hoàn cảnh kinh tế chật vật, bữa ăn là những lá cải bắp già úa các hàng rau ở chợ Bà Chiêu bỏ ra, được nhặt lại đem về làm dưa để ăn, có người hỏi thì bảo nhà tôi có nuôi thỏ. Hay giá le lưỡi (là thứ giá quá ngày bán không kịp sắp thành cây đậu không ai mua nên được bán rất rẻ, một xu được mấy rổ đầy), chuối lá rục là chuối mốc chín quá, rục hết không còn nguyên nải ít ai mua, một xu được cả rổ có hàng 40, 50 trái. Thế nhưng, càng nghèo túng tinh thần Đạo càng cao, tình nghĩa anh em càng thân thiết đùm bọc. Ngày tết, nhóm viết liễn câu đối tết kiếm tiền, Ngài và các bạn kiếm được rất khá, nhưng vào thời điểm viết được nhiều khách nhất - 28 tết - thì Ngài và các bạn không tham lợi, vẫn thu xếp - dọn đồ về để chuẩn bị cho thời cúng. Với Thành công hay Thất bại trên đường đời Ngài gặp; mà vẫn như nhau - đối xử một tấm lòng.

Nếu con biết nghe sự thật những lời của con

Bị kẻ bất lương làm bấy lừa kẻ dại

Hoặc nhìn đời con đổ vỡ, đành làm lại

Và con cúi xuống dựng nên với công cụ đã mòn.

Sau lễ khai khiếu thời gian ngắn, Ngài và các bạn đã hoàn tất thời kỳ tập luyện đã thành người Đồng Loan chính thức. Thời điểm 1930 đến 1935 Đạo Cao Đài đối diện với biết bao trở ngại: bên ngoài thì báo chí, sách vở công kích, chế giễu, bên trong thì nội bộ chia rẽ, chưa nói người Pháp tìm mọi cách cản ngăn, hoàn cảnh xã hội - một lần nữa là một kẻ bất lương muốn xô đẩy, lừa gạt cậu bé 17 tuổi bước ra khỏi lý tưởng của mình, nhưng Ngài đã không nao núng, vẫn vững lòng với sứ mệnh và lựa chọn của mình. Bình tĩnh tìm hiểu và phân tích thông tin, Ngài hiểu rõ dòng chảy tất yếu của tôn giáo, trong hồi ký của mình, Ngài viết: “Tuy cùng một chơn truyền đạo pháp, mỗi phái có một sắc thái khác nhau, nên mọi giới mọi người, mọi khuynh hướng đều thu hút được cả vì vậy mà cơ đạo càng mở mang, cho đến bây giờ mà tôi vẫn không quên và thỉnh thoảng muốn sống lại cái khung cảnh phấn khởi hăng say mùi đạo của nền

đạo mới đang vươn lên vào năm 1933-1934 mà đoạn trước đây tôi gọi là như thủy triều dâng. Chỉ kể lại quang cảnh rộn rịp người đạo trong phạm vi thành phố Sài Gòn-Gia Định khởi điểm từ Thánh Thất Cầu Kho, chùa Minh Tân, Thánh Thất Bình Hòa, Thánh Thất Phú Nhuận, Tân Định đến Thánh Tịnh Đại Thanh, Ngọc Minh Đài, Ngọc Điện Huỳnh Hà và Chùa Tam Tông Miếu v.v...”. Rõ ràng, khi xã hội càng rối ren thì những ước mơ khát vọng trong tâm hồn ấy càng bùng cháy.

*Nếu con dám đem những đồng vốn của mình
Đổ hết vào một trận ăn thua úp ngựa
Đành làm lại từ đầu vì đã mất tất cả
Mất mát của mình không một chút thở than*

Đầu tháng 7, Ngài về quê dự đại tường và mãn tang thân phụ, nhận lệnh Ôn Trên gọi Tứ Linh Đồng Tử chuẩn bị thi hành sứ mạng thì nhận được tin anh Lê Văn Liêm, Lê Văn Bặc từ trần bất ngờ tại Sài Gòn. Khi mọi thứ đã chuẩn bị cho việc dẫn thân vào Sứ mệnh chợt hai Người Anh trong nhóm ra đi đột ngột, trọng nhiệm ấy có bị nao núng như một trò úp ngựa, làm sao không khỏi xót xa với cảm giác như mất mát tất cả, như bỗng chốc bắt đầu lại từ đầu - nén đau thương chọn tiếp tục dẫn thân...

Ngày 24.8. Giáp Tuất, đàn cơ tại Thánh Tịnh Đại Thanh, Ôn Trên chính thức trao sứ mạng truyền đạo Trung Kỳ. Đoàn sứ giả gặp nhau ở nhà cụ Xã Xước bàn công tác phổ độ, mỗi tháng lập 4 đàn cơ, sau hơn một năm độ được hàng ngàn tín đồ và các nhân vật lỗi lạc: Ngài Nguyễn Quang Châu, Ngài Nguyễn Đán, Ngài Lê Trí Hiển - các nhân vật đã góp phần phát triển sứ mệnh truyền đạo tại Trung Kỳ đạt những kết quả vượt bậc.

*Nếu con ép được con tim, thớ thịt đường gân
Phục vụ cho mình để giành mục đích
Và cố níu giữ, dù chẳng còn sức lực
Nhưng ý chí vẫn đòi: “Hãy giữ vững lòng tin!”.*

Trên con đường sứ mạng này, Ngài tiếp tục nhận lấy những biến cố đau buồn bi thảm Bạch Phụng, Kim Quy mất đột ngột, Xích Lân chán nản bỏ cuộc. Là một cơn bão táp hãi hùng đâm thẳng vào tâm trí và

thách thức niềm tin của Ngài: con đường sứ mệnh phía trước sẽ dẫn thân hay thôi lui khi có quá nhiều trở ngại và đau thương? Đọc lấy những dòng sự kiện đó, ta có thể cảm nhận Ngài đã phải ép con tim, thớ thịt đường gân để giữ vững lòng tin.

Ngày 15.6.Ất Hợi, tại đàn cơ Thánh tịnh Thanh Quang, Ôn Trên gọi Ngài Trần Quang Châu minh thệ với đạo hiệu Bạch Hổ, cùng Ngài thành cặp phò loan Thanh Long - Bạch Hổ tiếp tục sứ mạng. Quý Ngài lập giúp lập được 2 thánh sở Cao Đài đầu tiên tại miền Trung: Thánh tịnh Thanh Quang và Thánh thất Từ Quang

Nếu mỗi phút giây con có được trong đời

Không để phí hoài mà luôn luôn đặt trên đường chạy

Thì thế giới này sẽ là của con, cùng tất cả những gì trong đấy

Và - quan trọng hơn - con trai, con là một Con Người!

Ngài và đoàn sứ giả tiếp tục lo nhiệm vụ hành đạo của mình. Mùa hè năm đó, đàn cơ nhà cụ Huỳnh Hiến, Đức Trần Hưng Đạo giảng sơ minh định sứ mạng Trung Hưng, dạy các Ngài chuẩn bị xây dựng Trung Thành Thánh Thất tại miền Trung - công khai nền đạo tại đất Trung Kỳ. Thực hiện các trọng nhiệm này là hàng loạt các sự kiện, con người và những sắp xếp nhiệm màu để lịch sử có thể mô tả rất đẹp thời khắc đó: “đúng 5 giờ toàn bốn đạo và các em đồng nhi ước trên 2000 người khăn áo chỉnh tề, cờ giấy nhỏ xanh đỏ vàng cầm tay được sắp xếp thành hàng ngũ, từ thánh thất đến cổng chào, chính đường Đỗ Hữu Vị (nay là Hoàng Diệu) khoảng 300 m, xếp hàng hai bên đường, từ cổng chính theo đường Đỗ Hữu Vị rẽ qua đường Ông Ích Khiêm (trước tên gì không rõ) đến ga trạm Hòa Vang khoảng hơn 1000m xếp hàng một bên đường, dành một bên cho đồng bào đi lại.

Lúc ấy cuối mùa xuân, tiết thanh minh vừa mãn, bắt đầu bước vào mùa hè, tiết trời mát mẻ, cảnh vật đang mùa khoe tươi, nhất là về chiều, ánh tà dương nửa còn nửa khuất, bóng hoàng hôn cũng bắt đầu buông màn, hôm ấy là ngày mùng 7 bắt đầu trăng non, càng làm cho cảnh trí tăng thêm phần đẹp đẽ, vừa mát dịu lại vừa rộn rịp trong trạng thái đang chờ đón một giây phút thiêng liêng chính thức công khai nền đạo Kỳ Ba nơi đất Trung Châu này”

Ở nơi khác của dải đất miền Nam, vào thời khắc đó là bài cơ: “*giờ này lần Bạch Quang của Thầy đang diễn hành soi sáng thành phố Tourane, các con hãy hướng về nơi ấy mà đón mừng cho cơ đạo Trung Châu...*”

Đạo nghiệp của Ngài: là hoàn thành sứ mệnh truyền đạo Trung Châu; quan trọng hơn Ngài truyền lại tinh thần hy sinh vì Đại đạo, một dòng máu nóng đầy nhiệt huyết cho các Hưng Đạo sinh; và khi đọc những dòng hồi ký của Ngài, ta thấy hành trình truyền rao mỗi đạo không chỉ đối diện với những rình rập bắt bớ từ chính quyền, những khảo đảo thử thách mà còn là một lòng trung kiên truyền đạo chuyên chú lập đàn cơ & bước đường rong ruổi mãi miết, Anh Em mình đi cho kịp buổi lập đàn.

Trên hành trình hoàn thành sứ mạng thiên ân ấy, là những tính toán về đường mưu sinh (lập nhà thuốc để có kế sinh nhai cho việc hành đạo), là những tính toán với thời gian để kịp lập đàn cơ thuyết đạo - giúp nhân sinh nhập môn, là tính toán để hoàn thành các mốc xây dựng thánh sở, hoàn tất các trọng nhiệm...

Hưng đạo sinh ngày nay có thể học Ngài điều gì: 1 tinh thần phụng sự quên mình vì Đạo - điều này có vẻ khá lớn lao, hay 1 sự vững lòng trước mọi khó khăn để gắn kết với sinh hoạt, hay là học sự tính toán với thời gian để hoàn thành tốt hơn những thành tựu cho công việc tu học, chứ không phải là những tính toán cá nhân số lần dâng lễ, tính toán với bài học giáo lý quá dài, hay tính toán với những sinh hoạt tri ân với tiền nhân như vệ sinh nghĩa trang, cố thu ghém trong 1 buổi vì sợ nhọc công di chuyển đến 2 - 3 lần. Xin học sự tính toán đầy phụng sự của Ngài để thu thập nhiều hơn những công phu, công quả, công trình; xin hãy luôn nhớ về 1 tâm trường của Ngài và các bậc tiền nhân, mà dân thân hơn trong sự nghiệp giữ đạo và truyền đạo.

Cả cuộc đời Ngài, không chỉ trưởng thành là một con Người đích thực, Ngài chính là Thiên Ân sứ mệnh của Thầy.

Xin khấu tạ Ngài với những hy sinh và thành quả Ngài dành cho hậu thế.



THÔNG TIN TƯ LIỆU

LỄ KHÁNH THÀNH NHÀ TU TRÍ HUỆ



Ngày 19,20 tháng Giêng / Kỷ Hợi (23,24/02/2019), nhà tu Trí Huệ long trọng tổ chức lễ Khánh thành tại khuôn viên Thánh đường Quảng Nam, số 138, đường Phan Bội Châu, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Đến tham dự lễ Khánh thành có sự quan lâm tham dự của đạo trưởng Phối sư Thượng Hậu Thanh, lãnh đạo các Cơ quan Hội Thánh, Tịnh Đường, Tịnh Thất, Đại diện chức sắc Hội Thánh tại các tỉnh thành, và lãnh đạo các cấp chính quyền tỉnh Quảng Nam, cùng hơn 2000 đạo hữu đến từ các Họ đạo, Dòng tu, Nhà tu, Cơ sở đạo trong và ngoài Hội Thánh Truyền Giáo.

Nhà tu Trí Huệ là dòng tu dành cho các tín hữu nam có chí nguyện xuất gia tu cầu giải thoát, được thành lập theo quyết định số 140/QĐ/HT-HC ngày 06/11/2006 của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài và giấy

chứng nhận đăng ký hoạt động nhà tu Trí Huệ thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài của Ban Tôn giáo tỉnh Quảng Nam số 01/GCN-BTG cấp ngày 20/10/2006. Nhà tu Trí Huệ đã chính thức ra mắt quyết định thành lập ngày 12 tháng Giêng/ Đinh Hợi (2007).

Trong 10 năm đầu thành lập, nhà tu Trí Huệ tạm trú tại các phòng sinh hoạt của Tỉnh đạo Quảng Nam. Vì nhu cầu phát triển nhà tu và để chương trình sinh hoạt nhà tu đi vào nề nếp và đúng quy chế, đầu năm 2016 Hội Thánh tiến hành lập thủ tục xin xây dựng nhà tu. Lễ đặt đá khởi công được tổ chức vào ngày 22 tháng Giêng/ Đinh Dậu (2017), và chính thức khởi công vào ngày 04/02/Đinh Dậu (2017). Sau gần một năm rưỡi xây dựng, công trình nhà tu đã cơ bản hoàn thành và được Hội Thánh tiến hành lễ An vị vào giờ Tý, ngày 24 tháng 8 năm Mậu Tuất (2018). Sau đó công trình tiếp tục hoàn thiện và tiến hành lễ Khánh thành vào ngày 19, 20 tháng Giêng/ Kỷ Hợi.

Tổng giá trị công trình hơn 5 tỷ đồng (5.356.139.000đ), gồm các hạng mục:

Khu chính gồm 2 tầng, tổng diện tích xây dựng 1007m² gồm 2 dãy nhà:

+ Khu nhà trước gồm Bửu Điện, tịnh phòng, thư viện, phòng học, phòng khách, văn phòng Ban Điều hành.

+ Khu nhà sau gồm 06 phòng ở, 01 nhà ăn và khu vệ sinh.

Chung quang nhà tu còn có:

Sân vườn, nhà xe.

Cổng tam quan

Hệ thống thoát nước

Công trình xây dựng nhà tu Trí Huệ hoàn thành nhanh hơn dự kiến nhờ ơn hộ trì của Thầy Mẹ cùng các Đấng Thiêng Liêng và rất nhiều tấm lòng trong đạo ngoài đời, trong và ngoài Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.



KIỂM TRA GIÁO TRÌNH 1 KHÓA TU TẬP PHỔ TẾ VIÊN DỰ BỊ - DƯƠNG ĐÔNG 3



Ngày 03.3.2019, Ban Phụ Trách GĐHĐ tổ chức kỳ kiểm tra giáo trình 1, Khóa tu tập Phổ tế viên dự bị (Dương Đông 3) tại hai địa điểm Trung Hưng Bửu Tòa và Thánh thất Từ Vân (TP. Hồ Chí Minh). Khóa Dương Đông 3 có 179 khóa sinh đang theo học. Chương trình đào tạo có 3 giáo trình, thời gian hoàn tất mỗi giáo trình là 2 tháng. Kết thúc giáo trình 1 và 2 sẽ là các kỳ kiểm tra kết hợp với việc tập huấn. Sau khi kết thúc giáo trình 3, các khóa sinh sẽ tham dự một kỳ trại huấn luyện 2 ngày và làm bài kiểm tra cuối khóa. Thông tin từ Ban Phụ Trách GĐHĐ, trong năm 2019 sẽ hoàn tất khóa Dương Đông 3 và khai giảng Khóa đào tạo Phổ tế viên cấp I - Gò Kén 2 dành cho các Phổ tế viên đã tốt nghiệp các Khóa Dương Đông.

CHUNG SINH ĐẠI CHUNG VIỆN THÁNH GIUSE TP. HỒ CHÍ MINH TÌM HIỂU VỀ ĐẠI ĐẠO



Sáng ngày 12.3.2019, tại Thánh thất Từ Vân (TP. Hồ Chí Minh) đã diễn ra buổi thăm gặp và tìm hiểu về đạo Cao Đài của quý Chung sinh Đại Chung Viện Thánh Giuse. Đại Chung Viện Thánh Giuse tọa lạc tại số 06 đường Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Đây là một trong những nơi đào tạo linh mục phụng vụ cho Giáo hội Công Giáo. Trong tháng 12 năm 2017, Ban quản lý Hạnh Đường Hưng Đức - Hệ Hoằng Giáo có tổ chức cho Hạnh sinh viếng thăm nơi đây và nhận được thiện tình tốt đẹp từ phía cộng đoàn. Trong tinh thần liên tôn đó, kỳ này phái đoàn gồm có 45 Chung sinh thần học năm thứ III do Linh mục Phanxicô Xaviê Bảo Lộc, Trưởng ban Mục vụ Đối thoại Liên tôn làm trưởng đoàn đến thăm viếng và tìm hiểu thêm về chương trình đào tạo Hạnh đường và Pháp môn Tam công của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

Tiếp đón phái đoàn có Anh lớn Giáo sư Thượng Văn Thanh, Chương quản Cơ quan Phổ tế Hội Thánh, Đạo huynh Lễ sanh Ngọc Long Thanh, Đầu Họ Đạo Thánh thất Trung Minh cùng quý chức sắc và một số cựu Hạnh sinh Hạnh đường Hưng Đức. ☯

THÔNG BÁO

Kính gửi chư Hạnh sinh các khóa

Để hiểu biết hoàn cảnh sống, điều kiện tu học hành đạo của chư Hạnh sinh các khóa Hạnh Đường Hưng Đức, Hội Thánh đã cho phép Cơ Quan Phổ Tế tổ chức cuộc Hội ngộ Hạnh sinh vào ngày 4 và 5 tháng 6, Kỷ Hợi (7,8/7/2019 tại THBT).

Trong khi chờ đợi hoàn tất bản kế hoạch cho đạo sự Hội ngộ này, Cơ Quan Phổ Tế thông báo để quý hiền hữu Hạnh sinh sớm biết nhằm thu xếp công việc, bố trí thời gian tham dự. Đồng thời quý hiền hữu nên để tâm cầu nguyện, đầu tư suy nghĩ để góp ý với Cơ quan trong việc tổ chức. Cơ quan sẽ kịp thời phổ biến các thông tin cần thiết đến quý Hạnh sinh.

*Trung Hưng Bửu Tòa ngày 01/3/2019
Cơ Quan Phổ Tế*

CẢM TẠ



Gia đình xin chân thành cảm tạ quý Chức sắc, chức việc các Họ Đạo trong và ngoài tỉnh, các ban ngành đoàn thể, bà con thân hữu gần xa đã đến chung lòng cầu nguyện và tiễn đưa Linh cữu Cha, Ông chúng tôi là cố Lễ sanh HP Nguyễn Hiền thuộc cơ sở Đạo Đức Thắng, Quảng Ngãi về nơi yên nghỉ cuối cùng. Trong lúc tang gia bối rối có nhiều sơ sót xin quý vị lượng thứ.

*Đại diện gia đình
con trai Nguyễn Văn Hiếu*

DANH SÁCH AN TỔNG

Họ đạo Trung Bửu		Họ đạo Từ Vân Sài Gòn	
Nguyễn Hồng Tuấn	500,000	LS Thượng Khội Thanh	100,000
Họ đạo Trung Đồng		Nguyễn Văn Kha	200,000
Ban Phước Thiện		GLGH Thượng Cản Thanh	1,500,000
Họ đạo Trung Đồng	1,800,000	Trần Đặng Thanh Kim	1,000,000
Họ Đạo Trung Hiền		LS Nguyễn Thị Phụng Võ	200,000
Võ Văn Đại	100,000	Huỳnh Lê Linh Thy	300,000
Nguyễn Thị Ngọc Huệ	3,000,000	GL GH Ngọc Cẩn Thanh	500,000
Văn Thị Hiệp	500,000	GĐ Đặng Ngọc Hưởng	1,000,000
Lê Thị Mỹ Dung	500,000	Trần Công Thành	100,000
Phạm Văn Hải Sơn	500,000	Trần Phước Hưng	500,000
Nguyễn Thị Thanh Túy	500,000	Mạch Phước Trí	500,000
Đỗ Thị Đạt	200,000	Hồ Hữu Ái	100,000
Nguyễn Đình Phát	200,000	Võ Minh Trung	100,000
Nguyễn Thị Lưu	200,000	Nguyễn Thị Thanh Nga	1,000,000
Nguyễn Thị Anh	500,000	LS Huỳnh Hương Liên	200,000
Họ đạo Trung Hội		Lê Thị Bạch Ẽn	200,000
Dương Thị Thu Tâm	1,000,000	GĐ LS Nguyễn Hữu Giám	500,000
Họ đạo Trung Minh		Minh Đức	500,000
Mai Hậu	500,000	GH Hương Phong	500,000
Bùi Thị Sơn	100,000	GL LS Ngô Thị Nguyệt	500,000
Gia đình Quỳnh Trâm	100,000	Các đơn vị khác	
Hà Nguyễn Mai Chi	200,000	ĐH Bùi Văn Khâm	5,000,000
Tạ Thị Mịch	200,000	Ấn danh (Tân Định)	5,000,000
Lê Thị Hậu hồi hướng		Thánh thất Lộ Đỏ	1,000,000
giác linh Phan Văn Tuấn	200,000	Huỳnh Văn Mến (TT. Lộ Đỏ)	100,000
Phan Thị Tấn hồi hướng giác linh		Đại Phá, Đại Cơ Phá	
Phan Thơ và Trần Thị Hoa	500,000	(Minh Lý Đạo)	500,000
Trương Đình Chiến	600,000	Công ty TNHH ĐT	
Lê Thị Bích Liên	200,000	TMDVKT Minh Đức	1,000,000
Lê Hồ Phương Linh	200,000	Công ty TNHH ĐT	
Lê Thị Bích Hồng	100,000	An Thịnh Minh Đức	1,000,000
Gia đình Mai Văn Triệu	1,000,000	G/đ Nguyễn Thanh Mẫn	3,000,000
Gia đình Lê Thành Dũng	500,000	Giáo sư Nguyễn Hương Trúc	
Gia đình Phan Lê	500,000	CQNPHT	2,000,000
Họ đạo Trung Nhơn			
Nguyễn Huyền Nhã	1,000,000		
Gia đình Lê Thị Minh Nở	3,000,000		





Nhà tù Phước Huệ
Kỷ niệm 60 năm thành lập vào ngày 8/2 Kỷ Hợi



Thánh Thất Khánh Vân
Khánh thành ngày 10/3/ Kỷ Hợi